

LỮ HÀNH HY VỌNG



TẬP VIỆN THÁNH BÊNADÔ - CHÂU SƠN

Nội San **ĐI VÀO TỊCH LIÊU**

LỮ HÀNH HY VỌNG

Tháng 08 - 2025

Cha Henri Denis
Tổ phụ
Hội Dòng Xitô Thánh Gia



Thánh Bênêđô
Bổ mạng
Tập viện Châu Sơn

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	1
Lời ngỏ	5
Cánh cửa hy vọng mở ra cho... khao khát Thiên Chúa.....	8
Phần I: Lữ hành hy vọng	15
Chương I: Cội nguồn của hy vọng	15
Khởi đầu và đích điểm cuộc lữ hành của Kitô hữu	15
Abraham ơn gọi tiến về đất hứa.....	23
Thập giá và niềm hy vọng phục sinh	29
Đức Maria - Mẹ của niềm hy vọng	34
Hạt mầm hy vọng	40
Chương II: Hành trình sống hy vọng.....	41
Hòa bình dấu chỉ hy vọng đầu tiên	41
Mẹ Maria đã lên đường với hy vọng đem Chúa đến cho tha nhân	50
Lòng thương xót của Thiên Chúa dấu chỉ hy vọng cho bệnh nhân	54
Lòng thương xót của Thiên Chúa và lời nguyện chuyển cầu niềm hy vọng cho các linh hồn	60
Tha thứ dấu chỉ hy vọng của tình yêu.....	64
Giới trẻ - hiện thân của niềm hy vọng cũng đang rất cần đến dấu chỉ của hy vọng.....	72
Hy vọng cho những người cao niên.....	78
Lời kêu gọi từ năm thánh 2025 dấu chỉ hy vọng cho người di cư	83
Ổn kiên nhẫn người con để củng cố niềm hy vọng.....	89
Chương III: Những chứng nhân của hy vọng	101

Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu ra đi trong	101
Mẹ Têrêsa Calcutta dấu chỉ hy vọng gặp gỡ Chúa trong người nghèo	108
Đức cố Hồng y Phanxicô Xaviê bản tình ca hy vọng.	114
Thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu đóa hồng hy vọng	121
Những người lữ hành hy vọng	124
Sống hy vọng bước theo Đức Kitô làm chứng.....	138
Chương IV: Cùng đích vinh quang của niềm hy vọng	146
Lời nguyện cậy trông	146
Niềm hy vọng hưởng vinh quang Thiên Chúa không bao giờ là ảo vọng	148
Hạnh phúc được hiệp thông với Thiên Chúa tình yêu	154
Phần III: Tâm sự chiếc áo dòng.....	160
Ai bảo đi tu là khổ?	160
Xin dâng lời cảm tạ	164
Hành trình ân phúc	168
Đi tu	173
Phần III: Khoảnh khắc đẹp	174

LỜI GIỚI THIỆU

*“Cây trông tựa cánh hạc vàng
Bay qua mây xám sang trang nắng hồng”
(Châu Sơn)*

Sau những tháng năm dài bị giam cầm, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận kể lại rằng: ngài đã không cho phép mình bị nhận chìm bởi bóng tối tuyệt vọng. Thay vì than trách, ngài chọn viết ra những lời ngắn gọn, như những giọt dầu nhỏ, thấp sáng ngọn đèn cây trông, ngọn đèn hy vọng. Những mảnh giấy vụn, những dòng chữ vội vàng ấy sau này trở thành *Đường Hy Vọng*, cuốn sách nuôi dưỡng đức tin cho biết bao tâm hồn. Giữa bốn bức tường tù ngục, ngài vẫn hát bài ca hy vọng, và chính niềm hy vọng đã gìn giữ ngài đứng vững.

Câu chuyện ấy cho chúng ta thấy: cây trông, hy vọng không phải là một ảo tưởng xa vời, nhưng là sức mạnh để ta đi qua những đoạn đường gập ghềnh nhất của cuộc đời. Hy vọng là ngọn lửa nhỏ, nhưng có thể sưởi ấm cả một tâm hồn giữa mùa đông giá lạnh. Hy vọng là nhựa sống âm thầm chảy trong thân cây, để cây luôn phát triển và đến mùa sẽ trổ hoa, kết trái.

Chính trong tinh thần đó, Nội san *Đi Vào Tịch Liêu* lại được tiếp nối với chủ đề “Lữ hành Hy Vọng”. Đây là công trình của các Thỉnh sinh - những người mới chấp chứng

bước vào Đan viện, khởi đầu hành trình tìm kiếm và gắn bó với Chúa. Những trang viết này không phải là áng văn chương mượt mà, nhưng là những bước chân đầu tiên, hồn nhiên và đầy tin tưởng, trên con đường Đan tu dài rộng. Mỗi bài viết, mỗi suy tư, mỗi lời nguyện đều mang dáng dấp của một trái tim trẻ trung, đơn sơ và khao khát Thiên Chúa.

Đọc những trang sách này, chúng ta như nghe được tiếng nhịp bước của những lữ khách đang đi trong bóng chiều: tay cầm ngọn đuốc nhỏ, mắt hướng về ánh sáng xa xa nơi cuối đường. Những chia sẻ của các Thỉnh sinh có thể vụng về, có thể chưa tròn vẹn, nhưng lại chân thật và trong sáng, như giọt sương mai run rẩy trên nhánh cỏ non, nhưng vẫn lung linh phản chiếu ánh mặt trời.

Đời tu chính là một cuộc lữ hành. Không ai trở thành môn đệ Chúa Kitô chỉ trong một ngày; đó là hành trình đi từng bước, vượt qua thử thách, trung thành trong những hy sinh nhỏ bé. Và chính hy vọng là người bạn đồng hành trung thành nhất. Hy vọng nâng đỡ các Thỉnh sinh trong những ngày khô khan, giúp họ kiên nhẫn giữa chán nản, giữ cho trái tim hồn nhiên khi đối diện với thử thách.

Nội san số này mang giá trị thiêng liêng đặc biệt: nó không chỉ là tập hợp những suy nghĩ, mà là lời chứng của một thể hệ đang tìm kiếm Thiên Chúa. Các Thỉnh sinh viết không phải để chứng tỏ tài năng, nhưng để ghi lại những rung động thiêng liêng, những thao thức âm thầm, những câu hỏi chân thành. Chính sự đơn sơ ấy làm cho từng trang sách trở nên

quý giá, bởi nó chạm tới sự thật: khát vọng được sống gần Thiên Chúa, được yêu thương và được biến đổi.

Trong bối cảnh Năm Thánh 2025 - Năm Thánh của Hy Vọng, Nội san này lại càng thêm phần ý nghĩa, vì đáp lại lời mời gọi của Đức Thánh cha Phanxicô gửi tới toàn thể Dân Chúa: hãy trở thành “những người hành hương của Hy Vọng” cùng nhau tiến bước, không mang theo gánh nặng sợ hãi nhưng mang theo ngọn lửa tin yêu. Những bước chân âm thầm của các Thánh sinh trong Đan viện, qua cầu nguyện và suy niệm, đã hòa nhịp với bước chân của muôn vàn tín hữu khắp năm châu. Cả Hội thánh đang cùng nhau lữ hành hướng về Chúa Kitô là niềm hy vọng bất diệt.

Với vai trò là người đồng hành, cha ngõ lời với anh em Thánh sinh - những người lữ hành Hy Vọng: Hãy tiếp tục bước đi, đừng sợ hãi! Con đường Đan tu không trải hoa hồng, nhưng mỗi bước chân kiên vững trên nền đá là một bước tiến vào niềm vui vĩnh cửu. Đừng để gió bụi đời thường làm tắt ngọn lửa hy vọng, nhưng hãy giữ nó cháy mãi bằng cầu nguyện, bằng hiệp thông và bằng lòng tin thác vào Thiên Chúa.

Và với quý độc giả, xin hãy đón nhận Nội san này không phải như một tác phẩm hoàn hảo, mà như một món quà nhỏ bé, chứa đựng sự chân thành. Ước gì khi đọc, lòng ta cũng được thắp sáng thêm bởi niềm hy vọng. Ước gì từng trang sách trở thành những viên đá nhỏ, góp phần xây nên cây cầu nối kết chúng ta với Chúa và với nhau.

Xin cảm ơn anh em đã can đảm chia sẻ hành trình của mình. Xin cảm ơn quý độc giả đã rộng mở trái tim để đón nhận. Và trên hết, xin tạ ơn Chúa, Đấng là cùng đích của mọi cuộc lữ hành, Đấng ban cho chúng ta niềm hy vọng không bao giờ làm ta thất vọng (x. Rm 5,5).

Đan viện Xitô Thánh Mẫu Châu Sơn Đơn Dương

Lễ Đức Mẹ Hồn Xác Lên Trời, ngày 15/08/2025

Fr. M. Gioan Lasan Ngô Văn Vỹ, O.Cist.

Phụ trách Tập viện thánh Bênêđô

LỜI NGỎ

“Hy vọng”, đây có lẽ là tâm tình thường trực nơi các vị hữu trách của cộng đoàn Đan viện Xitô Thánh Mẫu Châu Sơn Đơn Dương, bởi trong những năm gần đây, đặc biệt sau đại dịch Covid-19, xảy ra sự thiếu vắng ơn gọi tu trì của Giáo hội Việt Nam nói chung và của Đan viện nơi đây nói riêng. Các ngài cùng cộng đoàn vẫn luôn nguyện cầu và hy vọng Chúa sẽ khơi dậy lòng nhiệt thành nơi các tâm hồn để họ quảng đại dẫn thân vào đời sống Đan tu chiêm niệm. Lời cầu nguyện đó đã được Chúa đáp lại: từ lễ Hiện Xuống năm 2024, các bạn trẻ đến tìm hiểu Đan viện ngày càng nhiều. Một, hai, ba người...và cho đến thời điểm hiện tại, chỉ sau hơn một năm, lượng người xin gia nhập cộng đoàn đã lên tới con số mười hai. Với một ơn gọi mang tính đặc thù chuyên biệt như đời sống Đan tu thì con số này quả thực là ấn tượng, là một phép lạ. Cộng đoàn giờ đây đã có thể nói lên rằng: “Trong Chúa, chúng tôi đã hy vọng và không phải thất vọng”.

Lời ấy thật xứng hợp với tâm tình của Đức Thánh cha Phanxicô trong Sắc chỉ công bố Năm Thánh thường lệ 2025: *Spes Non Confundit* - Hy Vọng Không Làm Thất Vọng. Qua Sắc chỉ này, Đức cố Giáo hoàng muốn khơi dậy, không chỉ nơi các tín hữu Công giáo, mà còn nơi tất cả mọi người thuộc mọi tín ngưỡng, mọi quốc gia, mọi sắc tộc và mọi thành phần, niềm hy vọng hướng về một tương lai tốt đẹp khởi đi từ

chính cuộc sống tưởng chừng như đáng thất vọng của thế giới hiện tại. Hy vọng không phải là một ý niệm mới mẻ nhưng là một thực tại vốn có trong mỗi con người. Do đó, Đức Thánh cha mời gọi hết thảy nhân loại hãy tái khám phá lại niềm hy vọng đó có thể đã bị tổn thương, vùi dập hay quên lãng bởi những tác động tiêu cực của xã hội tân thời.

Là những hoa trái trổ sinh từ niềm hy vọng của cộng đoàn, anh em Thỉnh sinh trong Tập viện thánh Bênêđô thuộc cộng đoàn Đan viện Xitô Thánh Mẫu Châu Sơn Đơn Dương chúng con ý thức rằng: mình phải là thế hệ tiếp nối, duy trì và phát triển niềm hy vọng đó. Là những con cái trong Nhiệm Thể Chúa Kitô - Giáo hội, chúng con nhận biết rằng: mình phải là những người đón nhận và lan tỏa thông điệp hy vọng của Thiên Chúa cho mọi người, đặc biệt trong Năm Thánh Hy Vọng này. Đây chính là những động lực để anh em chúng con cùng cộng tác làm nên tập Nội san giản dị này.

Qua cuốn sách nhỏ bé đây, trước hết, chúng con muốn trao tặng cho nhau một niềm hy vọng căn bản của mọi ơn gọi sống đời thánh hiến là: kiên trì và bền đỗ bước theo Chúa. Bởi lẽ, dù đang được che chở trong tình thương của cộng đoàn và được bao bọc trong nội vi Đan viện, chúng con vẫn luôn phải đối diện với các thách đố của thế giới hiện đại và của đời sống nội tâm đang thường trực diễn ra. Tiếp đến, tập sách này được dùng để biểu lộ tấm lòng tri ân của chúng con dành cho Viện phụ Đaminh, nguyên Viện phụ Saviô, quý Viện phó, cha Tập sư Gioan Lasan, quý Cha giáo, quý Thầy giáo,

cùng toàn thể Cộng đoàn Đan viện Xitô Thánh Mẫu Châu Sơn Đơn Dương và tất cả quý Thân - Ân nhân là những người đã thương đón nhận, chỉ dạy và trợ giúp chúng con - những mầm non đang vươn lên trong niềm hy vọng, để có thể bắt đầu cắm rễ vào mạch suối ân sủng dồi dào của đời sống Đan tu.

Sau cùng, chúng con hy vọng rằng, những tâm tình đơn sơ mà chúng con viết nên nơi tập sách này sẽ góp phần mang lại một chút ích lợi nào đó về tinh thần hay về thiêng liêng cho những ai đọc được. Từng trang sách đều nhằm quy hướng độc giả về một niềm hy vọng duy nhất: nên một với Thiên Chúa - Đấng mà tất cả chúng ta đang tìm kiếm. Và chúng ta biết một sự thật chắc chắn rằng: *"Hy vọng như thế, chúng ta sẽ không phải thất vọng"*. (Rm 5,5)

Ban Biên Tập:

Thỉnh sinh Giuse Lại Đức Tiến

Thỉnh sinh Giuse Vũ Huyền Lực

CÁNH CỬA HY VỌNG MỞ RA CHO NHỮNG AI KHAO KHÁT THIÊN CHÚA

Qua các dữ liệu từ các phương tiện truyền thông cung cấp, một trong những khủng hoảng trầm trọng nhất của xã hội thời nay chính là khủng hoảng về niềm hy vọng. Nhiều người bạn trẻ đã không tìm thấy ý nghĩa chân thực của cuộc sống, luôn cảm thấy cô đơn buồn chán, sợ hãi tương lai, chạy trốn hiện tại, thiếu động lực để dẫn thân cho những lý tưởng cao đẹp. Đứng trước thực trạng này, Đức cố Giáo hoàng Biển Đức XVI nhận định: “Sự khủng hoảng về niềm hy vọng này có liên quan đến sự khủng hoảng về đức tin và đức mến.” Tuy nhiên, ân sủng của Chúa vẫn hoạt động nơi nhiều người, với lòng quảng đại lớn lao, nhiều bạn trẻ đã kiếm tìm Thiên Chúa trong những nơi cô tịch hẻo lánh, nơi mà chỉ có họ với Thiên Chúa mà thôi. Điều này mang lại hy vọng cho nhân loại khổ đau, đang quần quai trước sức mạnh của sự dữ tấn công từ mọi phía. Mặc dù có biết bao cám dỗ mời gọi lôi cuốn, họ vẫn can đảm buông bỏ để bước theo Thầy Giêsu. Hơn ai hết họ cảm thấy, chỉ có Giêsu mới yêu họ hơn mọi thực tại. Ngài đã chết vì họ và làm tất cả những gì mà một vị Thiên Chúa có thể làm để họ được hạnh phúc vĩnh cửu. Khởi đi từ tình yêu đi bước trước của Thiên Chúa, họ vui tươi an bình và đầy sức mạnh để dẫn thân, để phục sự Chúa và phục vụ Giáo hội. Họ hiểu rằng, họ được mời gọi như một sứ vụ đến từ Thiên Chúa: ngày nào họ không còn thắp sáng ngọn lửa tình yêu, ngày đó nhiều người sẽ chết vì giá lạnh. Vì thế, cuộc đời của họ tràn đầy niềm vui: niềm vui của một tâm hồn lương thiện,

niềm vui của sự phục vụ trao hiến và nhất là niềm vui được sống trong ân sủng của Chúa. Một chút góp nhặt cát đá và suy tư nhỏ bé này mời gọi những anh em trẻ làm mới lại mối tương quan với Thiên Chúa, qua đời sống phục vụ vô vị lợi và đời sống chân chính theo lời mời gọi mà Thiên Chúa dành cho mỗi chúng ta.

1. Niềm vui của đời sống lương thiện

Bánh xe lịch sử vẫn không ngừng lăn trên chặng đường dài của cuộc đời mỗi con người. Trên con đường đó, nó đã để lại tất cả những gì mà mỗi người đã sống: buồn vui, thành công, thất bại, những việc tốt và cả những lầm lỗi nữa... Đây không phải là lúc, chúng ta lượng giá hành trình cuộc đời mà là cơ hội chúng ta được mời gọi nhận ra tình yêu và sự quan phòng của Thiên Chúa trong mọi nẻo đường chúng ta đã đi. Có những lúc Chúa dẫn chúng ta trên những con đường đầy ánh sáng với những làn hương thơm mát của cỏ cây, nhưng có những lúc chúng ta cảm thấy cuộc hành trình của mình đầy tối tăm ảm đạm. Thiên Chúa vẫn có đó, Ngài vẫn luôn hiện diện. Đó là điều làm chúng ta hạnh phúc, làm chúng ta an tâm và vui tươi. Vui vì có Chúa đồng hành, vui vì được Chúa nâng đỡ, vui vì được Chúa bao bọc chở che, như đứa con thơ trong vòng tay đầy tình phụ tử của cha mình. Tuy nhiên, cũng chính Thiên Chúa tốt lành đã đặt để trong mỗi chúng ta một lời mời gọi, một khát khao nên hoàn thiện. *“Anh em hãy nên hoàn thiện như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện”* (Mt 5,48). Sống theo một tiếng gọi là đáp trả lời mời gọi thần linh: làm lành lánh dữ. Đồng thời sống theo tiếng gọi cũng là sống trong tương quan: với tha nhân

và với Đấng Siêu Việt. Các thánh luôn nỗ lực sống lương thiện trong mỗi phút giây của cuộc sống. Dưới cái nhìn của Nhân triết học, chính chủ thể đặt vào hành vi của mình một ý nghĩa, biến tự do nhân sinh trở thành hành vi luân lý, hướng hành vi cụ thể về sự Thiện Hảo qua các sự thiện hữu hạn. Thánh Têrêsa thành Lisieux đã đặt vào các công việc bốn phận: giặt đồ, quét nhà... một nghĩa ý ngay lành, vì tình yêu Thiên Chúa. Chị thánh đã làm “cách phi thường những việc tầm thường”. Sống theo một tiếng gọi còn là sống trong tương quan, bởi vì con người được sinh ra trong thế giới, với và cho thế giới. Thế giới là mạng lưới các tương quan sống cùng, sống với và sống cho. *“Sống cùng để chia sẻ kiếp làm người. Sống với thể hiện trong mối tương giao thân thiết giữa người với người. Sống cho là để gánh vác và hy sinh cho nhau trong mọi vui buồn của cuộc sống”*. Tuy nhiên, *“sống liên đới với người khác luôn đòi mình phải là chính mình đã; không thể có sự gặp gỡ đích thực nếu một bên đánh mất bản thân”*. Vì thế, lời mời gọi sống lương thiện luôn là niềm vui, sự bình an đích thực mà chính Thiên Chúa sẽ phủ lấp trên những người môn đệ đích thực, để họ có thể quang tỏa đến mọi người và dựng xây Giáo hội.

2. Niềm vui của đời sống phục vụ trao hiến

Đứng trên phương diện hiện hữu, mỗi người hiện hữu ở đời này luôn luôn là “hiện hữu với tha nhân”, và mỗi người dù ít hay nhiều đều ảnh hưởng đến kẻ khác, và ngược lại. Mỗi người chịu ảnh hưởng của tha nhân, tới mức có thể nói là “tha nhân làm ra đời ta”, và “ta làm ra cuộc đời kẻ khác”. Tiếng Việt diễn tả gọn trong một từ “Người Ta”: trong

“người” có “ta”, trong “ta” có “người”. “Ta” hình thành mình bằng cách hình thành tha nhân, sống cho tha nhân và thế giới, và thế giới cũng như tha nhân hình thành ra đời ta. Trong tương giao, cái tuyệt hảo nhất không phải là quyền lực nhưng là yêu thương (thông cảm, tha thứ, xúc động, vui tươi, buồn phiền...). Chỉ với tâm hồn rộng mở cho tình yêu thương, chân lý căn bản nhất mới được bộc lộ; và ở đây con người mới thực sự là con người. Như vậy, mỗi người đến với nhau đều cảm thấy mình là mình hơn.

Trong đời sống cụ thể, con người chỉ thực sự là mình khi thành thật hiển dương. Hiển dương là sáng tạo nên chính mình, là làm cho bản thân ngày càng hoàn hảo hơn... Nhưng để có thể hiển dương, thì tôi phải là chính tôi, tức là chủ thể vững bền. Chủ thể không dừng lại ở những mảnh vụn sự thiện nhưng hướng đến sự chính Thiện Hảo và cũng là Tình Yêu, như là cứu cánh cho mình. Trong tương quan với Tình Yêu, chủ thể nhận ra trách nhiệm với tha nhân, vì tha nhân cũng được mời gọi hướng đến chính sự Thiện Hảo. Như thế, trong Tình Yêu, chủ thể sẽ xác định cho mình những ý nghĩa nền tảng làm nên ý nghĩa cuộc đời, thể hiện khát vọng tự do, khát vọng dẫn thân thực sự...

Sống cho tha nhân đó là lý tưởng mà Đức Kitô đã mời gọi mọi người noi theo và các thánh đã đáp trả lời mời gọi đó. Qua việc chia sẻ cuộc sống, một cuộc sống như chính Đức Giêsu đã sống, các thánh đã yêu thương phục vụ mọi người.

Dưới cái nhìn của G. Marcel, yêu thương tha nhân chính là yêu chính mình, vì tha nhân là thành phần của tôi. Làm

giàu (làm sung mãn) cho tha nhân cũng chính là làm giàu cho chính mình. Người hạnh phúc nhất là người làm cho người khác được hạnh phúc, hạnh phúc đích thực là sự trao tặng; còn ai càng tích trữ và chiếm giữ cho mình, người đó càng nghèo nàn và khốn khổ. Sống tình liên đới là đòi hỏi thiết yếu của ơn gọi làm người. Tôi càng nên người hơn khi tôi sống cho tha nhân. Tôi càng trở nên phong phú hơn khi tôi trao ban... Đức Giêsu đã cho chúng ta biết ơn gọi đích thực của con người: đó là sống trọn vẹn cho tha nhân. *"Đây là người"* (Ga 19,5), này là con người với đầy đủ tính người. Đó là ý nghĩa lời tuyên bố của Philatô khi ông cho trình diện trước đám đông một Đức Giêsu với tấm thân không còn hình tượng người nữa và nói: *"Đây là người"* (Ga 19,5). Con người chỉ thể hiện trọn vẹn tính người khi con người tiêu hao hoàn toàn vì người khác, khi con người sống hoàn toàn cho người khác. Đó là sứ vụ thật cao thượng mà Đức Giêsu mời gọi các môn đệ của Ngài bước theo. Điều này chỉ có thể thực hiện được khi người môn đệ có được niềm vui của đời sống ân sủng mà Thiên Chúa trao ban.

3. Niềm vui của đời sống ân sủng

Trong tương giao, nếu chỉ dừng lại ở tha nhân không thôi thì chưa đủ, tương giao với tha nhân cất lời mời gọi lên đến Thiên Chúa. Tương giao với Thiên Chúa là tương giao căn bản nhất của con người. "Sống tương quan với Thiên Chúa, đó thực sự là điều làm cho con người có thể tìm gặp lại căn tính của mình". Sống với Chúa là lao cả bản thân mình vào làm chứng, là trao phó vận mạng cuộc đời cho Chúa, mời Chúa cùng đồng hành, cùng *chơi* với mình. Chúa ở trong tôi

và tôi ở trong Chúa, và “tôi sống nhưng không phải là tôi sống mà chính Chúa sống trong tôi”. Khi đời sống một người hết lòng tha thiết với ý nghĩa này, mọi nguồn mạch khác sẽ tìm thấy được sức mạnh vô địch và được định hướng một cách chắc chắn để có thể vùng vẫy trong khung trời bao la của mình. Ngược lại, mất đi mối hiệp thông này, cũng có nghĩa là cắt đứt mối tương giao đích thực, thì người ham hiểu biết do ngạc nhiên sẽ dễ dàng rơi vào một thế giới tri thức vô hồn: người hoài nghi thì có thể trở nên lạnh lùng, vô tâm; những thất bại, những giới hạn căn bản chỉ là cớ để lẫn trốn chính mình và người khác.

Thật vậy, từ tận đáy lòng mình, “*con người khao khát Thiên Chúa vì con người được tạo dựng do Thiên Chúa và cho Thiên Chúa. Thiên Chúa không ngừng lôi kéo con người đến với mình, và chỉ nơi Thiên Chúa, con người mới tìm gặp chân lý và hạnh phúc mà họ không ngừng tìm kiếm*”¹. Vì thế, “*Ý nghĩa cao cả nhất của phẩm giá con người là con người được kêu gọi tới kết hiệp với Thiên Chúa. Ngay từ lúc sinh ra, con người đã được mời gọi đối thoại với Thiên Chúa: thực thế, sở dĩ con người hiện hữu là do Thiên Chúa đã vì yêu thương mà tạo dựng con người, và cũng vì yêu thương mà luôn luôn bảo tồn con người; và con người chỉ sống hoàn toàn theo chân lý một khi tự ý nhận tình yêu ấy và phó thác đời mình cho Đấng tạo dựng mình*”.²

¹ Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo, số 27

² Gaudium et spes, số 19.

Cuộc đời của các thánh cũng được coi như cuộc hành trình về đến chính sự Thiện - Hảo, khởi đi từ cuộc sống thật. Chính trong đời sống tâm linh, các thánh tìm ra ý nghĩa hướng dẫn cuộc đời: tự nguyện ra khỏi chính mình, như hạt lúa chết đi để sinh được nhiều hạt khác... Qua cuộc sống thực của các ngài, có thể thức tỉnh phần nào người Kitô hữu, đặc biệt các tu sĩ, xác định lại hoặc “tìm ra hạt nhân ý nghĩa cuộc đời” cho bản thân; nhờ đó, mỗi người tự thấy mình có giá trị cho chính mình cũng như cho người khác. Đồng thời, sự an bình và hạnh phúc sẽ triển nở ngay trong cuộc sống trần thế.

Lịch sử cuộc đời không chỉ là lịch sử của tình yêu sáng tạo, cứu độ mà còn là lịch sử của tình yêu thánh hóa và quan phòng liên lý của Thiên Chúa. Lịch sử cuộc đời còn là bề dày nghĩa tình với Thiên Chúa qua sự đáp trả của một tâm hồn quảng đại trước những dự phóng yêu thương của Thiên Chúa. Niềm hy vọng được đặt trong Thiên Chúa là điểm tựa vững chắc cho những ai đang thực sự khao khát làm đẹp lòng Thiên Chúa. Niềm hy vọng này mở ra cho chúng ta niềm vui của đời sống ân sủng, của sự phục vụ trao hiến và của một tâm hồn an vui lương thiện. Chúng ta được mời gọi buông bỏ tất cả những gì làm tổn thương đến kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa, qua tội lỗi, ý riêng, thiếu can đảm, thiếu tín thác, để ánh sáng của niềm hy vọng có thể đụng chạm đến tất cả mọi người đang khao khát ơn cứu độ của Thiên Chúa.

Fr. Adolorata Trương Văn Hiến, O.Cist

Phụ tá Tập viện thánh Bênadô

PHẦN I: LỮ HÀNH HY VỌNG

CHƯƠNG I: CỘI NGUỒN CỦA HY VỌNG

KHỞ ĐẦU VÀ ĐÍCH ĐẾN CUỘC LỮ HÀNH CỦA KITÔ HỮU

Thính sinh Đaminh Vũ Văn Ánh

Tội lỗi đã xâm nhập và nhận chìm thế gian trong bóng đêm của nó. Tội lỗi khiến con người trốn chạy khỏi Thiên Chúa và chối bỏ lẫn nhau, khiến con người phải đau khổ và phải chết. Nhưng Thiên Chúa đã biến tội lỗi ấy trở thành tội hồng phúc, bởi lẽ chính vì muốn giải thoát nhân loại khỏi tội mà Người đã sai Con Một là Đức Giêsu xuống để bày tỏ lòng thương xót của mình. Điều đầu tiên Đức Kitô rao giảng khi đến thế gian là: *“Anh em hãy sám hối”* (Mt 3,17). Do đó, con đường của bất cứ ai tự xưng mình là người thuộc về Chúa Kitô - các Kitô hữu - đều phải khởi đầu bằng tinh thần thống hối. Đức Giêsu trở thành một Con Đường, một Chiếc Cầu nối kết con người với Thiên Chúa. Khi bước đi trên đó, người Kitô hữu mang trong mình niềm hy vọng được giao hòa với Thiên Chúa để có thể nhận lại sự sống và tình yêu nguyên tuyền mà Người đã ban cho họ thuở ban đầu. Chính Đức Kitô

cũng sẽ là người đứng ở điểm cuối, đích đến của con đường ấy để gặp gỡ và trao ban cho ta tất cả những gì ta hy vọng.

1. Khởi bước lên đường

a. Bỏ mình

Để có thể thực sự mang lấy tinh thần thống hối, trước tiên ta cần phải bỏ mình. Đức Giêsu từng nói với các môn đệ: *“Ai muốn theo Thầy, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo”* (Mt 16,24). Khi người Kitô hữu quyết chí lên đường thì đó cũng là lúc họ phải “bỏ mình”, nghĩa là ra khỏi chính mình, chết đi trong lòng và không ngoảnh lại phía sau. Ai trong chúng ta lựa chọn lên đường mà chưa thực sự từ bỏ thì thật chưa phải lên đường hoặc đã đi sai đường.

Trong dụ ngôn Người Cha Nhân Hậu, người con thứ cũng lên đường. Khi ra đi, anh không chỉ chất đầy phần gia tài thừa kế, mà còn mang theo cái tôi ích kỷ và sự phóng đảng đầy dục vọng xác thịt của mình. Song con đường anh đi là con đường sai lạc rồi cuộc đua đến đâu khổ, túng quẫn và đói khát. Sau khi đã ném đủ nhục nhã bần cùng, bấy giờ anh mới hồi tâm tự nhủ: *“Biết bao nhiêu người làm công cho cha ta được com dư gạo thừa, mà ta ở đây lại chết đói! Thôi, ta đứng lên, đi về cùng cha và thưa với người: ‘Thưa cha, con thật đắc tội với Trời và với cha, chẳng còn đáng gọi là con cha nữa. Xin coi con như một người làm công cho cha vậy.’ Thế rồi anh ta đứng lên đi về cùng cha”* (Lc 15, 17-20). Trái với lần ra đi trước, lần này anh ta lên đường với hai bàn tay

trắng, với một cái tôi tự hạ khiêm tốn, chẳng còn chút gì là tự đắc. Sau khi đã bỏ mình, đây mới là lúc anh ta thực sự lên đường trong một lộ trình đúng đắn.

b. Mang theo tinh thần thống hối

Chắc hẳn trên con đường trở về, người con hoang đàng đã không ngừng lặp đi lặp lại lời thú tội với cha mà anh ta soạn sẵn trong đầu. Đây là một tâm hồn tan vỡ đang mặc lấy sự thống hối ăn năn. Anh mong được cha tha thứ và chỉ mong được cha thương xem như một người tội tó. Người cha ấy từ lâu đã chờ đợi con mình trở về. Và khi nhận ra trên khuôn mặt con mình ánh mắt của sự hối lỗi, ông đã tuôn ra tất cả lòng thương xót ông gìn giữ bấy lâu. Ông chẳng những không còn nhớ đến các lầm lỗi của anh, mà còn phục hồi cho anh phẩm giá của một quý tử.

Cũng vậy, Thiên Chúa hằng chờ đợi chúng ta lên đường trở về với Người để thương xót chúng ta. Sai lầm, vấp ngã là chuyện thường tình của phận người, và chính Thiên Chúa thấu rõ điều đó hơn cả chúng ta. Tuy nhiên, ngoan cố trong sai lầm lại là lựa chọn mang tính thỏa hiệp với Satan của tội nhân. Cả vua Hêrôđê và vua Đavít đều trở thành tội nhân vì đã ngoại tình và giết người. Cả hai đều được ngôn sứ của Thiên Chúa cảnh báo, nhưng họ chọn đối diện với sai lầm theo hai con đường hoàn toàn đối lập. Bằng cách nghiền ngẫm lựa chọn của họ, chúng ta có thể rút ra bài học khôn ngoan cho chính mình.

Hêrôđê đã được Gioan Tẩy Giả nhắc nhở rằng: vua không được lấy chị dâu làm vợ. Ông biết Gioan nói đúng nhưng lại không muốn thay đổi đời sống của mình. Trái lại, ông muốn giết vị ngôn sứ để hằng ngày không còn phải đối diện với tiếng nói của chân lý (x. Mt 14,5). Hêrôđê được Thiên Chúa ban cho cơ hội để thống hối nhưng ông đã khước từ. Về phần Đavít, ông đã đẩy tùy tùng rất mực trung thành của mình là Urigia vào chỗ chết và cướp vợ của người ấy. Tuy nhiên, sau khi lắng nghe lời Chúa phán qua miệng ngôn sứ Nathan và nhận ra sự thật tội lỗi của mình, ông đã hết lòng thống hối. Được Thiên Chúa thứ tha, ông đã dừng mọi việc làm mà ca ngợi và tạ ơn Thiên Chúa. Trong khi Hêrôđê bạc nhược đứng lý trong tội lỗi thì Đavít thừa nhận sai lầm và sám hối trước nhan Thiên Chúa. Trong khi Hêrôđê đáng bị phê phán vì khước từ chân lý thì Đavít đáng được ca ngợi vì sự khiêm hạ và chân thành của ông với Thiên Chúa. Trong khi Hêrôđê vẫn là một ác vương thì Đavít lại được gọi là một thánh vương.

Tất cả chúng ta đều có bản tính yếu đuối dễ sa ngã như hai vị trên, nhưng lựa chọn thống hối, đứng lên và sửa chữa sai lầm của vua Đavít minh nhiên cho thấy chúng ta có thể vượt lên bản tính đó để tìm thấy sức mạnh và tự do trong lòng thương xót của Thiên Chúa. Thống hối không chỉ là lời nói suông. Nó đòi hỏi một sự thay đổi triệt để của trí khôn, tâm hồn và lối sống. Nếu không có sự thống hối thì lòng chúng ta cũng không thể mở ra đón nhận ân sủng từ sự

thương xót của Thiên Chúa. Nơi lòng thương xót ấy luôn vang lên một lời mời gọi và nhắc nhở dành cho tất cả tội nhân rằng: *“Trên trời ai nấy sẽ vui mừng vì một người tội lỗi ăn năn sám hối, hơn là vì chín mươi chín người công chính không cần sám hối ăn năn”* (Lc 15,7). Quả thật, Thiên Chúa yêu thương chúng ta ngay cả khi chúng ta còn là tội nhân. Người chấp nhận, tôn trọng và yêu thương chúng ta trong thực tại tội lỗi của mỗi người. Người không đòi buộc chúng ta phải hoàn hảo ngay lập tức. Người mong chúng ta trở nên tốt hơn mỗi ngày khi mặc lấy tâm tình thống hối và cất bước theo lời mời gọi của Người. Vậy chúng ta hãy đứng lên, mang theo tất cả lòng sám hối và đi trên con đường trở về với Thiên Chúa.

2. Chiều tỏa hy vọng và hướng về đích điểm là Đức Giêsu Kitô

Trong thời kỳ Cựu ước, Thiên Chúa đã không bày tỏ cho Israel dưới bất cứ hình ảnh nào cụ thể khiến cho dân ấy nhiều lần phải vấp ngã trong đức tin: họ đúc một con bò vàng để thờ lạy như một vị thần; họ tôn sùng các tượng thần của dân ngoại khiến Thiên Chúa phải nổi giận. Nhưng vào thời sau hết, Người đã bày tỏ chính mình qua Người Con - Đức Giêsu Kitô - là Thiên Chúa thật và cũng là một con người thực sự như tất cả chúng ta, khiến chúng ta không còn phải hoài nghi về Người nữa. Giờ đây, trong tinh thần thống hối, chúng ta bước đến với cùng đích của cuộc đời mình là Thiên Chúa, một Đấng không còn vô hình vô định, nhưng biểu lộ trọn vẹn

trong Đức Kitô. Do đó, đích điểm của mọi Kitô hữu đều phải quy hướng về Đức Kitô như chính Người đã mặc khải: *“Không ai có thể đến với Chúa Cha mà không qua Thầy”* (Ga 14,6). Người là lý tưởng, là lẽ sống chân thật để chúng ta theo đuổi và đạt tới hạnh phúc đích thực. Trong Người, chúng ta biết tại sao mình sống, sống để làm gì và sẽ đi về đâu sau sự chết.

Chính vì lý do trên mà trong hành trình của mình, người Kitô hữu luôn chiếu tỏa một niềm hy vọng mạnh mẽ như một chứng từ về sự hiện hữu của Thiên Chúa như Thánh Giáo hoàng Phaolô VI đã nói: *“Tin mừng trước tiên phải được công bố bằng một chứng từ. Có chứng từ khi một người Kitô hữu hay một nhóm người Kitô hữu sống giữa lòng nhân loại, bày tỏ khả năng có thể cảm thông, đón tiếp, chia sẻ cuộc sống với người khác hoặc tỏ tình liên đới với người khác trong mọi cố gắng đối với những gì là cao quý và thiện hảo. Có chứng từ khi những người Kitô hữu chiếu rọi một cách đơn sơ và bộc phát niềm tin của họ vào những giá trị vượt lên trên những giá trị thông thường và bày tỏ niềm hy vọng của họ vào một cái gì mà người ta không thấy hoặc không dám ước mơ. Với chứng từ không lời ấy, người Kitô hữu làm dấy lên trong tâm hồn của những ai đang thấy họ sống, những câu hỏi mà con người không thể tránh né được, đó là: Tại sao*

họ sống như thế? Điều gì hoặc ai là người thúc đẩy họ sống như thế? Tại sao họ sống như thế giữa chúng ta?”³.

Người Kitô hữu luôn sẵn sàng để bày tỏ cho tha nhân những lý lẽ sống động về niềm tin và hy vọng của họ nơi Thiên Chúa. Ngay cả trong rủi ro, thất bại, đau thương, mất mát, họ vẫn luôn nhận ra dấu chỉ của niềm hy vọng. Tất cả biến cố xảy ra trong cuộc đời họ đều được nhìn qua lăng kính với một mặt là cuộc tử nạn của Đức Giêsu và mặt bên kia là ánh sáng phục sinh của Người. Cái chết đau thương và nhục nhã của Người không phải là ngõ cụt, đường cùng hay tăm tối, nhưng là đường đưa đến ánh sáng tự do. Hy vọng và cứu cánh của người Kitô hữu không được viết ra bằng giấy và mực, nhưng được dệt nên bằng cuộc sống chứng tá của họ.

Kitô hữu không lên đường trong cô độc, nhưng bên cạnh họ là cả một đoàn người đang tiến bước trong hân hoan. Có những ngày tháng tưởng chừng như vô vọng. Có những lúc mây mù của khổ đau bao phủ khiến chúng ta không còn thấy đâu là lối thoát. Chính trong những lúc đó, chúng ta hãy nhớ đến hạt giống của hy vọng. Thánh Phaolô đã viết trong thư gửi tín hữu Rôma như sau: *“Chính trong niềm hy vọng mà chúng ta được cứu thoát”* (Rm 8,24). Chính trong niềm hy vọng đó, chúng ta hãy nhìn thấy sức sống đang chờ đợi chúng ta. Chính trong niềm hy vọng đó, chúng ta sẽ nhìn thấy những hoa trái mà chúng ta đang vất vả gieo vãi.

³ Đức Giáo hoàng Phaolô VI, Tông huấn Evangelii Nuntiandi, số 21

Cuộc lữ hành nào cũng đầy cam go, nhưng người Kitô hữu không tiến bước với đôi tay trợ trợ. Hành trang của họ chính là niềm hy vọng đặt nơi Đức Kitô. Cũng giống như người Do thái trên đường trở về Đất hứa luôn được nuôi dưỡng bằng manna và được hướng dẫn bằng cột cột lửa giữa đêm thâu, thì Kitô hữu cũng tiến bước bằng sức mạnh của Chúa Kitô.



ABRAHAM

ƠN GỌI TIẾN VỀ ĐẤT HỨA

Thỉnh sinh Đaminh Bùi Vĩnh Thịnh

Ngạn ngữ Châu Phi có câu: *“Khi bạn không biết bạn đang đi đâu, hãy nhớ lại xem mình từ đâu mà đến”*. Hành trình dâng hiến là một hành trình dài, băng qua nhiều giai đoạn khác nhau của cuộc đời, bao gồm cả bấp bênh và vô định, nghi ngờ và khủng hoảng. Các bậc khôn ngoan dạy rằng: cần nhìn về cội nguồn để vượt qua được những khủng hoảng trên hành trình mình đang đi, trong cuộc đời mình đang sống. Đây chính là xác tín của Søren Kierkegaard (1813-1855), một triết gia người Đan mạch: *“Người ta sống cuộc đời mình bằng cách nhìn về phía trước. Người ta chỉ hiểu được cuộc đời mình đang sống khi nhìn về phía sau”*. Đó cũng là hành trình đức tin và ơn gọi của Abraham. Nhờ biết nhìn lại, ông tìm thấy niềm hy vọng để tiến về miền Đất hứa.

1. Khoảnh khắc từ bỏ của Abraham

Ơn gọi của Abraham khởi đầu từ một lệnh truyền của Chúa, rời Kharan lúc ông đã 75 tuổi: *“Hãy rời bỏ xứ sở, họ hàng, và nhà cha người”* (St 12,1a). “Xứ sở” là quê hương đất nước, nơi làm nên cuộc đời của mỗi con người. Đó không chỉ là khoảng không gian địa lý với bầu trời và mặt đất, cánh đồng và dòng sông, với con đường làng, với những mái nhà, với màu nắng, mùi gió và tiếng mưa rơi. Đó còn là khoảng

không gian của ký ức, chất chứa tất cả những gì là thân thương, gần gũi và thiêng liêng nhất.

“Họ hàng và nhà cha người” là gia đình ruột thịt, là tổ ấm đông đầy tình yêu, là chốn mà ai ai cũng muốn tìm về sau những cuộc ra đi, là nơi mà những con người trưởng thành luôn hướng về với bốn phận và trách nhiệm. Đó không chỉ là chiếc nôi của cuộc đời, mà là còn là biểu tượng của những gì quan trọng và yêu dấu nhất. “Họ hàng và nhà cha người” còn là những tương quan liên vị của tình bạn, tình làng nghĩa xóm; là những gương mặt, những vòng tay, những tiếng cười, giọng nói; là cả thế giới được thu nhỏ trong một cộng đồng. Đó là tất cả những gì đẹp đẽ và ngọt ngào làm nên khung trời thơ mộng, hạnh phúc trong trái tim của một con người.

“Rời bỏ xứ sở, họ hàng, và nhà cha của người” là rời bỏ chính cuộc đời của mình. Nhưng Abraham từ bỏ như thế để làm gì? Để đi đến Đất hứa mà Đức Chúa sẽ chỉ cho ông (x. St 12,1b). Đất mà Chúa sẽ chỉ là đất nào? Không ai biết! Chúa không hề nói rõ là đất nào? Đất đó ở đâu? Mặc dù không biết miền đất đó là đất nào, song Abraham vẫn rời bỏ mọi sự, không nản lòng thất vọng nhưng tiếp tục tiến bước về phía trước. Ông không bước đi theo tính toán của con người, nhưng là theo tiếng gọi của Thiên Chúa; bởi vì những toan tính chất chứa quá nhiều sẽ dần làm cho người ta chùn bước. Chỉ có tín thác vào Chúa mới thúc đẩy ông tiến về Đất hứa.

2. Hành trình tiến về đất hứa và niềm hy vọng của Abraham.

Hành trình đức tin và ơn gọi đó của Abraham không xuôi chảy như chúng ta tưởng. Nó bao gồm những thăng trầm, nó là một hành trình “Zigzag” khúc khuỷu, quanh co, bao gồm tín thác và nghi ngờ, hy vọng và lo sợ. Cả hành trình đức tin của Abraham nhấn mạnh đến sự trái nghịch này: Thiên Chúa kêu gọi và loan báo lời hứa; Abraham đáp trả cách “mơ hồ”, nghĩa là lúc thế này lúc thế khác. Song, đức tin lớn mạnh của Abraham luôn được nhấn mạnh hơn cả, thể hiện qua nhiều điểm như: chấp nhận lệnh truyền của Chúa để rời quê hương và gia đình vô điều kiện hoặc không chút do dự (x. St 12,1-9); tin tưởng vào lời hứa của Thiên Chúa (x. St 15,5-6); vâng lời Chúa để hiến tế Ixaac, đưa con duy nhất (x. St 22,1-19)... Trong câu chuyện thứ nhất về ký kết Giao Ước với Thiên Chúa (x. St 15), Abraham được coi như kẻ *“tin Thiên Chúa, và vì thế, Thiên Chúa kể ông là người công chính”* (St 15,6).

Trong hành trình về Đất hứa, Abraham để Chúa dẫn đưa qua nhiều chặng đường đời. Ông đi từ chặng này qua chặng kia (x. St 12). Những địa danh xa lạ lần lượt xuất hiện và ghi lại dấu chân của người bước đi theo lệnh truyền của Chúa như: Kharan, Canaan, Sikhem, Beth-El, Neghep và Ai cập. Những địa danh ấy không chỉ xa lạ với chúng ta hôm nay, mà còn xa lạ với chính Abraham ngày ấy. Chấp nhận lên đường theo Chúa, Abraham không còn làm chủ hành trình

của cuộc đời mình nữa. Ơn gọi của ông chưa bao giờ là một hành trình được lập trình sẵn với những bến đỗ, những sân ga, những điểm đến cụ thể một cách rõ ràng, lại càng không phải là công việc ổn định, của cải dư đầy hay địa vị cao sang. Đất hứa của Abraham nằm hoàn toàn trong bàn tay Thiên Chúa.

Tuy Abraham nhắm mắt xuôi tay khi chưa hoàn toàn được mãn nguyện về những điều Thiên Chúa đã hứa. Ông chết như một người lữ khách ở tuổi 175 (x. St 25,7), được chôn trên xứ lạ quê người (x. St 25, 7-10). Ông không tận mắt nhìn thấy dòng dõi của mình đông đúc như sao trên trời hay cát ngoài bãi biển (x. St 15,5). Ông chưa được thấy Đất hứa thuộc về dòng dõi con cháu mình, cũng chưa được phúc trở thành cha của mọi dân tộc (x. St 17,4-8), nhưng Lời hứa với Abraham, Thiên Chúa vẫn tiếp tục thực hiện sau khi ông qua đời. Mỗi phúc lành khởi nguồn từ Abraham vẫn tiếp tục chảy trên vô vàn thế hệ con cháu của ông, cho đến chúng ta hôm nay nhờ lòng tin và hy vọng: *“Người sẽ là cha của muôn dân”* (St 17,5).

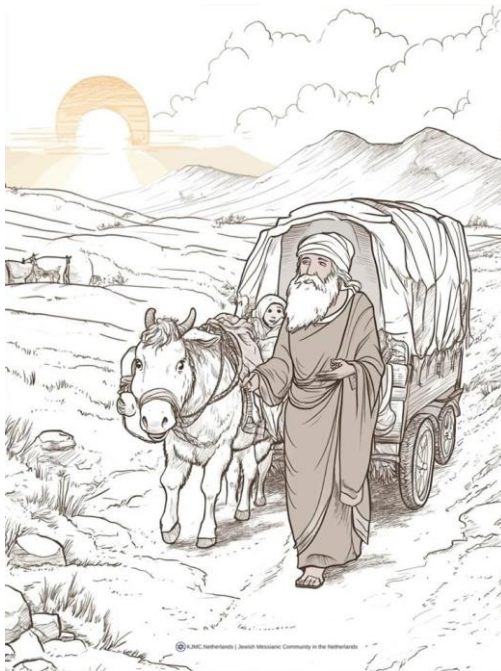
3. Miền đất hứa và niềm hy vọng của đời tôi

Hành trình tiến về Đất hứa của đời dân hiển là một hành trình không có điểm dừng. Đó cũng là hành trình của tôi khi được Chúa đoái thương mời gọi. Hành trình ấy giúp tôi lớn lên từng ngày để sống trọn vẹn với ơn gọi của mình. Tổ phụ Abraham vẫn mãi là một người con, và Chúa mời gọi ông ra đi vì Người có một kế hoạch đặc biệt dành cho ông.

Rời bỏ mái nhà mình, Abraham thấy cuộc đời của chính mình. Rời bỏ nhà cha mình là Terac, từ bỏ địa vị làm con trong một mái nhà, Abraham dần dần trở thành cha của một dòng tộc, thành tổ phụ của tất cả những ai tin vào Thiên Chúa. Abraham là mẫu gương để tôi tự vấn lương tâm mình. Tôi đang ở đâu trong hành trình cuộc đời và ơn gọi? Tôi đã chạm được chút nào vào miền Đất hứa của đời tôi chưa? Hãy nhớ lại giây phút đầu tiên khi tôi nhận ra tiếng gọi của Chúa. Hãy đặt bàn tay trên lồng ngực để nghe lại nhịp đập của trái tim mình. Hãy đi lại những chặng đường đời mà Chúa đã dắt tôi qua. Hãy lục lại những dấu chân còn vương sót lại trong ký ức của tôi.

Như Abraham, tôi đã ghi dấu chân của mình trên nhiều địa danh và nhiều dòng tu như: Salesien Donbosco, Tu đoàn gia đình Naza, và hiện tại tôi đang ghi dấu chân của mình tại Đan viện Xitô Thánh Mẫu Châu Sơn Đơn Dương - Lâm Đồng. Từ chặng nọ tới chặng kia của hành trình ơn gọi, tôi có sống được niềm xác tín chẳng? Dù tôi có thất bại, đau khổ, áp lực hay buồn vui trong ơn gọi, nhưng tôi tin rằng, chính Thiên Chúa là Người đã dẫn đưa tôi băng qua tất cả những sóng gió, thăng trầm. Con đường phía trước của tôi sẽ ra sao? Tương lai của cuộc đời tôi sẽ như thế nào? Tôi có niềm tin vào tương lai hay là lo sợ và nghi nan? Những chân trời tương lai còn nhiều xa lạ. Nếu tôi dám xác tín chính Thiên Chúa là Người đã dẫn tôi đi qua bao chặng đường đời, tôi có dám tiếp tục xác tín chính Người sẽ dẫn đưa tôi về phía trước không? Tôi

có nhận ra rằng, khi đứng một chỗ để lo sợ và nghi nan, thì chính tôi mới là người đang khóa chặt con đường ơn gọi của mình? Tôi có dám tin rằng, có những con đường chỉ bắt đầu sáng ra khi bàn chân của tôi dám bước về phía trước? Từng bước, từng bước một, tôi xin Chúa giúp tôi đặt dấu chân của mình theo từng dấu chân của Abraham trên hành trình theo Chúa, để sống niềm hy vọng trong hành trình dâng hiến mà Chúa đã kêu gọi tôi.



THẬP GIÁ VÀ NIỀM HY VỌNG PHỤC SINH

Thỉnh sinh Phêrô Nguyễn Văn Thi

“Khổ trước sướng sau thế mới giàu, sướng trước khổ sau thế càng đau”. Đó là câu nói mà một số bạn trẻ từng trải trong cuộc sống đã cất lên. Nó phản ánh sự thật và ích lợi của việc nếm trải nỗi khổ đau trước khi được hưởng sung sướng hạnh phúc. Một cách nào đó ẩn dưới thập giá của Chúa Giêsu cũng tiềm tàng sự phục sinh mai hậu. Trong niềm hy vọng về sự sống vĩnh cửu, chúng ta cùng hướng về thập giá - dấu chỉ của sự phục sinh.

Hầu hết các nhà thờ trên thế giới, ở vị trí chính giữa cung thánh bao giờ cũng có một cây thánh giá, nơi đó treo một thân xác trần trụi hết sinh khí. Liệu mỗi Kitô hữu có thể mong chờ điều gì nơi một con người đã chết, lại còn chết cách nhục nhã như vậy? Thưa, họ mong đợi ngày sau hết, bản thân sẽ được phục sinh và sống một cuộc sống mới với niềm vui và hạnh phúc vĩnh cửu. Bởi lẽ, con người bị treo trên cây gỗ đó đã hồi sinh vinh hiển nhờ Chúa Cha, mang lại cho chúng ta hy vọng sẽ cùng được sống lại với Người. Chính Đức Giêsu Kitô là Ngôi Hai Thiên Chúa làm người cũng phải chịu đau khổ, phải chết, rồi sau ba ngày mới sống lại. Vậy, để được phục sinh với Người thì chúng ta cũng phải chết. Cái chết tôi muốn nói ở đây không chỉ là chết về thể lý, mà còn là chết

cho tội lỗi, chết cho sự hư mất của xác thịt, chết đi cho mỗi khoảng khắc chúng ta sống trên trần gian này. Mỗi thử thách, mỗi khó khăn xảy đến cho cuộc đời chúng ta là mỗi cơ hội chúng ta được chết đi cùng với Đức Kitô.

1. Thập giá xưa và nay

Thập giá mà cuộc đời mỗi chúng ta mang bây giờ không còn phải là cây gỗ Chúa Giêsu vác ngày xưa nữa, nhưng thập giá ấy đi vào đời sống con người dưới những cách thức rất đa dạng. Đó có thể là những bệnh tật về thể xác. Đó có thể là những khiếm khuyết về tâm lý hay bệnh lý về tinh thần. Đó cũng có thể là những tật xấu, tội lỗi cố hữu mà ta thường xuyên vấp phạm bất chấp việc mình đã cố gắng chữa bỏ. Đó còn có thể là những trách nhiệm mà chúng ta phải chu toàn trong nghĩa vụ là một công dân, một giáo dân, nghĩa vụ của một người làm ông bà, cha mẹ, hay con cái. Có những khi điều xem ra nhẹ nhàng đối với người này thì lại là thập giá đối với người khác.

Dân gian có câu: *“Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh”*. Thánh giá của mỗi người không ai giống ai, nhưng điều kỳ diệu là ai cũng đủ sức để vác thánh giá của mình, không hề bị quá sức. Đó là sự quan phòng của Thiên Chúa như lời Người đã nói: *“Ơn của Thầy đã đủ cho anh, vì sức mạnh của Thầy được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối”* (2Cr 12,9). Nếu lúc nào chúng ta thấy mệt mỏi muốn bỏ cuộc trên đường vác thập giá thì hãy nhìn lên cây thập giá của Chúa. Thập giá ấy chứa đựng mọi khốn khó đau khổ của kiếp người, nhưng

Đức Giêsu thành Nadarét vẫn hoàn tất hành trình đó cách trọn vẹn.

Nhìn lại cây thập giá của mình, cả tôi và các bạn rất nhiều khi cảm thấy thập giá đó thật quá sức. Chúng ta có thể cảm thấy khó khăn đến độ sẵn sàng bỏ cuộc bất cứ lúc nào. Nhưng chúng ta phải bước tiếp, phải hoàn thành hành trình thập giá của mình theo dấu chân của Đức Kitô. Chỉ khi bước theo thánh giá của Người, thập giá của ta mới thực sự có ý nghĩa.

2. Một phương thế để đón nhận Thập giá

Quả vậy, chúng ta không tìm kiếm đau khổ, không lấy đau khổ làm niềm vui, không chịu đựng đau khổ vì chính nó, bởi lẽ thập giá, tự thân nó chẳng có ý nghĩa gì. Chúng ta hãy đón nhận những đau khổ dưới bất kỳ hình thức nào cùng với Đức Kitô, hãy dâng chúng lên cho Người và tháp nhập chúng vào cuộc khổ nạn của Người. Nhờ đó, đau khổ của chúng ta có thể đền thay tội lỗi và mang lại giá trị cứu độ cho bản thân và cho mọi tội nhân. Như thế chúng ta có thể thông hiệp với Chúa trong công trình cứu độ của Ngài.

Chiêm ngắm cuộc thương khó của Chúa, ta có thể nhận ra được điều gì? Khi vác thập giá, Chúa nhiều lần quy ngã, nhưng sau đó Người vẫn đứng dậy để bước tiếp. Người đã ngã không chỉ vì sức nặng của thập giá, nhưng còn vì gánh nặng chông chất khủng khiếp của tội lỗi nhân loại, tội lỗi của bạn và của tôi. Và chúng ta, những con người yếu đuối nếu

không dựa vào ơn Chúa thì chẳng ai có thể đứng dậy mà bước đi trước sức nặng của thập giá. Hơn nữa, Chúa đã gánh lấy tội của ta thì chính ta cũng phải chịu đựng yếu đuối của anh em mình. Những xung khắc, những hiểu lầm, tổn thương trong đời sống chung, ta hãy dâng cho Chúa tất cả. Trong cuộc lữ hành dương thế này, chúng ta hãy khích lệ nhau, và nếu có thể hãy vác đỡ thập giá cho nhau, để cùng nhau tiến về đích điểm là sự sống vĩnh cửu mai hậu.

Ta không nên đem so sánh thập giá của người này với người khác. Khi còn mạnh mẽ, tôi có thể quả quyết mình sẽ vác thập giá theo Chúa đến cùng như Phêrô từng tuyên bố. Nhưng nếu tôi ở trong trường hợp của các bệnh nhân bị bệnh nan y hay ung thư giai đoạn cuối thì liệu tôi có thể mạnh mẽ chịu đựng đau khổ như họ không, hay tôi sẽ trốn chạy, oán trách, buông xuôi? Chỉ có người trong cuộc mới cảm nhận được thập giá của chính họ. Thập giá, đau khổ vẫn luôn là một màu nhiệm mà chúng ta phải suy đi ngẫm lại để đón nhận được nó.

3. Thập giá trong đời sống thực tiễn

Đối với một thiếu niên ở tuổi mười tám, cậu chuẩn bị bước vào đời với một cánh cửa rộng mở, với biết bao dự phóng và ước mơ tốt đẹp. Làm sao cậu có thể dễ dàng đón nhận thông tin rằng: có một khối u ác tính trong não mình? Đó thực sự là một cú sốc khiến cậu không thể tin nổi và tự đặt ra vô số câu hỏi: có ngần ấy con người ở ngoài kia. Vậy

thì tại sao lại là tôi? Sao tôi lại phải chịu cảnh đau khổ này? Điều đó có thật sự công bằng đối với tôi?

Những đau khổ như trên có thể dày vò và giam hãm con người cho đến chết và chết trong oán hận. Thật may mắn khi chúng ta có một mẫu gương về việc đón nhận đau khổ là Chúa Giêsu, một Thiên Chúa bị đóng đinh. Người bước vào cuộc khổ nạn không phải vì bị ép buộc nhưng một cách hoàn toàn tự nguyện vì vâng phục thánh ý Chúa Cha. Và vì sự vâng phục tuyệt hảo đó, Thiên Chúa đã trao lại cho Người vinh quang mà Người vẫn có thuở ban đầu.

Về phần mình, chúng ta hãy hãy ngừng đặt câu hỏi tại sao khi phải đối diện với đau khổ, nhưng học cách đón nhận thập giá trong thánh ý Chúa, và hãy tự hỏi tôi phải làm gì để vượt qua hoàn cảnh này. Qua đó, ân sủng Thiên Chúa sẽ được thông ban cho chúng ta. Nhờ niềm tin và hy vọng đến từ Đức Kitô, chúng ta sẽ có sức bước tiếp và ngày càng vững bước hơn để nhìn thấy tương lai phía trước dù có thể nào vẫn luôn tươi sáng.

Niềm hy vọng phục sinh là cốt lõi của đức tin Kitô giáo, và niềm hy vọng ấy ẩn tàng trong thập giá đau khổ của Chúa Giêsu. Vì vậy tôi mời mọi người hãy chiêm ngắm thập giá của chính mình trong thập giá đau thương của Chúa Giêsu, để qua đó, chúng ta có thể cùng phục sinh với Người sau khi đã bước qua thập giá.

ĐỨC MARIA MẸ CỦA NIỀM HY VỌNG

Thỉnh sinh Anton Đậu Văn Mỹ

Trong bối cảnh Năm Thánh Hy Vọng 2025, khi Giáo hội mời gọi mỗi người chúng ta mở lòng đón nhận ánh sáng giữa những bất an của thời đại, tôi tìm thấy nguồn cảm hứng sâu sắc nơi Đức Trinh Nữ Maria - Mẹ của niềm hy vọng. Với tôi, Mẹ không chỉ là đấng đã thưa “xin vâng” trước thánh ý Thiên Chúa, hay người mẹ âm thầm đồng hành cùng các Tông đồ đợi chờ Chúa Thánh Thần hiện xuống, mà còn là ngọn lửa soi đường trong những phút giây tôi tưởng chừng như lạc lối. Nhìn vào Đức Maria đứng dưới chân thập giá với niềm hy vọng không lay chuyển, tôi cảm nhận lời mời gọi cá nhân để sống Năm Thánh này với lòng tin tưởng mãnh liệt hơn. Mẹ Maria, với trái tim tràn đầy ân sủng và tình yêu, trở thành người mẹ thiêng liêng, khơi dậy trong tôi khát vọng hướng về Chúa Giêsu nguồn hy vọng vĩnh cửu và truyền cảm hứng để tôi lan tỏa niềm hy vọng ấy đến những người xung quanh, như Đức Giáo hoàng Phanxicô đã nhấn mạnh trong Sắc chỉ “*Spes Non Confundit*”: “*Hy vọng không làm thất vọng*” (Rm 5,5).

1. Đức Maria - người thấp lên hy vọng trong giây phút tăm tối

Dưới chân thập giá, khi bóng tối bao trùm và tiếng khóc hòa cùng tiếng búa đóng đinh, Đức Maria đứng đó - không gục ngã, mà như ngọn lửa bùng cháy giữa tro tàn của sự tuyệt vọng. Mẹ ôm trọn nỗi đau khôn nguôi khi nhìn Con Một chịu chết, nhưng trong trái tim Mẹ, niềm hy vọng vào lời hứa Phục sinh vẫn rực rỡ không hề lay chuyển: *“Đức Chúa là Đấng cứu độ tôi... Người nâng dậy kẻ thấp hèn từ đồng phân tro”* (1Sm 2,1.8). Tôi thường tự hỏi, khi cuộc sống dồn tôi vào ngõ cụt - những ngày mất mát, thất bại đè nặng - liệu tôi có đủ sức mạnh như Mẹ để tin rằng ánh sáng sẽ đến? Trong Sắc chỉ “*Spes Non Confundit*”, Đức Giáo hoàng Phanxicô viết: *“Hy vọng không phải là ảo tưởng, mà là sức mạnh thực sự biến đổi cuộc sống”* (số 3). Đức Maria là hiện thân của hy vọng ấy, dạy tôi rằng giữa thập giá của đời mình, Thiên Chúa luôn có đường thoát. Trong Năm Thánh Hy Vọng 2025, Mẹ mời gọi chúng ta đối diện với những khủng hoảng thời đại với lòng can đảm và niềm tin bất khuất.

2. Đức Maria - người đồng hành cùng Giáo hội sơ khai trong hy vọng

Sau khi Chúa Giêsu về trời, trong căn phòng lầu trên tại Giêrusalem, Đức Maria đã ở đó, cầu nguyện cùng các Tông đồ trong những ngày đầy bất định: *“Tất cả các ông đều đồng tâm nhất trí, chuyên cần cầu nguyện cùng với bà Maria, mẹ của Đức Giêsu”* (Cv 1,14). Giữa nỗi sợ hãi của các môn đệ, sự hiện diện của Mẹ như ngọn gió dịu dàng thổi qua, biến sự chờ đợi thành sức mạnh để đón nhận ngọn lửa Chúa Thánh

Thần trong Lễ Hiện Xuống. Tôi cảm nhận được hơi ấm của Mẹ trong những lúc tôi chờ đợi câu trả lời từ Thiên Chúa - những ngày lòng tôi giao động giữa nghi ngờ và tin tưởng. Số 24 của “*Spes Non Confundit*” nhấn mạnh: “*Những người hành hương đến Roma nên cầu nguyện tại các đền thánh Đức Mẹ để cầu xin sự che chở của Đức Maria, cảm nghiệm sự gần gũi của người mẹ trìu mến nhất không bao giờ bỏ rơi con mình*”. Năm Thánh 2025 đưa chúng ta trở về buổi bình minh ấy, khi Mẹ là ngọn hải đăng dẫn lối - một lời kêu gọi để chúng ta hôm nay hiệp nhất trong cầu nguyện và hy vọng như cộng đoàn đầu tiên.

3. Đức Maria - hiện thân của hy vọng qua lời “xin vâng”

Từ khoảnh khắc thiên sứ Gabriel mang tin vui đến, Đức Maria đã thốt lên lời “Xin Vâng” với lòng tin mãnh liệt: “*Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói*” (Lc 1,38). Mẹ mở ra cánh cửa hy vọng cứu độ cho nhân loại, dù con đường phía trước đầy chông gai - từ hang Bêlem lạnh giá đến đồi Canvê đẫm máu. Mỗi lần tôi ngập ngừng trước thử thách, lời “Xin Vâng” của Mẹ như tiếng chuông vang dội, đánh thức tôi khỏi sợ hãi, thúc đẩy tôi lao tới với niềm hy vọng rằng “*Thiên Chúa làm cho mọi sự đều sinh ích lợi cho những ai yêu mến Người*” (Rm 8,28). Đức Phanxicô, tiếp tục kêu gọi: “*Chúng ta hãy trở thành những sứ giả của hy vọng*” (số 7), và Đức Maria là sứ giả đầu tiên, thưa “Xin Vâng” để ánh sáng Chúa đến. Số 24 còn mời gọi chúng ta đến với Mẹ như “*Đấng bầu cử đầy quyền năng*”, để Năm

Thánh 2025 trở thành thời khắc chúng ta phó thác và tin rằng hy vọng sẽ bùng lên giữa bóng tối.

4. Đức Maria - người Mẹ khơi dậy hy vọng trong lòng tôi và thế giới hôm nay

Là “Mẹ Giáo hội”, Đức Maria mang hy vọng không chỉ cho riêng tôi mà còn kết nối chúng ta trong tình yêu và đức tin. Mẹ vượt qua mất mát cá nhân để trở thành người mẹ của tất cả, từ các Tông đồ đến những linh hồn lạc lối: *“Đây là mẹ của anh”* (Ga 19,27). Khi tôi thấy những người xung quanh gục ngã - vì nghèo đói, vì chiến tranh, vì thiên tai, chia rẽ, hay nỗi đau không lời - tôi cầu xin Mẹ, và tôi cảm nhận sức mạnh từ Mẹ trào dâng như dòng sông, thôi thúc tôi nắm tay họ và cùng bước đi trong ánh sáng. Trong số 24, Đức Giáo hoàng Phanxicô khuyến khích: *“Tại các đền thánh Đức Mẹ, chúng ta cảm nghiệm sự dịu dàng của Mẹ, Đấng luôn nâng đỡ con cái trong những lúc thử thách”*. Sắc chỉ “*Spes Non Confundit*” khẳng định thêm: *“Giáo hội phải là cộng đoàn của hy vọng, nơi mọi người tìm thấy sự an ủi và động viên”* (số 9). Dưới sự dẫn dắt của Mẹ, Năm Thánh 2025 mời gọi chúng ta xây dựng cộng đồng tràn đầy hy vọng, nơi mỗi người trở thành ngọn đèn cho nhau.

Giữa những khủng hoảng của năm 2025 - biến đổi khí hậu gầm thét, những cuộc chiến, xung đột xã hội bùng nổ, và những trái tim tan vỡ vì những mất mát - Đức Maria là ngọn lửa hy vọng không bao giờ tắt. Mẹ nhắc tôi rằng *“Hy vọng không làm thất vọng, vì tình yêu của Thiên Chúa đã được đổ*

vào lòng chúng ta” (Rm 5,5), như Thánh Phaolô đã viết và Đức Giáo hoàng Phanxicô trích dẫn trong “Spes Non Confundit”. Có những đêm tôi bật khóc vì thế giới quá nặng nề, nhưng hình ảnh Mẹ đứng vững trong im lặng làm trái tim tôi rực cháy, hét lên rằng hy vọng vẫn còn sống - ngay trong tôi, ngay trong chúng ta! Số 24 của Sắc chỉ nhấn mạnh: *“Đức Maria là Mẹ của niềm hy vọng, Đấng hướng dẫn chúng ta đến với Con Mẹ, để chúng ta tìm thấy sức mạnh trong những lúc yếu đuối”*. Năm Thánh 2025 là thời khắc để chúng ta, cùng Mẹ, dám mơ về một tương lai tươi sáng, tin rằng *“Chúa làm những điều kỳ diệu cho kẻ kính sợ Người”* (Lc 1,49-50).

5. Đức Maria - niềm hy vọng sống động cho các Đan sinh

Trong bối cảnh Năm Thánh Hy Vọng 2025, Đức Maria, Mẹ Thiên Chúa, là ngọn gió dịu dàng thổi hồn vào đời cầu nguyện của các Đan sinh chiêm niệm, trong thinh lặng thánh thiêng của Đan viện. Trong những giờ phút chìm đắm trong cầu nguyện, khi các Đan sinh dâng lên Thiên Chúa những lời kinh đơn sơ hay những tâm tình thầm kín, Mẹ hiện diện như người mẹ hiền, nâng đỡ trái tim các Đan sinh qua những giây phút khô khan hay xao động. Với chuỗi Mân Côi trong tay, Đức Maria dạy các Đan sinh cầu nguyện bằng cả con tim, biến từng lời kinh thành nhịp cầu nối liền đất trời, nơi họ cảm nhận được tình yêu vô biên của Thiên Chúa. Thinh lặng của Đan viện trở thành không gian thánh, nơi tiếng “Fiat” đầy cậy trông của Mẹ vang vọng, khơi dậy niềm tin rằng mọi đau khổ và thử thách đều đơm hoa cứu độ. Nhờ cầu nguyện với Mẹ,

các Đan sinh tìm thấy niềm vui sâu thẳm và hy vọng mãnh liệt, trở thành những ngọn đuốc sống động, lan tỏa ánh sáng Phục sinh đến một thế giới đang khắc khoải tìm kiếm bình an.

Khi Năm Thánh Hy Vọng 2025 rực cháy như ngọn lửa soi sáng giữa bóng tối thời đại, Đức Maria - “Mẹ của niềm hy vọng” - đứng đó, kiên vững và rạng ngời, nắm chặt tay chúng ta giữa những cơn sóng dữ của đời sống. Từ những khoảnh khắc đau đớn tột cùng dưới chân thập giá, đến những ngày run rẩy chờ đợi Chúa Thánh Thần hiện xuống cùng các Tông đồ, Mẹ đã khắc sâu vào lòng chúng ta một chân lý mãnh liệt: hy vọng là ngọn lửa bất diệt, bùng lên từ trái tim tan vỡ nhưng không đầu hàng! Mẹ là ngọn gió thổi bùng khát khao trong tôi, là tiếng gọi vang vọng thúc đẩy chúng ta lao vào Năm Thánh này với tất cả niềm đam mê, để không chỉ tìm thấy Chúa Giêsu - nguồn hy vọng vĩnh cửu - mà còn thét lên với thế giới rằng Ánh Sáng sẽ chiến thắng! Lạy Mẹ Maria, xin đốt cháy hồn chúng con, đồng hành cùng chúng con, để mỗi nhịp đập của trái tim chúng con trở thành lời tuyên xưng hy vọng, như Mẹ đã làm trong buổi bình minh rực rỡ của Giáo hội, và như trong Sắc chỉ “*Spes Non Confundit*” số 24 khẳng định: “*Mẹ là Đấng dẫn chúng ta đến với hy vọng vĩnh cửu nơi Con Mẹ*”.

HẠT MẦM HY VỌNG

Châu Sơn

Giữa đêm tối vẫn sáng lòng
 Cây trông nở giữa long đong cõi trần
 Bao phen bão giạt phong vân
 Cây trông nâng bước qua dần sầu đau

Tay Người dìu dắt nhiệm mầu
 Cho con thấy sáng trong nhàu chuân chuyên
 Hạt mầm Tin giữa ưu phiền
 Vất vơ lên ánh diệu huyền thanh sang

Cây trông tựa cánh hạc vàng
 Bay qua mây xám sang trang nắng hồng
 Cây trông Nguồn sống mệnh mông
 Cho tim yếu đuối se đồng nhịp Yêu

Đường đời giông bão trăm chiều
 Vững cây Tin thác mĩ miều Cây trông
 Lướt qua Xuân Hạ Thu Đông
 Về miền an lạc thắm nồng tình Cha.

CHƯƠNG II: HÀNH TRÌNH SỐNG HY VỌNG

HÒA BÌNH DẤU CHỈ HY VỌNG ĐẦU TIÊN

Thỉnh sinh Phêrô Nguyễn Văn Thi

Trong sắc chỉ công bố Năm Thánh thường lệ 2025, Đức Thánh cha Phanxicô đã gọi hòa bình là dấu chỉ hy vọng đầu tiên. Tại sao giữa vô vàn vấn đề, Ngài lại gọi hòa bình là dấu chỉ đầu tiên của hy vọng mà không phải điều gì khác? Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu vấn đề này.

1. Hoà bình - dấu chỉ đầu tiên mang lại hy vọng

Lời mà Đức Thánh cha dùng để mở đầu sắc chỉ này là: *“Cầu chúc tất cả những ai đọc thư này, tâm hồn sẽ tràn đầy niềm hy vọng”*. Ta thử nghĩ xem những người ở trong một đất nước hay một nơi nào đó rơi vào chiến tranh loạn lạc đang làm gì? Họ đang chạy trốn để giữ mạng sống của chính mình cùng thân nhân; họ đang phải lo kiếm từng bữa ăn một; và cái chết có thể xảy đến cho họ bất cứ lúc nào. Như thế, ta không thể và không dám hy vọng vào bất cứ một điều gì khác nếu đang không được sống trong hoà bình. Ngay tại điểm này mà ta có thể hiểu được nhận định của Đức giáo hoàng

Phanxicô rằng: hoà bình đích thực là dấu chỉ đầu tiên mang lại hy vọng cho con người.

Trong bối cảnh thế giới đang tràn ngập các cuộc chiến: chiến tranh giữa các quốc gia, nội chiến giữa các đảng phái trong cùng một đất nước, mâu thuẫn về tôn giáo và sắc tộc... thì hai chữ hoà bình xem ra là một vấn đề nan giải và khó đạt được. Tuy nhiên, tôi cho rằng hoà bình không phải là điều gì quá lớn lao khiến chúng ta phải cảm thấy vô vọng khi nhìn vào hiện thực đang diễn ra. Trái lại, hoà bình rất giản dị và nằm trong đôi tay của từng người chúng ta. Theo định nghĩa của Từ điển Tiếng Việt thì hòa bình là trạng thái yên bình, không có vũ lực và chiến tranh.⁴ Báo chí cũng thường đồng nghĩa hòa bình với việc không còn tiếng súng đạn. Phần mình, tôi thiết nghĩ hòa bình là khi trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta chào nhau với một nụ cười nhẹ nhàng, thăm hỏi nhau đôi câu cách chân thành, giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn hoạn nạn. Hoà bình là giữa người với người biết sống bác ái và tôn trọng lẫn nhau. Nhưng để có được những điều xem như nho nhỏ và đơn giản đó, chúng ta cần phải biến đổi chính mình.

2. Làm sao có được hòa bình?

Con người không hành động theo bản năng như sinh vật, nhưng là các chủ thể có lý trí, ý chí và tự do. Vì vậy, người

⁴ Nguyễn Như Ý (Chủ biên), Đại Từ điển Tiếng Việt, Nxb. Đại Học Quốc Gia, TP.HCM, 2008, tr. 711.

ta có thể lựa chọn biến đổi bản thân theo chiều hướng tích cực, cũng có thể chủ ý thay đổi chính mình theo con đường tiêu cực. Do đó, sự biến đổi cần được thực hiện dựa trên một nền tảng chân lý chắc chắn hầu dẫn ta đến hòa bình đích thực. Tôi đã tìm được nền tảng đó nơi Lời Chúa. Tôi đã đọc, đã suy ngẫm, đã sống Lời Chúa và đã thấy mình được biến đổi. Lời Chúa cung cấp đầy đủ phương thế để khiến chúng ta trở nên một con người hòa bình và cao quý hơn nữa là giúp chúng ta trở nên con Thiên Chúa, bởi vì chính Chúa Giêsu đã nói: *“Phúc thay ai xây dựng hòa bình, vì họ sẽ được gọi là con Thiên Chúa”* (Mt 5,9).

Trong cuộc đời mình, chúng ta có rất nhiều mối bất hòa nhưng chung quy chúng có thể được chia thành bốn loại: bất hòa với bản thân, bất hòa với tha nhân, bất hòa với thiên nhiên và bất hòa với Thiên Chúa. Như thế, xây dựng hòa bình đồng nghĩa với việc đưa bản thân chúng ta ra khỏi tất cả những bất hòa trên. Trước hết, ta hãy bắt đầu giải quyết bất hòa với chính bản thân mình.

a. Làm hòa với bản thân

Nhiều người thường bị dẫn dắt về một hay vài lỗi lầm trong quá khứ khiến họ không thể tha thứ cho chính bản thân mình, và không thoát ra được nỗi khổ tâm đó. Chúng ta cần học cách chấp nhận yếu đuối của bản thân và tin tưởng vào lòng nhân từ của Thiên Chúa thì mới có thể giải phóng mình khỏi tình trạng ấy. Nếu không, nó sẽ giam hãm chúng ta ở lại trong sự bất hòa đó mãi mãi.

Để thấy rõ thực tại này hơn, chúng ta hãy đến với câu chuyện của Ông Nguyễn Văn H. Ông H năm nay bảy mươi sáu tuổi, là một nông dân bình thường và có bảy người con. Bảy năm về trước, đứa con út của ông sinh được một cậu con trai. Trong dịp về quê có công việc, anh cũng cho cháu về thăm ông bà nội. Vào cái ngày định mệnh ấy, trong lúc ông H đang bế cháu đi dạo xung quanh nhà thì ông vấp phải một viên đá khiến hai ông cháu ngã nhào ra. Đầu cháu bé đập xuống một viên đá khác và tay ông cũng đập xuống đất. Ông hét lên đầy đau xót và các con ông vội mang hai ông cháu đi viện. Chỉ khoảng hai tiếng sau, cháu bé đã ra đi vì đầu bị tổn thương nặng và vì mất máu quá nhiều. Còn ông H thì bị gãy tay phải. Đến bây giờ, mỗi khi nhìn đến vết sẹo ở cánh tay, ông lại ghen ngào và rơm rớm nước mắt, không phải vì tổn thương nơi cánh tay mình, nhưng vì một vết thương lòng: ông không thể tha thứ cho sai lầm của chính mình. Ngay cả khi cậu con út và con dâu không hề trách cứ ông, trái lại còn khích lệ ông rất nhiều, nhưng ông vẫn không thể nguôi ngoai. Hệ quả là ông luôn sống trong buồn rầu. Khi gặp những người cháu khác, ông chỉ đến nhìn một chút hoặc thơm má mà thôi. Nỗi buồn của ông còn tạo một bầu khí âm đạm ảnh hưởng tới gia đình ông và mọi người xung quanh.

Câu chuyện trên chỉ là một trong số nhiều biểu hiện của tình trạng bất hòa với chính mình. Có thể nói làm hòa với chính mình là điều kiện căn bản nhưng tiên quyết để ta có thể bước ra khỏi hố ngăn cách nội tâm mà tiến lên giải quyết

các mối bất hòa khác. Tha thứ và làm hòa với bản thân chính là cách để ta mang lại hy vọng cho chính mình và cho tha nhân.

b. Làm hòa với tha nhân

Đối với mọi người xung quanh hay các mối tương quan mở rộng hơn, tương quan càng lớn thì hai chữ “hòa bình” lại càng khó gìn giữ và khó đạt được. Giả sử như hai người có mối bất hòa thì chỉ cần hai người giải quyết với nhau là được, và thường thì nguyên nhân cũng không lớn. Nhưng khi bất hòa xảy ra giữa hai gia đình, hai nhóm người, hai tôn giáo, hai dân tộc và thậm chí hai đất nước với nhau, thì tính nghiêm trọng sẽ lớn dần và nguyên nhân sẽ phức tạp dần. Nhưng suy đi nghĩ lại thì mọi lý do cũng đều phát xuất từ lòng tham và mâu thuẫn lợi ích mà ra cả. Có một câu nói khá hay, đó là: hòa bình chỉ hiện hữu khi lợi ích chưa xuất hiện. Lòng tham của con người càng lớn thì hòa bình càng nhỏ lại. Lòng tham khiến cho con người có những hành động vô nhân tính, vô đạo đức với chính đồng loại của mình. Họ chẳng quan tâm đến nhân phẩm hay mạng sống của người khác. Giữa một thế giới đang có quá nhiều những bất hòa tranh chấp thì các Kitô hữu phải đóng một vai trò quan trọng là trở nên sợi dây liên kết mọi người xung quanh lại với nhau, là chứng tá cho hòa bình và hiệp nhất giữa cuộc đời này.

Thực tế, chính các cộng đoàn Giáo hội địa phương cũng không tránh khỏi những bất hòa do nhiều nguyên nhân khác nhau. Chúng ta không thể để tình trạng như vậy diễn ra thêm

nữa, bởi lẽ đang khi là những người kêu gọi sống hòa bình mà chúng ta lại sống bất hòa thì thật vô lý. Bất hòa xảy ra trong một cộng đồng là điều không thể tránh khỏi, nhưng điều quan trọng là cách mà chúng ta giải quyết chúng. Chúng ta cần học cách đối thoại để tìm ra nguyên nhân và giải hòa càng sớm càng tốt. Điều quan trọng là nếu mỗi người có một ngọn lửa yêu thương và hòa bình trong trái tim, thì chúng ta sẽ tránh được rất nhiều những bất hòa không đáng có. Bằng cách xây dựng tương quan hòa bình giữa người với người, các cộng đoàn Kitô giáo sẽ trở nên dấu chỉ hy vọng và bình an cho xã hội mà họ đang hiện diện.

c. Làm hòa với thiên nhiên

Đang khi xây dựng hòa bình trong các tương quan liên vị, chúng ta đừng bao giờ quên rằng nhân loại cũng phải xây dựng hòa bình với thế giới thiên nhiên. Ngay cả khi con người được Thiên Chúa đặt lên một vị trí cao quý làm người cai quản mọi thụ tạo hữu hình thì họ phải luôn nhớ rằng: họ cũng là một thành phần trong thế giới ấy và không bao giờ có thể tự tách biệt mình ra khỏi đó. Có bao giờ chúng ta cảm thấy thiên nhiên đang quay lưng lại với chúng ta không? Chúng ta đã đánh mất sự hòa hợp với thiên nhiên từ rất lâu rồi. Thật đáng thất vọng khi chúng ta phải làm lụng vất vả trên đồng ruộng nhưng rốt cuộc chẳng thu được bao nhiêu. Nguyên nhân của sự bất hòa này xuất phát từ chính con người. Chương ba của sách Sáng Thế cho thấy: sau khi nguyên tổ phạm tội bất tuân, Thiên Chúa đã nguyên rửa đất

đai khiến nó trở sinh gai góc chống lại họ. Con người phải cực nhọc mọi ngày trong đời họ, phải đổ mồ hôi mới có bánh ăn (x. St 3, 17-19).

Thực tế, con người vẫn đang được Thiên Chúa trao cho vai trò làm chủ cả vũ trụ này, và được Người mời gọi cộng tác vào công trình sáng tạo bằng cách cải tạo thế giới trở nên ngày một hoàn thiện hơn. Tuy nhiên, nhiều hoạt động của đời sống con người mà chủ yếu là các tham vọng phát triển kinh tế đang không ngừng phá hủy môi trường sống. Các cánh rừng nguyên sinh và thứ sinh bị đốn hạ vừa để khai thác gỗ cách bừa bãi, vừa để lấy đất trồng phát triển nông nghiệp hay thực hiện đô thị hóa cách thiếu quy hoạch. Sản xuất công nghiệp phát triển với tốc độ chóng mặt tạo ra một lượng chất thải khổng lồ ở cả ba thể rắn, lỏng và khí. Đánh bắt quá mức các loài sinh vật khiến cho số lượng rất nhiều loài suy giảm nghiêm trọng; nhiều loài khác đã hoàn toàn tuyệt chủng do tác động của con người... Tất cả những điều đó làm cho sinh quyển mất cân bằng cách nghiêm trọng, dẫn đến nhiều hiện tượng thiên nhiên tiêu cực diễn ra trên quy mô toàn cầu: sự nóng lên của trái đất; thủng tầng ozone; thời tiết trở nên khắc nghiệt và thất thường; các thiên tai như hạn hán, lũ lụt, bão tố, sạt lở xảy ra thường xuyên và trầm trọng hơn.

Có thể nói mối xung khắc giữa con người với thiên nhiên đang ngày càng trở nên căng thẳng hơn. Trong sự bất hòa này, toàn bộ nhân loại như một tổng thể duy nhất đứng trong tương quan với thế giới tạo vật. Do đó, việc làm hòa

với thiên nhiên đòi hỏi tất cả chúng ta phải đồng lòng cùng tìm ra những biện pháp bảo vệ môi trường. Nhiều hội nghị quốc tế về bảo vệ môi trường như Stockholm, Eco-92, COP được diễn ra nhằm đạt đến thỏa thuận chung, nhưng nhiều nước tham gia lại không nghiêm túc thực hiện những gì mình đã ký kết. Vì vậy, cá nhân mỗi chúng ta, các tổ chức có trách nhiệm liên quan và lãnh tụ các quốc gia cần dành sự lưu tâm đặc biệt đến việc làm hòa với thiên nhiên vốn chứa đựng những tạo vật mà Thiên Chúa sáng tạo để bày tỏ tình yêu của Người dành cho chúng ta. Nhờ việc xây dựng hòa bình với thiên nhiên, chúng ta có thể tiếp tục tiến đến giải quyết bất hòa đối với mối tương quan trọng tâm nhất của mình: tương quan với Thiên Chúa, vì làm sao ta có thể làm hòa với Đấng ấy đang khi lại chà đạp món quà Người tặng ban cho chúng ta?

d. Làm hòa với Thiên Chúa

Cách đây hơn hai ngàn năm, Thiên Chúa đã đi bước trước khi sai Con của Người đến thế gian này để làm hòa với mỗi người chúng ta, và điều đó có hiệu lực cho đến tận thế. Chúa đã mang hy vọng đến cho mỗi người và phần còn lại là lựa chọn của chúng ta: chính mỗi người có đáp trả lại ân sủng ấy từ Thiên Chúa hay không mà thôi. Lựa chọn khước từ nghĩa là chúng ta đang dập tắt hy vọng của chính mình. Còn đưa tay đón nhận là chúng ta đang thắp lên cho mình một ngọn lửa hy vọng. Khi đó, tất cả cuộc sống của chúng đều quy hướng về niềm hy vọng đó. Khi nhiều người có cùng một

niềm hy vọng như thế, thì mọi người sẽ cùng nhau bước đi và sẽ dẹp bỏ những gì là cản trở trên con đường đó. Hòa bình sẽ giúp chúng ta cùng tiến bước và phát triển về mọi mặt theo chiều hướng tích cực. Càng nhiều người sống trong hòa bình thì thế giới này càng có hy vọng về một tương lai tươi sáng. Điều đáng hy vọng nhất khi sống hòa bình chính là phần thưởng dành cho chúng ta trên Nước Trời.

Hòa bình là điều mà rất nhiều người hiện nay đang khao khát và con người hoàn toàn có thể thực hiện được. Vấn đề là mỗi người trên thế giới này có muốn chung tay xây dựng hòa bình hay không? Chúng ta cùng cầu mong cho tất cả mọi người hiểu được giá trị của hòa bình, và thực sự thì nó không nằm ngoài tầm tay của chúng ta. Vì thế, hòa bình chính là dấu chỉ hy vọng đầu tiên của nhân loại.



MẸ MARIA ĐÃ LÊN ĐƯỜNG VỚI HY VỌNG ĐEM CHÚA ĐẾN CHO THA NHÂN

Thính sinh Anrê Lê Anh Đức

Trong Năm Thánh Hy Vọng này, chúng ta được mời gọi ngắm nhìn Mẹ Maria như Sao Mai, báo hiệu sự hiện diện của Đức Giêsu Kitô - Con Thiên Chúa, Đấng Cứu Độ trần gian. Ngay sau biến cố Truyền Tin, Mẹ đã vội vã lên đường đến thăm bà Êlisabet. Hành trình ấy không chỉ là một chuyến đi thăm viếng người thân, mà còn là biểu tượng của một đức tin sống động: lên đường vì yêu thương, mang Chúa đến cho tha nhân trong niềm hy vọng sâu xa và tinh thần phục vụ khiêm nhường.

1. Mẹ Maria lên đường để trao Đấng Emmanuel

“Hồi ấy, bà Maria vội vã lên đường, đến miền núi, vào một thành thuộc chi tộc Giuđa” (Lc1,39).

Lời Kinh Thánh nghe thật đơn sơ, nhưng ẩn sau đó là một quyết định đầy can đảm. Việc một thiếu nữ đang mang thai đi xa một mình trong bối cảnh xã hội thời ấy là điều không dễ dàng. Chặng đường từ nơi Mẹ sống đến nhà bà Êlisabet dài khoảng một trăm cây số đường chim bay nên phải mất gần một tuần mới tới nơi.

Chính Chúa Thánh Thần đã thúc đẩy nơi Mẹ sự nhiệt huyết, lòng hăng hái dẫn thân. Mẹ lên đường không vì nghĩa vụ, mà vì một khát vọng yêu thương sâu xa: đến với người chị họ già nua để phục vụ, sẻ chia. Và cuộc gặp gỡ ấy trở thành một cuộc loan báo Tin mừng đầu tiên trong Tân Ước. *“Bởi đâu tôi được Mẹ Thiên Chúa đến thăm tôi?”* (Lc 1,43).

Lời của bà Êlisabet cùng với sự nhảy mừng của thai nhi - Gioan Tẩy Giả - diễn tả một niềm vui sướng vì bà được tràn đầy Thánh Thần khi Mẹ Maria mang Đấng Emmanuel - Thiên Chúa ở cùng chúng ta đến với bà. Đây chính là cốt lõi của hành động truyền giáo: đem Chúa đến để người khác được gặp Ngài và được biến đổi. Mẹ Maria không giảng thuyết, cũng không tranh luận sôi nổi, nhưng sự hiện diện đầy khiêm tốn và đầy ơn sủng của Mẹ đã đủ để lan truyền niềm vui cứu độ. Mẹ là mẫu gương tuyệt hảo của người môn đệ truyền giáo: không đem bản thân mình đến nhưng đem Chúa đến với người khác trong khiêm nhu, phục vụ và tình thương.

2. Mẹ phục vụ trong khiêm hạ và thầm lặng

“Bà Maria ở lại với bà Êlisabet độ ba tháng, rồi trở về nhà” (Lc 1,56). Tin mừng không mô tả rõ Mẹ đã làm gì trong ba tháng ấy, nhưng bối cảnh cho thấy: bà Êlisabet sắp sinh và rất cần người bên cạnh để chăm sóc. Mẹ chắc chắn đã ở lại để phục vụ và giúp đỡ như một người tôi tớ thầm lặng. Việc đem Chúa đến cho người khác không chỉ là nói lời hay, mà là sống tình yêu qua những hành động cụ thể. Mẹ Maria

đã sống tinh thần “tông đồ vô danh”, là hiện thân của một đời sống thấm nhuần Tin mừng trong từng công việc nhỏ bé.

Mỗi người chúng ta, khi mang Chúa trong lòng, cũng được mời gọi lên đường như Mẹ: ra khỏi sự an toàn, bước ra khỏi cái tôi ích kỷ, để gặp gỡ và phục vụ tha nhân. Mỗi nụ cười, mỗi ánh mắt, mỗi hành động nhỏ trong đời sống hằng ngày, nếu được thực hiện trong đức tin và tình yêu đều có thể trở thành một cuộc gặp gỡ giữa Thiên Chúa và con người. Về điểm này Thánh Phaolô cũng nói: *“Anh em hãy làm mọi việc mà đừng kêu ca hay phản kháng”* (Pl 2,14). Làm mọi việc không than phiền nghĩa là tìm thấy niềm vui ẩn giấu trong những việc âm thầm và nhìn chúng trong ánh sáng của một màu nhiệm lớn hơn.

3. Lên đường cùng Mẹ trong một thế giới đang cần hy vọng

Thế giới hôm nay còn rất nhiều người sống trong cô đơn, thất vọng, mất phương hướng. Hình ảnh Mẹ Maria lên đường phục vụ là lời mời gọi vẫn còn đó và đang vang vọng đến từng tâm hồn. Đức tin đích thực không dừng ở bản thân, nhưng phải trở thành hy vọng sống động cho người khác. Chúng ta hãy học nơi Mẹ cách mang lấy Chúa trong lòng không để giữ riêng, mà để trao ban, để phục vụ. Qua ánh mắt, nụ cười, sự giúp đỡ âm thầm và cả sự hiện diện đầy tình người, chúng ta cũng có thể làm chứng cho niềm hy vọng. Chúng ta không cần hoàn hảo để làm những điều đó mà chỉ

cần sẵn lòng như Mẹ lên đường với hy vọng đem Chúa đến cho tha nhân.

Câu chuyện ấy không chỉ là một biến cố trong Kinh Thánh, mà là sứ điệp sống động cho từng người tín hữu hôm nay. Lên đường để gặp gỡ, để thăm viếng, để chia sẻ là một hành động căn bản trong đức tin. Đó là cách ta tìm kiếm thánh ý Chúa trong các mối liên hệ hằng ngày. Trong một thế giới đầy biến động, nơi con người khao khát được yêu thương và chữa lành, chúng ta hãy học nơi Mẹ một tinh thần sẵn sàng, một trái tim rộng mở, và một niềm hy vọng không biết mỏi mệt. Để rồi, qua chúng ta, Chúa cũng có thể “đến thăm” thế giới hôm nay như Ngài đã đến nhà bà Êlisabet qua bước chân của Mẹ.



LÒNG THƯƠNG XÓT CỦA THIÊN CHÚA DẤU CHỈ HY VỌNG CHO BỆNH NHÂN

Thính sinh Đaminh Bùi Vĩnh Thịnh

Năm 1992, Đức Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã chọn ngày 11 tháng 02, lễ kính Đức Mẹ Lộ Đức là Ngày Thế Giới Cầu Nguyện Cho Các Bệnh Nhân. Qua đó Hội thánh muốn dành sự nâng đỡ, đồng hành với những người yếu đau bệnh tật đang phải chịu những đau khổ thử thách. Đó còn là ngày các bệnh nhân nói lên niềm hy vọng đặt nơi Thiên Chúa, là Đấng giàu lòng thương xót và là Đấng chữa lành, để dù đời sống chỉ là chuỗi tháng ngày trên giường bệnh, họ cũng trở nên những người hành hương đang tìm kiếm và gặp gỡ Thiên Chúa, làm chứng cho các giá trị Tin mừng.

1. Mục vụ chăm sóc bệnh nhân: họa lại hình ảnh lòng thương xót của Đức Kitô.

Năm 2025, Đức Thánh cha Phanxicô đã chọn chủ đề cho Ngày Thế Giới Cầu Nguyện Cho Các Bệnh Nhân lần thứ 33 là: *“Hy vọng không làm thất vọng”* (Rm 5,5). Điều ấy có ý nghĩa rất sâu xa, vì trong xã hội chúng ta có những người đau bệnh, những người nằm liệt giường, người già, và cả trẻ em bệnh tật. Điều mà chúng ta có thể mang lại cho họ là sự quan tâm, chia sẻ qua việc thăm hỏi, chăm sóc. Bệnh tật là một trong những đau khổ của cuộc đời mà nhiều người đang phải trải qua. Có những người đang chịu những cơn đau dữ dội hàng

giờ, hằng ngày. Có nhiều người coi bệnh viện là nhà, ở bệnh viện nhiều hơn ở nhà. Có những căn bệnh vô phương cứu chữa, chỉ chờ đợi cái chết. Như vậy, làm sao bệnh nhân có thể sống niềm hy vọng? Chính sự chăm sóc của những người thân sẽ giúp cho họ được bình an để có thể chịu đựng khổ đau. Nhưng sự trợ lực cần thiết hơn hết chính là đức tin: tin vào Đức Giêsu Kitô, Đấng quyền năng chữa lành.

Quả vậy khi rao giảng Tin mừng, Đức Giêsu chạnh lòng thương và chữa lành cho hết thấy bệnh nhân tin vào Ngài. Tương lai cuộc đời của những người mắc các chứng bệnh như phong cùi, đui mù, bại liệt như thể khép lại, không còn được sống giữa cộng đồng xã hội. Và chính Đức Giêsu đã cứu chữa tất cả, cho họ được sống xứng đáng với phẩm giá con người. Nhờ Ngài, họ được yêu thương, được tôn trọng, được sống như một người bình thường. Ngày nay chỉ có niềm hy vọng và niềm tin vào Chúa mới giúp các bệnh nhân được bình an trong mọi thử thách. Các Linh mục đến với bệnh nhân không chỉ để ban Bí tích, nhưng còn để ngồi lại với họ mà thăm hỏi, động viên. Các cụ già, những người bệnh liệt giường thấy các ngài đến thì mừng lắm; họ được an ủi nhiều! Có thể nói các thừa tác viên của Hội thánh đang khi thực hiện công tác mục vụ chăm sóc bệnh nhân đã bày tỏ khuôn mặt chạnh lòng thương của Đức Giêsu, để các bệnh nhân thấy mình được đồng hành và nâng đỡ. Chính nhờ sự đồng hành đó mà bệnh nhân có thể vượt qua những đau khổ mà sống vui tươi lạc quan hơn.

Do đó, sứ điệp Ngày Thế Giới Cầu Nguyện Cho Các Bệnh Nhân 2025 nhấn nhủ các Linh mục cần mang lấy tâm tình và thái độ của chính Đức Giêsu Mục Tử Nhân Lành để đến với họ; nhất là cùng cầu nguyện với họ, trao phó những bệnh tật họ đang gánh chịu cho Chúa. Hơn nữa, sứ điệp cũng nhắc nhở chúng ta rằng: *“Biết bao lần chúng ta học hy vọng bên giường một bệnh nhân! Biết bao lần chúng ta học tin tưởng bằng cách gần gũi với những người đau khổ! Biết bao lần chúng ta khám phá ra tình yêu bằng cách hướng về những người đang thiếu thốn! Nói cách khác chúng ta khám phá ra mình là ‘những thiên thần’ của niềm hy vọng, những sứ giả của Thiên Chúa cho nhau”*⁵. Và quả thật có rất nhiều điều chúng ta học được nơi giường bệnh.

2. Niềm hy vọng của bệnh nhân ở nơi Chúa.

Những người đau bệnh thường hay cảm thấy thất vọng. Họ rơi vào tâm lý chán nản, muốn buông xuôi, chỉ muốn chết đi cho rồi. Vì thế khi đi thăm người bệnh hay các cụ già, chúng ta thường nghe họ nói: “Không biết bao giờ Chúa mới gọi con về? Sống mà nằm một chỗ thì phiền hà con cháu quá. Con mong chết đi để khỏi đau đớn, lại khỏe cho mọi người”. Trong những trường hợp như thế, chỉ có Thiên Chúa mới ra tay cứu giúp họ được. Chính Ngài sẽ ban cho họ ơn chịu đựng đau khổ, và chính lúc ấy người bệnh có cơ hội làm chứng cho

⁵ Sứ điệp của Đức Thánh Cha Phanxicô cho Ngày Thế giới Bệnh nhân lần thứ 33, được công bố ngày 14 tháng 1 năm 2025.

Tin mừng ngay trong hoàn cảnh của mình. Quan trọng hơn cả, Bí Tích Thánh Thể chính là sức mạnh cho họ. Có Chúa thì cho dù đau bệnh họ vẫn bình an. Có vị Linh mục nói với các bệnh nhân: “Khi Mình Thánh Chúa đến gần anh chị em, chúng ta hãy thưa với Chúa: ‘Lạy Chúa, xin thương xót và chữa lành con’”.

Do đó, chúng ta đừng nhìn bệnh tật như là sự nghiệt ngã mà số phận mình phải chịu, nhưng chúng ta tin rằng chính Chúa đã mang lấy bệnh tật của ta. Ngài cùng chia sẻ đau bệnh của chúng ta. Chính niềm tin ấy sẽ vực dậy chúng ta. Bệnh nhân có Chúa sẽ đón nhận đau khổ trong một tâm thế khác: họ bình an hơn, tâm trí thanh thản, bớt lo âu hơn. Ngược lại, khi không để Chúa đồng hành trong những bệnh tật của mình, họ sẽ thường xuyên rơi vào thất vọng, bế tắc và nghĩ về cái chết. Tôi từng chứng kiến cảnh một người bác gần nhà bị ung thư ngực hành hạ ngày đêm rất đau đớn. Mỗi khi lên cơn đau thì bác la to lên rằng: “Tội con mở nắp giếng cho mẹ nhảy xuống đi. Mẹ chịu hết nổi rồi! Giêsu lạy Chúa con, xin Chúa cứu con”. Tôi nghe mà quặn thắt lòng cùng cơn đau bệnh của bác, mặc dù bác ấy chỉ là hàng xóm của tôi. Có nhiều người đau yếu bệnh tật, nhưng lại sống rất hạnh phúc vì họ luôn có Chúa là nguồn cậy trông, là nguồn an ủi và là sức mạnh của mình. Cách chung, Ngày Thế Giới Cầu Nguyện Cho Các Bệnh Nhân nhắc nhở mỗi người, dù khỏe mạnh hay yếu đau hãy luôn tin tưởng và cậy trông nơi Chúa. Vì trong cuộc đời này, chúng ta sẽ không chịu những đau khổ một mình,

nhưng có Chúa luôn ở kề bên. Mọi đau khổ và thử thách chắc chắn sẽ qua đi.

3. Niềm hy vọng chữa lành cho người thân của mình.

Ngày nay, bệnh tật cùng con số các bệnh nhân đang gia tăng khiến không ít người lo lắng và hoang mang. Trong gia đình tôi, mẹ của tôi - người mà tôi gần gũi và thương yêu nhất - cũng đang phải đối diện với căn bệnh hiểm nghèo cùng các bệnh nặng khác trong lúc tuổi già, phải thường xuyên ra vào bệnh viện. Tôi vẫn luôn nhớ và ngày đêm cầu nguyện cho mẹ được lành bệnh. Những lần nghe tin mẹ tôi đau yếu, tôi cảm thấy lo lắng, xao động trong ơn gọi. Nhưng qua sự động viên, chia sẻ của bề trên và anh em, tôi lại được bình tâm và đặt niềm hy vọng nơi Chúa. Tôi biết rất rõ dù mẹ của tôi sống trong đau đớn bệnh tật nhưng mẹ không hề kêu ca, oán trách. Trái lại, mẹ luôn lạc quan, vui vẻ với con cháu và những người đến thăm nom. Hằng ngày mẹ tôi vẫn kêu cầu Lòng Thương Xót của Chúa để được Chúa chữa lành. Tôi tin chắc rằng, lời cầu nguyện liên lỉ của mẹ tôi và mọi người sẽ mang lại hy vọng để người vượt qua đau đớn của bệnh tật mà sống an lành hơn.

Lạy Chúa, xin cho những người thân trong gia đình chúng con đang yếu đau bệnh tật tìm được sức mạnh và chỗ dựa nơi Chúa, để vượt qua thử thách và sống bình an. Xin mẹ Maria và cha thánh Giuse cùng toàn thể các thánh thương chuyển cầu cho các bệnh nhân được ơn chữa lành. Và xin cho tất cả chúng con biết làm chứng nhân của niềm hy vọng, bằng

việc quan tâm, chia sẻ cũng như nâng đỡ những người yếu đau, sầu khổ. Amen.



LÒNG THƯƠNG XÓT CỦA THIÊN CHÚA VÀ LỜI NGUYỆN CHUYỂN CẦU NIỀM HY VỌNG CHO CÁC LINH HỒN

Thính sinh Anrê Lê Anh Đức

Trong năm Thánh Hy Vọng này, chúng ta được mời gọi suy gẫm về một trong những phẩm tính cao quý nhất của Thiên Chúa: “Lòng thương xót vô bờ bến”. Đồng thời, chúng ta cũng hướng lòng mình đến những người thân yêu đã ra đi, những linh hồn đang được thanh luyện trong luyện ngục, đang khắc khoải chờ mong được vào hưởng ánh sáng vinh hiển, trong niềm hy vọng vào lòng nhân từ của Thiên Chúa và lời cầu nguyện của chúng ta.

1. Lòng thương xót của Thiên Chúa

“Lòng thương xót là con đường nối kết Thiên Chúa với con người, hướng lòng chúng ta về niềm hy vọng sẽ được yêu thương luôn mãi, bất chấp tội lỗi của chúng ta”.⁶ Trong dụ ngôn Người Cha Nhân Hậu (x. Lc 15,11-32), lòng thương xót của Thiên Chúa được diễn tả qua hình ảnh người cha vẫn đêm ngày ngong ngóng đứa con trở về; để rồi khi *“Anh ta đang ở đằng xa, thì người cha đã trông thấy. Ông chạnh lòng thương, chạy ra ôm cổ anh ta và hôn lấy hôn để”* (Lc 15,20). Từ ngày con mình bỏ đi phương xa ông đã luôn thổn thức

⁶ Đức Giáo hoàng Phanxicô, Dung Mạo Lòng Thương Xót, số 2

trong lòng, luôn thấp thỏm đợi chờ, luôn hy vọng ngày nào đó con mình sẽ quay trở về. Và rồi, niềm hy vọng đó đã không làm cho ông phải thất vọng khi ông thấy đứa con trở về, ông không những không la mắng hay tỏ thái độ khó chịu đối với con mà ngược lại còn hết mực yêu thương với cả tình yêu của một người cha theo tinh thần của thánh Phaolô: *“Đức mến thì nhẫn nhục, hiền hậu, không ghen tương, không vênh vang, không tự đắc, không làm điều bất chính, không tìm tư lợi, không nóng giận, không nuôi hận thù, không mừng khi thấy sự gian ác, nhưng vui khi thấy điều chân thật; đức mến tha thứ tất cả, tin tưởng tất cả, hy vọng tất cả, chịu đựng tất cả”* (1Cr 13,4-7).

Lòng thương xót đã được Chúa Cha mặc khải trọng vẹn nơi Đức Kitô - Con chí ái của Ngài. Cuộc đời của Đức Kitô là một chuỗi những hành động thương xót: Ngài chữa lành bệnh tật, tha thứ tội lỗi, an ủi những người đau khổ và cuối cùng là hiến dâng mạng sống mình trên thập giá để cứu chuộc nhân loại. Từ trái tim bị đâm thấu của Người máu và nước chảy ra như là biểu tượng cao nhất của lòng thương xót vô biên.

Vậy lòng thương xót ấy có ý nghĩa gì với những linh hồn đã qua đời? Sau khi lìa đời, linh hồn mỗi người sẽ được trải qua cuộc phán xét riêng, nơi Thiên Chúa xét xử dựa trên những việc lành dữ họ đã làm trong cuộc sống trần thế. Những ai sống đẹp lòng Chúa sẽ được hưởng hạnh phúc vĩnh cửu trên thiên đàng. Tuy nhiên, cũng có những linh hồn còn

vương mắc lỗi lầm. Họ là những người đang được thanh luyện và lòng thương xót của Thiên Chúa là nguồn hy vọng lớn lao nhất. Họ đang được thanh tẩy vì những lầm lỗi chưa hoàn toàn đền bù, đang đợi chờ được thanh luyện để đủ xứng đáng bước vào Thiên Đàng. Và chính nơi lòng nhân hậu của Chúa, họ tìm được ánh sáng, sự tha thứ và niềm hy vọng cuối cùng.

2. Lời nguyện chuyển cầu

Trong Cựu Ước, ông Giuđa có sáng kiến và cầu nguyện cho những người chết: *“Ông Giuđa quyên được khoảng hai ngàn quan tiền, và gửi về Giêrusalem để xin dâng hy lễ tạ tội. Thật thế, nếu ông không hy vọng rằng những chiến binh ngã xuống sẽ sống lại, thì cầu nguyện cho người chết quả là việc dư thừa và ngu xuẩn. Nhưng nếu ông nghĩ đến phần thưởng rất tốt đẹp dành cho những người đã an nghỉ trong tinh thần đạo đức, thì đây quả là một ý nghĩ đạo đức và thánh thiện. Đó là lý do khiến ông xin dâng hy lễ đền tội cho những người đã chết, để họ được giải thoát khỏi tội lỗi”* (2Mcb 12,43-45).

Ông Giuđa và những người bạn đã khám phá ra tình liên đới giữa các thành phần dân Thiên Chúa, giữa những người đang sống và những người đã chết. Những linh hồn ấy không thể tự giúp mình, nhưng họ trông chờ nơi lời cầu nguyện và những hy sinh bé nhỏ mà chúng ta - những người còn sống - dâng lên thay cho họ. Nhất là khi chúng ta hiệp dâng thánh lễ, lần hạt Mân Côi, viếng nhà thờ, hy sinh âm thầm hay sống thánh thiện, tất cả đều mang đến những ơn

ích thiêng liêng vô giá cho các linh hồn đang chờ mong được giải thoát. *"Thiên Chúa luôn từ ái một niềm, ơn cứu chuộc nơi Ngài chan chứa"* (Tv 130,7). Chính nhờ lòng thương xót của Chúa, mà lời cầu nguyện của chúng ta trở nên như ngọn nến nhỏ thắp lên trong đêm tối, đem lại ánh sáng niềm tin, an ủi, và hy vọng cho những linh hồn còn trong nơi luyện ngục.

Việc cầu nguyện cho các linh hồn nhắc nhở chúng ta về sự sống đời sau và trách nhiệm của chúng ta đối với những người đã khuất. Qua đó thúc đẩy chúng ta sống tốt lành hơn để khi qua đời cũng được hưởng lòng thương xót của Chúa và nhận được lời cầu nguyện của người khác.

Niềm hy vọng của chúng ta cho những linh hồn đang thanh luyện trong luyện ngục được đặt trọn vẹn vào lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa. Chúng ta tin rằng, tình yêu Ngài lớn hơn mọi tội lỗi, và sự tha thứ của Ngài không có giới hạn. Lời cầu nguyện của chúng ta là tiếng van nài tha thiết dâng lên trái tim nhân hậu của Ngài, như những ngọn nến nhỏ bé được thắp lên giữa đêm tối chia ly, sưởi ấm niềm hy vọng vào ngày đoàn tụ vĩnh cửu. Trong Năm Thánh Hy Vọng này, khi chúng ta đặc biệt tưởng nhớ đến những người thân yêu đã ra đi, ước gì mỗi người siêng năng cầu nguyện cho họ với tất cả lòng tin tưởng và yêu mến. Chúng ta hãy dâng lên Chúa những lời cầu xin chân thành, những hy sinh âm thầm mỗi ngày, và nhất là một con tim đầy yêu thương, phó thác hoàn toàn vào lòng thương xót vô biên của Ngài.

THA THỨ

DẤU CHỈ HY VỌNG CỦA TÌNH YÊU

Thỉnh sinh Micae Hồ Sĩ Sang

Là người, ai trong chúng ta cũng có những lỗi lầm. Có thể do chính mình gây ra hay do người khác đem đến. Dù lớn hay nhỏ, mỗi lỗi lầm đều để lại những vết thương trong tâm hồn. Và thật đau đớn biết bao khi vết thương đó lại đến từ chính những người mình yêu mến, những người mình tin tưởng, hy vọng...? Vậy phải làm sao để chữa lành? Và phương được hữu hiệu nhất để chữa lành vết thương đó là lòng tha thứ. Bởi tha thứ là dấu chỉ hy vọng của tình yêu. Để sáng tỏ vấn đề này, chúng ta cùng bàn luận.

Tha thứ là gì? Chúa Giêsu nói với Phêrô về lòng tha thứ khi ông hỏi Người: *“Nếu anh em con cứ xúc phạm đến con thì con phải tha đến mấy lần? Có phải bảy lần không?”* Nhưng Chúa Giêsu đáp: *“Thầy không bảo là đến bảy lần nhưng là đến bảy mươi lần bảy”* (Mt 18,21-22). Lời dạy của Chúa Giêsu tiếp tục vang lên: *“Nếu người anh em của anh xúc phạm đến anh, thì hãy khiển trách nó; nếu nó hối hận thì hãy tha cho nó. Dù nó xúc phạm đến anh một ngày bảy lần, rồi bảy lần trở lại nói với anh: tôi hối hận, thì anh cũng phải tha cho nó”* (Lc 17,3-4). Như vậy, theo tinh thần của Chúa Giêsu tha thứ là không bị giới hạn bởi số lần, điều kiện hay đối tượng nào. Tha thứ là một hành vi tự do, quảng đại và nhưng không,

không đòi hỏi người kia xứng đáng, không chờ người kia sửa đổi nhưng là hành động xuất phát từ lòng nhân hậu và trái tim yêu thương.

Nhưng tại sao chúng ta cần sống tha thứ? Trong Kinh Lạy Cha chúng ta cầu nguyện: *“xin Cha tha tội cho chúng con như chúng con cũng tha cho những người có lỗi với chúng con”* (Mt 6,12). Chúng ta kêu xin Chúa tha thứ thì chúng ta cũng phải tha thứ cho anh em mình. Đó được coi như điều kiện để chúng ta được tha thứ. Bên cạnh đó, tha thứ phản ánh lòng thương xót của Thiên Chúa - Đấng không mệt mỏi tha thứ cho chúng ta. Ngôn sứ Mikha đã cảm nghiệm sâu xa lòng nhân hậu của Thiên Chúa và đã thốt lên: *“Tội lỗi chúng ta Người chà đạp dưới chân. Mọi lỗi lầm chúng ta, Người ném xuống đáy biển”* (Mk 7,19). Cùng với tâm tình đó, Vịnh gia cũng thưa lên rằng: *“Chúa là Đấng từ bi nhân hậu, Người chậm giận và giàu tình thương, chẳng trách cứ luôn luôn, không oán hờn mãi mãi. Người không cứ tội ta mà xét xử, không trả báo ta xứng với lỗi lầm. Như trời xanh trời cao hơn mặt đất, tình Chúa thương kẻ thờ Người cũng trời cao. Như đông đoài cách xa nhau ngàn dặm, tội ta đã phạm, Chúa cũng ném thật xa ta”* (Tv 103,8-11).

Chúng ta cần sống tha thứ vì mình là con người bất toàn. Nhiều khi những xúc phạm không phải vì cố ý mà vì vô tình, thiếu ý thức. Chỉ cần chút cảm thông, hiểu biết, bao dung chúng ta sẽ dễ bỏ qua, không chấp xét. Nếu cứ mỗi lần bị xúc phạm, chúng ta không thể nào nguôi ngoai thì chúng

ta là người khốn khổ nhất. Và chẳng ai có thể sống toàn vẹn nếu chỉ biết loại trừ những người từng xúc phạm đến mình.

Chúa Giêsu là mẫu gương tuyệt vời nhất của lòng tha thứ. Khi bị treo trên thập giá cùng với những đau đớn, cảm dỗ, Người vẫn thốt lên: *"Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm"* (Lc 23,34). Chính Chúa Giêsu đã đi bước trước về lòng tha thứ nhưng không và còn cho những kẻ lầm lạc được cơ hội trở về, đó là khi Chúa đến và kêu gọi Mátthêu theo Ngài, đó là khi Chúa như người chủ chiên sẵn sàng bỏ chín mươi chín con khỏe mạnh để đi tìm con chiên lạc, đó là khi Chúa như người cha nhân hậu trông chờ con trở về, đó là khi Chúa nhìn lên Giakêu và ở lại với ông, và đó cũng là khi Chúa tha thứ cho người phụ nữ ngoại tình: *"Tôi cũng vậy, tôi không lên án chị đâu"* (Ga 8,11).

Thật vậy, tha thứ luôn mang tính thời sự trong thời đại hôm nay. Chắc hẳn, chúng ta cũng không cần nghe biết từ người khác mới nhận ra tầm quan trọng của tha thứ. Quả thực, chẳng ai tránh khỏi thương tổn do phiền muộn, chán nản, mất mát, phản bội, đau buồn,...những khó khăn thử thách trong cuộc sống chung được tỏ hiện khắp nơi: những xung đột giữa vợ chồng, con cái; xung đột giữa chủ và thợ; xung đột giữa bề trên và bề dưới, giữa các quốc gia, sắc tộc, tôn giáo... tất cả đều cần đến sự tha thứ như một liều thuốc để hàn gắn, để chữa lành và để mở ra hy vọng rằng con người được chung sống trong bình an và hạnh phúc.

Phải chăng tha thứ là biểu hiện của sự nhu nhược, yếu đuối? Trong sách Lêvi nói rằng: *“Mắt đền mắt, răng đền răng, ai làm cho người đồng bào phải mang tật thì phải đối xử với nó như vậy”* (Lv 24,19-20). Như thế sự trả thù xem ra là điều tự nhiên và có thể được hiểu là công bằng. Theo cách nghĩ của thế gian chỉ khi trả thù người ta mới chứng tỏ mình không hề thấp kém, không hề yếu thế. Tuy trong Cựu Ước có luật “báo phục tương xứng” nhưng thực ra nó tìm cách hạn chế những sự kích động tàn bạo, oán thù và ước muốn trả thù. Điều luật quy định chỉ có thể làm hại kẻ thù tương xứng với mức thiệt hại mình đã phải chịu. Và đó là một cách giúp cho những người hãy còn xa lý tưởng Kitô giáo sống văn minh hơn. Có thể nói, người nhu nhược, người yếu đuối rất khó để tha thứ. Bởi hành động tha thứ đòi hỏi cả một lô điều kiện cần thiết liên quan đến nhau: thời gian, nhẫn nại với chính mình, khả năng kiềm chế cảm xúc, sự kiên trì đi đến cùng trong quyết định buông bỏ oán hờn.

Và phải chăng tha thứ là dung dưỡng cho sai lầm, cho tội ác? Lắm lúc chúng ta cũng bị trách cứ một điều là đồng hóa tha thứ với một hình thức thoái lui trước những yêu sách của công lý, nhất là khi họ có khuynh hướng quá dễ dãi và sẵn sàng đưa cả “má bên kia”. Vấn đề nổi bật ở đây chính là mối tương quan giữa công lý và tha thứ. Tha thứ trước hết phải xuất phát từ lòng khoan dung nhưng không. Trong khi đó, công lý nhằm tái lập trật tự trên nền tảng khách quan bằng cách bảo vệ các quyền lợi chính đáng của người bị thiệt

hại. Điều đó không có nghĩa là trong khi tha thứ là người ta từ chối áp dụng công lý. Trái lại, sự tha thứ không thể tách rời khỏi nỗ lực đối diện với sự thật và hành động công bằng. Nếu tha thứ mà không đồng hành với công lý, nếu tha thứ trở thành cái có để làm ngơ trước bất công, thì đó không còn là sự cao cả nữa mà là sự thỏa hiệp yếu đuối. Một sự tha thứ như thế không chữa lành mà chỉ góp phần duy trì tội ác. Tha thứ đích thực không loại bỏ công lý, nhưng vượt lên trên công lý để yêu thương, để sự thiện vẫn có thể nảy mầm ngay cả trong bóng tối của lỗi lầm.

Như vậy, sống tinh thần tha thứ có một ý nghĩa rất lớn đối với mỗi người chúng ta. Nếu không biết tha thứ chúng ta dễ rơi vào vòng xoáy của thù hận, khổ đau, những ám ảnh quá khứ. Sự trả đũa chỉ khiến chúng ta mãi giam mình trong xiềng xích của oán giận. Ngược lại, tha thứ mở ra con đường hòa giải và chữa lành giúp con người xích lại gần nhau, biết mở lòng để đối thoại và chia sẻ với nhau. Tha thứ có ý nghĩa cho mọi bậc sống và mọi thời đại. Tha thứ chính là cánh cửa của hy vọng để chúng ta bước vào và làm lại cuộc đời. Tha thứ làm cho chúng ta “sống lại” không chỉ về thể lý, khi được giải thoát khỏi những tổn thương dồn nén mà còn về tinh thần, khi tâm hồn được phục hồi trong yêu thương. Đồng thời, tha thứ làm gia tăng tình hiệp thông, gia tăng niềm hy vọng vào tình yêu trong chúng ta.

Khi nói về tha thứ, có lẽ ai trong chúng ta cũng nói được và có khi còn nói rất hay. Nhưng khi đối diện với thực tế đau

đón, khi chính bản thân bị tổn thương, chúng ta mới thấy mình chùn bước; tha thứ lúc ấy không còn là lời khuyên đơn giản mà trở thành thách đố lớn lao. Đứng trước sự đau khổ, bất công của tha nhân, chúng ta thường đóng vai người khuyên bảo: phải tha thứ như thế này, nên bỏ qua như thế kia,... nhưng khi chính chúng ta bị xúc phạm, phản bội thì tha thứ dường như trở nên xa vời, lúc ấy chẳng ai có thể khuyên bảo được chúng ta. Và phải nói rằng: tha thứ là điều không hề dễ dàng. Chúng ta cảm thấy khó tha thứ khi bị người khác khinh chê là kém cỏi, dốt nát. Chúng ta cảm thấy khó tha thứ khi kẻ từng triệt hạ con đường làm ăn của chúng ta vẫn đang ung dung, sung túc, vui vẻ trước mặt. Chúng ta cảm thấy khó tha thứ khi người mình tin tưởng, yêu mến lại quay lưng phản bội. Và đó cũng là thực trạng của xã hội hôm nay. Dù con người ngày càng văn minh nhưng chiến tranh vẫn còn, tranh chấp vẫn tiếp diễn, lòng hận thù chưa được xóa bỏ; đói nghèo và bất công ngày một tăng nhanh bởi con người ta chưa sẵn sàng tha thứ cho nhau.

Tha thứ có thể rất khó, nhưng không phải là điều không thể. Khi chúng ta sống tha thứ, hay có kinh nghiệm được tha thứ, ắt chúng ta sẽ dễ mở lòng tha thứ cho người khác mà không hề toan tính thiệt hơn. Bởi tha thứ là dấu chỉ hy vọng của tình yêu. Sự tha thứ đích thực luôn ẩn chứa tình yêu, thứ tình yêu không loại trừ, không kết án và đó chính là điều làm đẹp lòng Thiên Chúa. Vì yêu thương nhân loại mà Thiên Chúa đã không ngừng tha thứ cho con người hết lần này đến lần

khác. Vì tình yêu mà Chúa Giêsu đã xin Chúa Cha tha thứ cho những kẻ làm hại mình. Vì tình yêu mà thánh Têphanô đã tha thứ cho những người bách hại mình: *“Lạy Chúa, xin đừng chấp họ tội này”* (Cv 7,60). Vì tình yêu mà thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã tha thứ cho kẻ ám sát ngài. Vì tình yêu mà thánh Maria Gorreti đã tha thứ cho người tấn công mình,... tình yêu ấy chắc hẳn không phải là tình yêu vị kỷ nhưng là tình yêu bắt nguồn từ Thiên Chúa, một tình yêu có sức mạnh vượt lên mọi vết thương, mọi thù hận để biến đổi đau thương thành hy vọng, và biến kẻ thù thành người anh em.

Ai trong chúng ta cũng mong muốn được sống trong sự tha thứ. Đó không chỉ là nỗi khát mong của con người qua bao thời đại, nhưng trước hết đó là lời mời gọi tha thiết từ chính Thiên Chúa: *“Anh em hãy có lòng nhân từ như Cha anh em là Đấng nhân từ”* (Lc 6,36). Và Chúa luôn đi bước trước về lòng tha thứ, về niềm hy vọng của tình yêu: *“Anh em hãy tha thứ thì sẽ được Thiên Chúa thứ tha”* (Lc 6,37). Điều này cũng được thể hiện cách cụ thể qua vị Cha chung của Hội thánh - Đức cố Giáo hoàng Phanxicô. Ngài là một vị Giáo hoàng khiêm nhường, hết lòng yêu thương người nghèo khổ và bị lãng quên. Qua các Thông điệp, Tông huấn và lời giảng dạy, ngài không ngừng mời gọi mọi người hãy chung tay xây dựng tình hiệp nhất, nền văn minh tình thương bằng việc tha thứ. Đức Thánh cha còn là hiện thân của niềm hy vọng, ngài sẵn sàng ra đi đến những nơi còn nhiều khổ đau bởi chiến tranh, thiên tai, xung đột... để sẻ chia những mất mát về vật

chất lẫn tinh thần của con người. Ngài đến để thắp lên trong họ niềm hy vọng của hòa bình, hy vọng của bình an là hoa trái đích thực của tha thứ, và chỉ khi con người biết tha thứ và sống trong tinh thần tha thứ thì hy vọng mới có thể đâm chồi và bình an thật sự mới được dựng xây.

Thật vậy, chỉ khi nào chúng ta dám tha thứ cho chính mình, tha thứ cho tha nhân thì chúng ta mới hy vọng có niềm an vui và hạnh phúc đích thực. Tha thứ đem lại sự hòa giải, sự kết nối giữa con người với nhau. Tha thứ không dừng lại ở một thế hệ mà thôi, nhưng còn lan tỏa mạnh mẽ tới thế hệ con cháu. Thế hệ cha ông sống tha thứ thì đó là một hạt giống tốt được gieo vào nhận thức và trái tim của các thế hệ mai sau. Cũng vậy, khi các đấng bậc trong Hội thánh sống tha thứ, tất mọi thành phần trong Hội thánh sẽ sống tha thứ cách trọn vẹn hơn và từ đó niềm hy vọng tình yêu sẽ triển nở.

Tha thứ là bài học căn cốt mà Chúa Giêsu đã để lại cho nhân loại. Bài học đó sẽ theo chúng ta suốt cả cuộc đời. Tha thứ theo tinh thần của Chúa mới là con đường đích thực mở ra cánh cửa hy vọng. Ước gì mỗi người chúng ta - những Đan sinh luôn hết lòng yêu mến, khao khát và sống tha thứ một cách trọn hảo trong Đức Kitô ngay trong ơn gọi này. Để từ đó không chỉ bản thân được chữa lành và đổi mới mà cả những người xung quanh cũng tìm thấy được niềm hy vọng của tình yêu nơi hành động tha thứ. Và khi ấy chúng ta có thể xác tín rằng: nơi nào có tình yêu ở đó có tha thứ hay nơi nào có tha thứ, nơi ấy tràn đầy tình yêu.

GIỚI TRẺ - HIỆN THÂN CỦA NIỀM HY VỌNG CŨNG ĐANG RẤT CẦN ĐẾN DẤU CHỈ CỦA HY VỌNG

Thỉnh sinh Antôn Đậu Văn Mỹ

Người trẻ là ngọn lửa hy vọng của Giáo hội và xã hội, mang trong mình sức sống mãnh liệt, khát vọng cháy bỏng và tiềm năng to lớn để kiến tạo một tương lai tốt đẹp hơn. Sắc chỉ Spes non confudit của Đức Giáo hoàng Phanxicô nhấn mạnh: *“Hy vọng không làm chúng ta thất vọng”* (Rm 5,5), và người trẻ chính là hiện thân sống động của niềm hy vọng Kitô giáo này. Trong bối cảnh Năm Thánh Hy Vọng 2025 với chủ đề “Những Người Hành Hương của Hy Vọng”, Giáo hội kêu gọi người trẻ khám phá và lan tỏa niềm hy vọng, đồng thời khẳng định rằng họ cần những dấu chỉ cụ thể để duy trì ngọn lửa ấy giữa những thách thức của thế giới hiện đại. Như Thánh Phaolô viết: *“Đức Kitô đã chết vì tội lỗi chúng ta... rồi Người đã trỗi dậy”* (1Cr 15,3-5), niềm hy vọng này không chỉ là lời hứa về đời sau mà còn là sức mạnh giúp người trẻ vượt qua khó khăn và tìm ý nghĩa trong cuộc sống hiện tại.

1. Người trẻ - hiện thân của niềm hy vọng

Người trẻ được ví như *“những người hành hương của hy vọng”* (số 12), mang trong lòng khát vọng thay đổi thế giới và Giáo hội. Sắc chỉ Spes non confudit khẳng định: *“Giới trẻ là niềm hy vọng của Giáo hội, bởi vì họ mang trong mình*

sự tươi mới của Tin mừng và khả năng làm chứng cho niềm hy vọng Kitô giáo” (số 12). Niềm hy vọng này bắt nguồn từ Đức Giêsu Kitô, Đấng là “*con đường, sự thật và sự sống*” (Ga 14,6). Qua sự chết và phục sinh của Ngài, người trẻ được mời gọi sống với niềm tin rằng “*mọi sự đều có thể đối với kẻ tin*” (Mc 9,23), từ việc vượt qua khó khăn cá nhân đến việc góp phần xây dựng một xã hội công bằng, yêu thương.

Kinh Thánh cũng khích lệ người trẻ trong vai trò này, Thánh Phaolô viết trong thư gửi Timôthê: “*Đừng để ai coi thường người vì người trẻ trung, nhưng hãy nên gương mẫu cho các tín hữu về lời nói, cách cư xử, lòng bác ái, đức tin và sự trong sạch*” (1Tm 4,12). Lời này nhắc nhở rằng tuổi trẻ không phải là rào cản mà là cơ hội để trở thành nhân chứng sống động của hy vọng, như Đức Giáo hoàng Phanxicô nhấn mạnh rằng người trẻ phải “*mơ những giấc mơ lớn lao*” và dẫn thân để biến chúng thành hiện thực (số 12).

2. Những thách thức khiến người trẻ cần dấu chỉ hy vọng

Mặc dù là hiện thân của hy vọng, người trẻ đối mặt với nhiều thử thách dễ dẫn đến tuyệt vọng. Sắc chỉ Spes non confudit chỉ ra: “*Nhiều người trẻ cảm thấy tương lai bấp bênh, ước mơ tan vỡ, đối diện với những khó khăn như thiếu việc làm ổn định, khủng hoảng tinh thần, hay cám dỗ từ những điều chóng qua*” (số 12). Tại Việt Nam, người trẻ còn chịu áp lực từ kỳ vọng gia đình về thành công vật chất, sự cạnh tranh khốc liệt trong học tập, và ảnh hưởng của mạng xã hội, nơi những hình ảnh hào nhoáng có thể khiến họ cảm

thấy tự ti và lạc lối. Những vấn đề này, như Đức Giáo hoàng mô tả, là “những bóng tối che mờ niềm hy vọng”, đòi hỏi Giáo hội trở thành “ngọn đèn soi sáng”.

Kinh Thánh cũng ghi nhận những lúc con người đối diện với thử thách. Trong sách Giêrêmia, Thiên Chúa an ủi: *“Vì Ta biết rõ kế hoạch Ta định làm cho các người... kế hoạch mang lại bình an, chứ không phải tai họa, để ban cho các người một tương lai và một niềm hy vọng”* (Gr 29,11). Lời này là lời nhắc nhở rằng ngay cả trong khó khăn, Thiên Chúa vẫn đồng hành và mang lại hy vọng. Tuy nhiên, để niềm hy vọng ấy không chỉ là lý thuyết, người trẻ cần những dấu chỉ cụ thể từ Giáo hội và cộng đồng, như Spes non confudit kêu gọi: *“Giáo hội phải là cộng đoàn của hy vọng, nơi người trẻ tìm thấy sự an ủi, đồng hành và động viên để không từ bỏ giấc mơ của mình”* (số 12).

3. Dấu chỉ hy vọng trong Năm Thánh Hy Vọng 2025

Năm Thánh Hy Vọng 2025 là cơ hội để người trẻ tái khám phá ánh sáng của niềm hy vọng Kitô giáo. Sắc chỉ Spes non confudit khẳng định: *“Năm Thánh là thời gian để người trẻ cảm nhận rằng họ được yêu thương, được đồng hành và được mời gọi trở thành chứng nhân của hy vọng”* (số 12). Tại Việt Nam, các cuộc hành hương, hay việc tham dự các Đại hội Giới trẻ không chỉ là hành trình thể lý, mà còn là hành trình nội tâm, nơi người trẻ đối diện với “sa mạc” của chính mình - nghi ngờ, sợ hãi, hay cô đơn - để khám phá sự hiện

diện của Thiên Chúa, như dân Israel được dẫn dắt qua sa mạc (x. Xh 13,21). Dưới đây là những dấu chỉ cụ thể:

- Sự đồng hành từ Giáo hội: Giáo hội, qua các chương trình mục vụ, Ngày Giới trẻ Thế giới, và các buổi gặp gỡ, trở thành người bạn đồng hành của người trẻ. Spes non confudit kêu gọi: *“Hãy lắng nghe người trẻ, đi cùng họ, và giúp họ nhận ra rằng họ là niềm hy vọng của thế giới”* (số 12). Lời Chúa trong sách Isaia khẳng định: *“Ta đã gọi người... Ta nắm tay người và gìn giữ người”* (Is 42,6), nhấn mạnh rằng Thiên Chúa và Giáo hội luôn đồng hành để người trẻ không cảm thấy cô đơn.

- Khôi phục ước mơ và nhiệt huyết: Năm Thánh khuyến khích người trẻ tham gia thiện nguyện, Dòng tu, hoặc các hoạt động cộng đồng để biến ước mơ thành hiện thực. Sách Giảng Viên nhắc nhở: *“Hãy vui hưởng tuổi trẻ... nhưng hãy biết rằng Thiên Chúa sẽ phán xét mọi việc”* (Gv 11,9), khích lệ người trẻ sống hết mình nhưng với ý thức trách nhiệm và niềm tin.

- Hòa giải và chữa lành: Với việc mở Cửa Thánh và ban ơn toàn xá, Năm Thánh là thời gian để người trẻ chữa lành vết thương nội tâm. Thánh Gioan viết: *“Nếu chúng ta xưng thú tội lỗi mình, thì Thiên Chúa... sẽ tha thứ tội lỗi chúng ta”* (1Ga 1,9). Spes non confudit nhấn mạnh rằng sự tha thứ này là *“dấu chỉ hy vọng giúp người trẻ tìm thấy ánh sáng giữa bóng tối”* (số 12).

- Tình yêu gia đình và trách nhiệm làm cha mẹ: Đức Giáo hoàng khẳng định rằng mong muốn lập gia đình là “dấu chỉ tình yêu phong phú” (số 12). Kinh Thánh trong sách Sáng Thế ghi nhận: *“Thiên Chúa tạo dựng con người... nam và nữ, và phán: Hãy sinh sôi nảy nở”* (St 1,27-28), khuyến khích người trẻ đón nhận sứ mạng này với sự hỗ trợ từ cộng đồng.

- Hành hương - biểu tượng của hy vọng: Hành trình hành hương là lời nhắc nhở rằng người trẻ đang bước đi cùng Chúa Kitô. Logo Năm Thánh với Thánh Giá như “chiếc neo của ơn cứu độ” phản ánh lời Thánh Phaolô: *“Chúng ta được cứu độ nhờ niềm hy vọng”* (Rm 8,24). Spes non confudit nhấn mạnh: *“Hành hương là cách người trẻ sống niềm hy vọng, tin rằng Thiên Chúa luôn đồng hành”* (số 12).

- Tái khám phá giá trị bản thân: Năm Thánh mời gọi người trẻ nhìn nhận vẻ đẹp của cuộc sống qua các sinh hoạt đức tin. Thánh Phêrô khuyên: *“Hãy luôn sẵn sàng trả lời cho bất cứ ai hỏi về niềm hy vọng của anh em”* (1Pr 3,15). Sắc chỉ Spes non confudit khuyến khích người trẻ vượt qua u sầu và cảm dỗ để *“khẳng định giá trị của mình như những chứng nhân của Tin mừng”* (số 12).

Trong Năm Thánh này, bạn sẽ làm gì để sống như một người hành hương của hy vọng?

4. Lời mời gọi người trẻ trở thành chứng nhân hy vọng

Năm Thánh Hy Vọng không chỉ là thời gian nhận lãnh các dấu chỉ mà còn là lời kêu gọi người trẻ trở thành *“những*

người làm chứng cho niềm hy vọng” (số 12). Kinh Thánh thúc đẩy: “Hãy chiếu sáng như những vì sao giữa thế gian, giữ vững lời sự sống” (Pl 2,15-16). Sắc chỉ Spes non confudit mời gọi người trẻ:

- Sống niềm hy vọng Kitô giáo bằng cách áp dụng đức tin vào đời sống hàng ngày.

- Chia sẻ niềm hy vọng với những ai đang cần an ủi, như Chúa Giêsu dạy: *“Hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 15,12).*

- Hướng tới tương lai với lòng tin, góp phần xây dựng Nước Thiên Chúa.

Năm Thánh Hy Vọng 2025 là lời mời gọi đặc biệt để người trẻ - những hiện thân của niềm hy vọng - tái khám phá sức mạnh của đức tin và sứ mạng của mình trong thế giới hôm nay. Như Sắc chỉ Spes non confudit khẳng định: *“Người trẻ là niềm hy vọng của Giáo hội, và Giáo hội phải là dấu chỉ hy vọng cho họ” (số 12). Với sự đồng hành của Giáo hội, sự chữa lành qua ân sủng Năm Thánh, và lời khích lệ từ Kinh Thánh: “Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28,20), người trẻ được mời gọi bước đi như những người hành hương, mang ánh sáng hy vọng đến mọi ngõ ngách của cuộc sống. Bằng cách sống và chia sẻ niềm hy vọng Kitô giáo, họ không chỉ vượt qua thách thức mà còn góp phần xây dựng một xã hội và Giáo hội tràn đầy tình yêu và sự sống.*

HY VỌNG CHO NHỮNG NGƯỜI CAO NIÊN

Thính sinh Giuse Nguyễn Thành Tín

Sinh, lão, bệnh, tử là quy luật của trời đất. Là con người, ai cũng phải chấp nhận giới hạn, sự mong manh của kiếp nhân sinh: “Sẽ đến một ngày tôi phải chết”. “Chị Chết” có thể đến bất cứ lúc nào, và thường đến mà ta không hề hay biết.

Hy vọng cho người cao niên là một đề tài thú vị và đáng suy ngẫm, vì nó không chỉ dành cho những ai đã già, mà còn dành cho cả những người trẻ - những người rồi cũng sẽ bước đến tuổi già. Những cụ ông, cụ bà tóc bạc da mồi, dù thân xác hao mòn, vẫn có thể sống trong một niềm hy vọng tràn đầy: hy vọng được vào Nước Trời vinh phúc. Nơi đó, Đức Giêsu thiết lập một cộng đoàn sự sống, như chính Người đã phán: *“Tôi đến để cho họ được sống và sống dồi dào”* (Ga 10,10).

Sống là một chuyển động mở ra, là phát triển và mạo hiểm. Nơi nào thiếu sự mới mẻ và sáng tạo, nơi đó thiếu sức sống. Đức Giêsu muốn chúng ta sống thực sự - sống bằng niềm tin, sống bằng tình yêu và sống bằng chính sự sống thần linh mà Người trao ban. *“Nếu anh em không ăn Thịt và uống Máu Con Người, anh em không có sự sống nơi mình”* (Ga 6,53).

Là những người hành hương hy vọng, chúng ta được mời gọi trở nên con người của hy vọng. Năm Thánh không

chỉ là thời điểm người ta đua nhau đi hành hương khắp nơi để lãnh ơn đại xá. Trên hết, đó là thời gian để ta nhìn lại đời sống mình, loại bỏ những gì là cũ kỹ, tội lỗi, để hướng mắt về Trời - nơi là đích đến và cũng là niềm hy vọng lớn lao nhất. Đền Thánh là hình ảnh của Quê Trời vinh phúc.

Hy vọng là ân sủng được Thiên Chúa ban tặng chứ không phải là kết quả của những nỗ lực đạo đức, cũng không phải là sản phẩm của suy tư lý luận. Hy vọng là đường dẫn con người đến cùng Thiên Chúa qua Đức Giêsu Kitô. Hy vọng khiến con người có thể bình tĩnh và chịu đựng những lo âu, đau khổ trong hiện tại. Đặc biệt với người cao niên - những người đang bước vào tuổi chiều xế bóng. Đó là lúc con người đôi khi phải sống trong sợ hãi và thất vọng, khi đối diện với những năm tháng còn lại của cuộc đời - vì nghĩ đến cái chết.

Khi nhắc đến giây phút cuối đời, khi con người trả lại cho thế gian hơi thở cuối cùng còn sót lại nơi thân xác mỗi mòn, ai cũng sợ. Nhất là khi tuổi đời chạm ngưỡng 60, 70 hay hơn thế nữa, con người thường mang trong lòng cùng một nỗi sợ: sợ bệnh tật, sợ cô đơn, sợ thất vọng, sợ mình trở thành gánh nặng hoặc bị quên lãng. Khi ta đã trả lại cho cuộc đời những năm tháng xuân xanh, thân xác cũng bắt đầu già nua, không còn đi đứng nhanh nhẹn như thuở trước. Mỗi bước chân dường như chậm lại vài nhịp. Nhưng chính nhịp chậm đó lại mở ra cơ hội cho ta nhìn lại cuộc đời, để ngẫm lại những chặng đường đã qua, để tạ ơn Chúa, để cảm ơn cuộc sống. Giọng nói sẽ trở nên khàn đặc, đôi mắt sẽ dần mờ

đi theo tháng năm, không chỉ vì yếu tố thể lý mà vì đôi mắt ấy đã nhìn quá nhiều viễn ảnh của thế sự, đã chứng kiến bao buồn vui, thăng trầm. “*Mắt mờ đi vì quá nhiều đau khổ*” (Tv 6,8). Thay vì tiếp tục nhìn vào những chuyện vui buồn của nhân gian, ta học cách nhìn vào chính cuộc đời mình, nhìn vào bên trong, vào nơi sâu thẳm nhất của linh hồn - vì tuổi già, tự bản chất, là một cuộc hồi tâm lâu dài.

“Sợ” là cảm giác thật. Ai mà không sợ một ngày mình nằm xuống, thân xác tan hòa trong lòng đất tối tăm, lạnh lẽo? Cuộc đời giống như một hành trình dài tăm tối, như cá bơi ngược dòng, khiến người môn đệ Đức Giêsu phải dùng đức tin làm ngọn đèn soi đường trong đêm tối của cuộc hành trình. Ở tuổi già, khi những nỗi lo ấy đè nặng lên tâm hồn, ta dễ đánh mất hy vọng, đánh mất cả niềm tin vào màu nhiệm cái chết. Nhưng chết không phải là tận diệt. Chết là khi mọi cơ quan trong thân xác ngừng hoạt động, như một cỗ máy đến lúc phải dừng lại để bảo trì. Nhưng đó cũng chính là sự khởi đầu mới, mở ra một hy vọng mới, một chân trời mới, một đời sống mới. Đó là Đức Giêsu. Chính Người thiết lập một cộng đoàn sự sống. Đường về nhà Cha là con đường mà mỗi người chỉ có thể đi một mình.

“Có những con đường phải đi một mình. Có những con đường phải tự mình đi”.

“Ôi những con đường, có những con người”.

(Nguyễn Tầm Thường)

Chính Đức Giêsu là niềm hy vọng cho người Kitô hữu - *là Đường, là Sự Thật và là Sự Sống*. Người sẽ dẫn ta về Nhà của Người, nơi vĩnh cửu, nơi không còn nước mắt, đau khổ hay chia ly.

Chính trong đoạn thánh thư của Thánh Phaolô gửi tín hữu Rôma, mà trong đó ta bắt gặp những câu đẹp nhất về niềm hy vọng đặc biệt cho những người cao niên.

Chúng ta được mạnh dạn trong niềm hy vọng sẽ chia vinh quang của Thiên Chúa. Thậm chí chúng ta được mạnh dạn cả trong những lúc gặp đau khổ vì biết rằng đau khổ sinh ra chịu đựng, chịu đựng sinh ra nhân cách, nhân cách sinh ra hy vọng và hy vọng sẽ không làm cho chúng ta thất vọng bởi tình yêu Thiên Chúa là Thần Khí đã được tuôn đổ vào lòng chúng ta. Những đau khổ, lo lắng hiện tại là cái giá rất nhỏ để được hưởng vinh quang sẽ mặc khải cho chúng ta. Hy vọng rằng thụ tạo sẽ được giải thoát khỏi tình trạng nô lệ dẫn đến hư mất và được chia sẻ tự do cùng với vinh quang của Con Thiên Chúa. Chính chúng ta dù đã nhận được hoa trái khởi đầu (là ơn cứu độ) của Thần Khí, cũng rên xiết trong lòng mà đợi chờ quyền làm con, đợi chờ được cứu chuộc cả thân xác chúng ta nữa. Với niềm hy vọng này, ta đã thực sự ở trong tình trạng cứu độ. Nhưng hy vọng điều đã được thấy thì chẳng còn thật sự là hy vọng nữa. Vì ai lại hy vọng điều họ đã thấy? Nhưng nếu chúng ta vẫn cứ nuôi hy vọng đối với điều ta không thấy, đó là lúc chúng ta đang bền chí đợi chờ. Và

trong trường hợp như vậy, Thần Khí sẽ đến trợ giúp sự yếu đuối của chúng ta (x. Rm 5;8).



LỜI KÊU GỌI TỪ NĂM THÁNH 2025 DẤU CHỈ HY VỌNG CHO NGƯỜI DI CƯ

Thỉnh sinh Vinh sơn Đặng Minh Dương

Năm Thánh 2025 mở ra một cánh cửa hy vọng cho nhân loại, đặc biệt là những người di cư đang phải đối mặt với vô vàn khó khăn, thử thách. Sắc chỉ công bố Năm Thánh “*Spes non confundit* - Niềm hy vọng không làm thất vọng” đã nhấn mạnh đến việc xây dựng một thế giới bác ái, công bằng, nơi mà mọi người đều được tôn trọng phẩm giá và quyền lợi. Trong bối cảnh đó, người di cư, những người thường xuyên bị gạt ra bên lề xã hội, cần được quan tâm và giúp đỡ hơn bao giờ hết.

1. Dấu chỉ hy vọng trong hành trình di cư

Người di cư, những mảnh đời mang trong mình nhiều nỗi ưu tư về một tương lai bất định, đang bước đi trên những con đường chông gai, tìm kiếm một nơi dung thân, một cơ hội để đổi mới cuộc đời. Họ phải rời bỏ quê hương, nơi chôn nhau cắt rốn, không phải vì một sự lựa chọn tự do, mà bị đẩy đưa bởi những cơn sóng dữ của chiến tranh, đói nghèo, áp bức, sự phân biệt đối xử và những thảm họa thiên nhiên tàn khốc. Trên hành trình đầy rẫy những hiểm nguy ấy, họ phải đối diện với sự lạnh lẽo của lòng người, sự bóc lột không thương tiếc của những kẻ vô tâm, sự kỳ thị cay nghiệt và nỗi cô đơn tột cùng khi lạc lõng giữa những nền văn hóa xa lạ,

ngôn ngữ bất đồng. Họ là những người dễ bị tổn thương nhất, những người cần được trao tặng hy vọng hơn bao giờ hết. Tuy nhiên, trong bóng tối của cuộc sống, vẫn luôn có những tia hy vọng lóe lên, những dấu chỉ của tình người và lòng bác ái.

• **Hy vọng được đón nhận:** Một trong những dấu chỉ hy vọng lớn nhất đối với người di cư là sự đón nhận từ cộng đồng địa phương. Khi họ được chào đón, được đối xử công bằng, họ sẽ cảm thấy mình được tôn trọng và có động lực để hòa nhập vào xã hội mới. Những hành động nhỏ bé như một nụ cười, một lời chào, một sự giúp đỡ thiết thực cũng có thể mang lại niềm hy vọng lớn lao cho người di cư.

• **Hy vọng được hỗ trợ:** Người di cư cần được hỗ trợ về nhiều mặt, từ việc cung cấp nơi ở, thức ăn, quần áo, đến việc giúp đỡ họ tìm kiếm việc làm, học ngôn ngữ, tiếp cận các dịch vụ y tế và giáo dục. Những tổ chức từ thiện, các nhóm tình nguyện, các cá nhân có lòng hảo tâm đều có thể góp phần vào việc hỗ trợ người di cư.

• **Hy vọng được bảo vệ:** Người di cư, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, thường là những đối tượng dễ bị tổn thương, bị bạo lực và bóc lột. Do đó, họ cần được bảo vệ bởi pháp luật và các tổ chức xã hội. Việc đảm bảo quyền lợi của người di cư, chống lại nạn buôn người, bảo vệ họ khỏi sự kỳ thị và phân biệt đối xử là những dấu chỉ hy vọng quan trọng.

2. Người Đan sinh với sứ mệnh hy vọng

Vậy, người Đan sinh, với đời sống âm thầm “Ora et Labora” cầu nguyện và hi sinh, có thể đóng vai trò gì trong việc mang đến hy vọng cho người di cư? Thoạt nhìn, dường như có một khoảng cách lớn giữa sự tĩnh lặng của Đan viện và sự xáo trộn của dòng người di cư. Tuy nhiên, chính trong sự thinh lặng tuyệt đối, trong sự lắng nghe tiếng gọi của Thiên Chúa và tiếng than khóc của nhân loại, người Đan sinh có thể khám phá ra một nguồn sức mạnh và sự sáng suốt đặc biệt để hành động một cách sâu sắc, hiệu quả và đầy tình yêu thương, trở thành những người kiến tạo hy vọng giữa thế giới đầy bất trắc này.

Trước hết và trên hết, cầu nguyện và đời sống thiêng liêng của người Đan sinh trở thành một hành động cụ thể, một sự dẫn thân sâu sắc và không ngừng nghỉ cho những người di cư. Với cuộc sống âm thầm, ca tụng Chúa mỗi ngày bảy lần, lời cầu nguyện của người Đan sinh là một sức mạnh vô hình, có thể nâng đỡ tinh thần và mang lại bình an cho người di cư. Bằng lời cầu nguyện ấy, người Đan sinh kết nối người di cư với nguồn sức mạnh thiêng liêng, giúp họ vượt qua những khó khăn, thử thách và khơi dậy niềm tin vào lòng thương xót vô biên của Thiên Chúa. Như Thánh Teresa Benedicta Thánh Giá (Edith Stein) đã chứng minh bằng chính cuộc đời mình: *“Tất cả mọi sự đều được Thiên Chúa quan phòng, và điều này bao gồm cả những điều mà chúng ta không thể hiểu được”*. Lời cầu nguyện của người Đan sinh

có thể là chiếc cầu nối thiêng liêng, kết nối những trái tim đau khổ với nguồn mạch của hy vọng và sự chữa lành.

Thứ hai, đời sống khó nghèo và bác ái của người Đan sinh có thể là một chứng tá sống động về tình liên đới. Trong một thế giới mà sự tiêu thụ và hưởng thụ vật chất lên ngôi, sự từ bỏ và tinh thần quảng đại của người Đan sinh có thể là một lời nhắc nhở về những giá trị đích thực của cuộc sống. Các Đan viện có thể mở rộng lòng quảng đại, chia sẻ những gì mình có, dù là nhỏ bé, với những người di cư đang cần giúp đỡ.

Thứ ba, sự thinh lặng sâu lắng, kỷ luật nội tâm và khả năng lắng nghe bằng cả trái tim của người Đan sinh có thể mang đến sự an ủi và chữa lành cho những vết thương tâm lý sâu sắc mà người di cư phải gánh chịu. Họ thường mang trong mình những câu chuyện kinh hoàng về bạo lực, mất mát, sự phản bội và sự ruồng bỏ. Một không gian an toàn, nơi họ có thể chia sẻ những nỗi đau thầm kín mà không sợ bị phán xét, và một sự lắng nghe chân thành, đầy lòng trắc ẩn, có thể giúp họ giải tỏa những gánh nặng trong lòng, tìm lại sự bình an nội tâm và bắt đầu quá trình phục hồi những mảnh vỡ của tâm hồn. Người Đan sinh, qua sự tĩnh lặng chiêm niệm, học được cách đồng cảm sâu sắc, trở thành những người bạn đồng hành tinh thần âm thầm nhưng đầy sức mạnh, trở thành những người có thể nhìn thấy ánh sáng hy vọng ngay cả trong những vực sâu của tuyệt vọng.

Thứ tư, các Đan viện, với bầu khí thanh bình, an ninh và sự ổn định vốn có, có thể trở thành những "ốc đảo hy vọng" thực sự giữa cơn bão táp của cuộc đời di cư. Trong những trường hợp cụ thể, các Đan viện có thể cung cấp nơi trú ẩn tạm thời cho những người di cư đang gặp khó khăn, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Đây không chỉ là một hành động bác ái mà còn là một cách để thể hiện tình yêu thương cụ thể và thiết thực.

Cuối cùng, người Đan sinh có thể cộng tác với các tổ chức thiện nguyện và cá nhân có lòng hảo tâm để hỗ trợ người di cư một cách hiệu quả hơn. Bằng việc chia sẻ kinh nghiệm và nguồn lực, người Đan sinh có thể góp phần xây dựng một hệ thống hỗ trợ vững chắc, mang đến những cơ hội thực tế về chỗ ở ổn định, việc làm bền vững, giáo dục chất lượng, chăm sóc sức khỏe toàn diện và sự hòa nhập xã hội cho những người đang khao khát một khởi đầu mới. Như Đức Thánh cha Phanxicô đã không ngừng kêu gọi: "Chúng ta không thể thờ ơ trước những đau khổ của người khác; chúng ta không thể ngoảnh mặt làm ngơ trước những anh chị em đang cần sự giúp đỡ của chúng ta". Người Đan sinh, như một phần không thể thiếu trong Hội thánh, có một trách nhiệm đặc biệt trong việc thể hiện tình yêu thương và lòng bác ái đối với những người đang gặp khó khăn nhất.

Năm Thánh Hy Vọng là một lời mời gọi khẩn thiết để mỗi người chúng ta trở thành những người lữ hành của hy vọng, không chỉ cho chính bản thân mà còn cho những người

xung quanh, đặc biệt là những người đang phải đối mặt với những thử thách khắc nghiệt nhất của cuộc đời di cư. Người Đan sinh, dù chọn một con đường sống khác biệt, vẫn có một vai trò độc đáo và vô cùng ý nghĩa trong hành trình này. Bằng lời cầu nguyện không ngừng, bằng chứng tá đời sống khiết tịnh và khó nghèo, bằng sự lắng nghe sâu sắc và bằng những hành động bác ái cụ thể, họ có thể đan dệt nên một tấm lưới tình thương rộng lớn, ôm lấy những người di cư, xoa dịu những vết thương, và thắp lên ngọn lửa hy vọng không bao giờ tắt trong trái tim họ. Ước mong sao, qua lời mời gọi đầy khẩn thiết của Năm Thánh cùng với sự chung tay của tất cả mọi người, chúng ta có thể kiến tạo nên một thế giới mới, nơi mà người di cư không còn phải sống trong sợ hãi và tuyệt vọng, nhưng được sống trong hy vọng và bình an.



ƠN KIÊN NHẪN NGƯỜI CON ĐỂ CỨNG CỐ NIỀM HY VỌNG

Thỉnh Sinh Giuse Lại Đức Tiến

1. Con người ngày càng trở nên mất kiên nhẫn

Các dịch vụ giao hàng đang rất phát triển ở thị trường thương mại Việt Nam. Hàng loạt thương hiệu như: Giao Hàng Tiết Kiệm, Giao Hàng Nhanh, Viettel Post, Bamboo, Bee... tham gia vào cuộc đua dành thị phần khi cạnh tranh nhau dựa trên các tiêu chí rẻ nhất, hiệu quả nhất, thái độ phục vụ tốt nhất... Trong đó, tiêu chí hàng đầu phải là: nhanh nhất, bởi họ biết các “thượng đế” luôn mong muốn có trong tay sớm nhất nếu không muốn nói là ngay lập tức những món hàng mình đặt. Điều đó phản ánh con người đang thiếu kiên nhẫn đến nhường nào. Phải, đâu thiếu những vụ cãi cọ ẩu đả chỉ vì người giao hàng mang món ăn khách đặt đến trễ một chút so với giờ hẹn, bất kể vì lý do gì. Tính nóng vội dẫn tới bất khoan dung, căng thẳng và cả bạo lực. Hiển nhiên, thiếu kiên nhẫn là một nét xấu gây nguy hại nghiêm trọng cho con người. Do đó, con người cần tái khám phá sự kiên nhẫn vì lợi ích của chính mình và của người khác. Trong Năm Thánh của niềm hy vọng này, điều đó càng trở nên thiết thực vì kiên

nhấn vừa nuôi dưỡng và củng cố hy vọng, lại vừa là con đẻ của niềm hy vọng.⁷

2. Vũ trụ thiên nhiên là bài học về sự kiên nhẫn

Thật khôi hài khi nói rằng: con người - một “động vật cấp cao” cần phải nhìn ngắm thiên nhiên - nơi chứa đựng những sinh vật hạ đẳng để ngắm về bài học kiên nhẫn. Nhưng đó là sự thật. Hãy nhìn xem sinh giới và vũ trụ kiên nhẫn biết chừng nào:

Rock purslane (*Cistanthe grandiflora*) là loài hoa biểu tượng của Atacama, sa mạc khô cằn nhất hành tinh. Nơi đây lượng mưa trung bình hằng năm chỉ là 25mm; không khí không có hơi nước cùng với nồng độ ôxy thấp khiến kim loại không thể bị ôxy hóa, thịt không bị phân rã và ngay cả xương rồng cũng không thể mọc nổi. Tuy nhiên, do hiện tượng El Nino, cứ khoảng ba đến mười năm, Atacama lại đón nhận một đợt mưa khiến cho hạt giống của khoảng 1900 loài thực vật đang ngủ yên dưới mặt đất bừng tỉnh, sinh trưởng và đơm bông hàng loạt, tạo nên một hiện tượng đặc biệt gọi là sa mạc nở hoa (desierto florido). Rock purslane luôn nở hoa đầu tiên và bao phủ vùng sa mạc khô cằn rộng lớn bằng sắc hồng rực rỡ, bởi hạt giống của chúng chỉ cần lượng mưa trung bình đạt 15mm đã có thể nảy mầm.⁸ Rock purslane

⁷ Đức Giáo Hoàng Phan-xi-cô, Sắc Chỉ Công Bố Năm Thánh Thường Lệ: Spes Non Confundit, số 4.

⁸<https://giaoducthoidai.vn/hoa-bung-no-tren-sa-mac-kho-can-nhat-the-gioi-post702575.html>.

cùng nhiều loài thực vật khác của sa mạc đã kiên nhẫn đợi chờ hàng năm trời, thậm chí cả thập kỷ để được khoe sắc trong một thời gian ngắn ngủi. Ve sầu *Magicicada septendecim* thậm chí còn kiên nhẫn hơn. Các cá thể loài này dành 99,5% chu kỳ cuộc đời, tương đương 13-17 năm, nhằm hoàn thành giai đoạn ấu trùng, ở độ sâu khoảng 60cm dưới lòng đất. Sau đó, chúng chui lên và trải qua giai đoạn trưởng thành vẫn vỏi không quá một tháng để giao phối và sinh sản.⁹

Nếu sự kiên nhẫn của các sinh vật trên vẫn chưa đủ khiến bạn ngạc nhiên, thì ta hãy tiếp tục quan sát quá trình tiến hóa của địa cầu và sự sống trên đó. Trái đất hình thành vào 4,7 tỉ năm trước, ban đầu là một khối cầu đỏ rực đầy dung nham nóng chảy. Sau đó, nó dần nguội đi cho phép nước có thể tồn tại ở thể lỏng; đại dương hình thành. 3,8 tỉ năm trước, các tế bào sống đầu tiên xuất hiện trong lòng biển. 1,2 tỉ năm trước, các sinh vật đa bào hiện hữu, và theo thời gian chúng tiến hóa cách phong phú. Một số loài có khả năng quang hợp tạo ra khí ôxy, nhờ đó tạo nên tầng ozone ngăn cản các bức xạ có hại của mặt trời, làm tiền đề để nhiều loài ra khỏi biển chiếm lĩnh các không gian trên đất liền. Sự sống trên trái đất trải qua các cuộc đại tuyệt chủng do các yếu tố phát sinh từ chính bên trong nó cũng như từ bên ngoài vũ trụ. Và sau mỗi lần như thế, chỉ còn lại vài phần trăm các

⁹ <https://m.genk.vn/tai-sao-mot-so-loai-ve-sau-xuat-hien-17-nam-mot-lan-20240503100340678.chn>

loài có khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường. Những loài này tiếp tục quá trình tiến hóa thành nhiều loài mới. Cho đến 100.000 năm trước, người tinh khôn *Homo sapien* là chúng ta mới xuất hiện.¹⁰ Nếu sánh 4,7 tỉ năm tuổi của trái đất như một ngày 24 giờ thì loài người chúng ta chỉ mới xuất hiện vào hai giây cuối cùng của ngày đó. Trái đất đã rất kiên nhẫn để sự sống tiến hóa trên nó cho đến khi làm nên một sinh vật có trí khôn là chúng ta. Thế nhưng, sự kiên nhẫn của trái đất vẫn chưa là gì so với hoàn vũ. Những dữ liệu thu được bởi các máy móc tân tiến nhất hiện nay cho thấy tuổi thọ của nó ước tính có giá trị $13,799 \pm 0,021$ tỉ năm. Người ta giả thiết vũ trụ hình thành do một Vụ Nổ Lớn (Big Bang) từ một điểm Big Zero, giải phóng toàn bộ vật chất để hình thành nên hơn 2000 tỉ thiên hà, trong đó có dải Ngân Hà chứa Hệ Mặt Trời của chúng ta. Các thiên hà đang không ngừng di chuyển cách xa nhau với tốc độ ngày càng lớn.¹¹ Điều đó cho thấy vũ trụ vẫn tiếp tục giãn nở và vẫn đang trên đà tiến hóa của nó. Có thể nói hoàn vũ đang rất kiên nhẫn với chính nó. Quả thực, sự kiên nhẫn của con người chẳng thấm vào đâu so với sự kiên nhẫn của các thụ tạo khác.

3. Thiên Chúa - nguồn mạch kiên nhẫn

¹⁰ <http://khoahoc.tv.qua-trinh-hinh-thanh-va-tien-hoa-cua-su-song-tren-trai-dat-80614>.

¹¹ http://vi.m.wikipedia.org/wiki/V%C5%A9_tr%E1%BB%A5.

Nhiều người có thể lý luận rằng: vũ trụ vật chất vô tri vô giác; các sinh vật khác là những loài không có trí khôn. Chúng chỉ đang vận hành theo quy luật tự nhiên hoặc đang hành động theo bản năng mà thôi. Do đó, kiên nhẫn vốn đã là bản chất của chúng, và chúng chẳng cần phải nỗ lực để đạt được điều đó. Từ quan điểm này, ta đưa ra một khởi đầu mới khi đặt vấn đề rằng: vậy ai lại có khả năng phú vào vũ trụ vạn vật cái bản chất gọi là kiên nhẫn đó? Câu trả lời phải là: chỉ có người tạo ra chúng mới làm được điều đó. Ở đây, chỉ bằng suy luận của lý trí tự nhiên, ta cũng có thể nhận biết người ấy dường như phải vĩnh cửu, phải nằm ngoài giới hạn của không-thời gian, và phải rất quyền năng. Như thế, đó chắc chắn không phải một con người hay bất cứ một dạng vật chất hữu hình nào. Đó phải là một thế lực siêu nhiên vô hình. Và một quan điểm vô thần hoàn toàn không có chỗ đứng trước hiểu biết này của lý trí ngay thẳng. Trong ánh sáng của mạc khải Kitô giáo, chúng ta nhận biết Đấng ấy là Thiên Chúa. Người chính là Hóa Công, là Nguồn Mạch Kiên Nhẫn. Và sự kiên nhẫn này dường như được dành riêng cho con người.

a. Thiên Chúa kiên nhẫn tạo dựng vì con người và cho con người

Thiên Chúa sáng tạo vũ trụ để thông ban tình yêu hạnh phúc của Người cho vạn vật¹² mà trung tâm và tột đỉnh của công trình tạo dựng là con người.¹³ Trong sáu ngày của trình

¹² x. GLHTCG, số 293-294.

¹³ x. GLHTCG, số 343.

thuật sáng tạo (x. St 1,1 - 2,4a), khi đã dựng nên mọi thụ tạo thì sau cùng, Thiên Chúa làm ra con người. Ngài chúc phúc cho họ sinh sôi nảy nở thật nhiều và ban quyền làm bá chủ mọi sự.

Những nghiên cứu khoa học như đã nói ở trên cũng chứng thực rằng: con người chính là thụ tạo xuất hiện ở giây cuối cùng trong toàn bộ lịch sử tiến hóa của vũ trụ. Dĩ nhiên, trong Thiên Chúa Vĩnh Cửu, không có khái niệm gọi là thời gian: đối với Người ngàn năm như thể một ngày (x. 2Pr 3,8). Nhưng đối với chúng ta, những kẻ sống trong thời gian thì Thiên Chúa quả đã rất mực kiên nhẫn trong việc tạo dựng con người. Để chuẩn bị cho con người môi trường sống tốt nhất, Người đã tạo dựng nên một vũ trụ. Nơi vũ trụ mệnh mông không biết đâu là giới hạn này, Người chọn dải Ngân Hà; nơi Ngân Hà này, Người chọn Thái Dương Hệ; nơi Thái Dương Hệ này, Người chọn Trái Đất và tạo cho nó những điều kiện thích hợp nhất để sự sống có thể nảy sinh. Kể từ đây, quá trình tiến hóa và chọn lọc tự nhiên không ngừng diễn ra, không phải một cách ngẫu nhiên, nhưng một cách có định hướng để cấu trúc của các sinh vật ngày càng hoàn thiện hơn và sau cùng hình thành nên con người là sinh vật cao cấp nhất trên trái đất. Tuy vẫn mang bản tính của một động vật nhưng con người lại được Thiên Chúa phú thêm những đặc điểm khác biệt: sự tinh khôn vượt trội, khả năng phân định về mặt luân lý và sự tự do để có thể đưa ra các chọn lựa thay vì hành động theo bản năng. Tất cả những sự kiện đó -

như ta đã biết - diễn ra từ cách đây gần 14 tỉ năm cho đến hiện tại. Sự kiên nhẫn của Thiên Chúa trong việc tạo dựng con người, tạo dựng vì con người và tạo dựng cho con người đã minh chứng tình yêu khôn tả của Người dành cho nhân loại.

b. Thiên Chúa kiên nhẫn với tội lỗi của con người để cứu rỗi con người

Dù được Thiên Chúa yêu thương là thế, con người lại lợi dụng tự do mà Người ban để chọn quay lưng lại với Người và hướng về tội lỗi. Tội Nguyên tổ đã khởi đầu cho chuỗi hiệu ứng Domino để sau đó tất cả nhân loại đều rơi vào tình trạng sa đọa nghiêng chiều về sự dữ. Dầu vậy, Thiên Chúa không bỏ mặc họ trong lầm lạc nhưng chuẩn bị một kế hoạch để cứu độ họ (x. St 3,15). Người chọn Abraham và hậu duệ của ông, tức Israel làm dân riêng (x. St 12,1), đưa họ thoát cảnh nô lệ Ai Cập và đưa vào sa mạc (x. St 12, 41-42; 13,17). Tại đây, dân nhiều lần phản loạn thử thách Thiên Chúa. Nhưng Người không từ bỏ và tiêu diệt họ. Trái lại, Người sửa phạt, uốn nắn đức tin của họ, đưa họ vào miền Đất Hứa và cho họ hưởng lấy những sản vật mà họ chẳng mất công làm lụng. Tuy nhiên, dân Do thái hết lần này đến lần khác vong ân bội nghĩa với Thiên Chúa. Họ quay sang thờ lạy thần thánh của dân ngoại và làm nhiều việc đáng kinh tởm nghịch với các giới răn của Người. Chúa sai nhiều ngôn sứ đến cảnh báo các thủ lãnh và dân của họ, để họ biết hối cải mà quay về cùng Người. Nhưng họ đã tìm cách loại trừ các vị ấy để lương tâm

không còn phải nghe tiếng nói của chân lý, và dung dưỡng các dục vọng lầm lạc của mình (x. Tv 78). Sau cùng, vào thời đã ấn định, Thiên Chúa sai Con Một của mình - Đức Giêsu Kitô - đến để kêu mời họ sám hối (x. Dt 1,2). Đấng Cứu Độ rao giảng Tin mừng Nước Trời: mặc khải cho dân về khuôn mặt đầy nhân từ và thương xót của Thiên Chúa, chỉ cho họ con đường đưa đến ơn cứu độ để được sự sống vĩnh cửu. Ơn cứu độ ấy trước hết được dành cho người Do thái. Nhưng trong khi nhiều người trong số họ chối từ không tin vào Vị Cứu Tinh thì Thiên Chúa đã mở rộng cánh tay Người mà ban phát ơn cứu độ cho tất cả mọi dân tộc thông qua những người tiếp nối sứ mạng rao giảng của Đức Kitô, tức các Tông đồ và toàn thể Hội Thánh (x. Ep 3,5-6).

Như thế, bất chấp những yếu đuối và giới hạn của con người, Thiên Chúa vẫn kiên nhẫn bày tỏ tình yêu và lòng thương xót của mình. Trong khi tôn trọng sự tự do và những chọn lựa lầm lạc của họ, Người vẫn kiên nhẫn thực hiện kế hoạch cứu độ để từng bước đưa họ ra khỏi sự thống trị của tội lỗi mà bước đến gần Người. Cho đến bây giờ, ơn cứu độ ấy vẫn luôn rộng mở qua công cuộc truyền giáo của Giáo hội. Thiên Chúa vẫn đang tiếp tục kiên nhẫn chờ đợi con người mãi cho đến ngày tận thế.

4. Tương quan giữa ơn kiên nhẫn và niềm hy vọng

Vì Thiên Chúa là Nguồn Mạch Kiên Nhẫn nên sự kiên nhẫn đích thực phải phát xuất nơi Người. Theo từ điển tiếng Việt, kiên nhẫn là “khả năng tiếp tục làm việc đã định một

cách bền bỉ, không nản lòng, mặc dù thời gian kéo dài, kết quả còn chưa thấy”.¹⁴ Đây là một định nghĩa khiêm khuyết, bởi khi suy ngẫm ngược trở lại, ta sẽ thấy sự kiên nhẫn nơi thụ tạo và Thiên Chúa sau cùng luôn dẫn tới một hệ quả mang tính hoàn thiện hơn: hạt giống nảy mầm, trở hoa để sinh ra nhiều hạt khác; ấu trùng lột xác để đạt được hình thái trưởng thành; trái đất và vũ trụ đang tiếp tục tiến hóa để trở nên ổn định hơn; Thiên Chúa, một cách tiệm tiến, đang đưa con người từ tình trạng sa đọa vì tội lỗi đến trạng thái ân sủng của ơn cứu độ. Do đó, việc thực hiện một ý định nào đó cách bền bỉ nhưng không nhằm hướng tới chân-thiện-mỹ đều không phải là kiên nhẫn đích thực, ví như câu thành ngữ Trung Hoa này: “Quân tử báo thù, thập niên bất vấn”.

Từ phân tích trên, ta nhận ra rằng bất cứ sự kiên nhẫn nào cũng đều có mục tiêu của mình. Trong quá trình hoàn thành mục tiêu đó, kiên nhẫn liên tục củng cố chính nó nhằm nuôi dưỡng một nhân đức khác đang dần lớn lên, đó là hy vọng. Khi bắt tay vào thực hiện một dự định tốt đẹp nào đó, ta kiên trì vì hy vọng sẽ hiện thực hóa được nó. Nhưng thật ra, hy vọng mới là điều đi trước. Ví như người ta *“muốn xây một cây tháp, mà trước tiên lại không ngồi xuống tính toán phí tổn, xem mình có đủ để hoàn thành không?”* (Lc 14,28), nghĩa là nếu họ đánh giá hy vọng để hoàn thành công trình ấy quá nhỏ thì họ không cần phải phí sức kiên trì, vì vốn dĩ nó bất khả thi. Vậy, hy vọng là nhân đức có trước và sinh ra

¹⁴ Tratu.soha.vn/dict/vn_vn/Kiên_nhẫn

kiên trì; kiên trì đến sau và củng cố niềm hy vọng. Kiên nhẫn là người con để nuôi dưỡng mẹ hy vọng. Vì hy vọng là mẹ của kiên nhẫn nên ta chắc chắn cũng có thể phát biểu rằng: hy vọng đích thực phải là niềm hy vọng hướng về Chân-Thiện-Mỹ.

5. Con người tái khám phá sự kiên nhẫn

Vì là con cái Thiên Chúa - Nguồn Mạch Kiên Nhẫn nên chúng ta dĩ nhiên được thừa hưởng nhân đức này từ Người nhờ Thánh Thần (x. Cl 5,22). Tuy nhiên, do lỗi kéo của ba thù, chúng ta ít nhiều đã đánh mất ơn ấy, và cần phải chủ động tái khám phá lại ân sủng này. Như đã nói ở trên, vì hy vọng là mẹ của kiên nhẫn nên việc tái khám phá sự kiên nhẫn cũng đồng nghĩa với việc tái khám phá lại niềm hy vọng. Vậy, ta tự hỏi đâu là niềm hy vọng của bản thân? Ta hy vọng gì nơi chính mình, nơi tha nhân và nơi Thiên Chúa?

Chắc hẳn ta luôn mong muốn nhận được những điều tốt đẹp nhất cho mình và thân nhân. Nhưng có vẻ như trong cuộc sống này, ta thường gặp nhiều thử thách, trắc trở, khó khăn hơn là những điều thuận lợi như lòng ta mong muốn. Những đau khổ tột cùng của phận người khiến ta có thể bất mãn với Thiên Chúa. Làm sao một Thiên Chúa nhân lành lại để ta hay người thân phải rơi vào tình trạng bi thảm như thế? Ta trở nên thất vọng và nghi ngờ về quyền năng của Người. Nhưng ta hãy luôn nhớ rằng: ngay cả những tạo vật nhỏ bé như chim sẻ, hoa huệ mà Thiên Chúa còn nuôi dưỡng và tô điểm cho chúng, huống hồ chi chúng ta là thụ tạo được Người

yêu thương nhất (x. Mt 6, 25-30). Ngay cả những kẻ xấu còn biết cho con cái mình những của tốt lành, phương chi Cha chúng ta trên trời lại không ban những điều tốt đẹp cho con mình sao? (x. Mt 7,11). Thiên Chúa không bao giờ muốn sự dữ xảy đến cho chúng ta dưới bất kỳ hình thức nào, dù là điều xấu nhỏ nhất. Do đó, đau khổ, vốn là một mầu nhiệm nhân thế chẳng thể hiểu thấu được, không bao giờ bắt nguồn từ Thiên Chúa. Trái lại, chính Thiên Chúa sẽ biến đổi những thập giá mà ta phải gánh lấy thành cơ hội để trao lại cho ta những ân sủng tốt đẹp của Người, nếu ta biết tin tưởng và hy vọng vào Người. Tất cả những gì là xui rủi, bất ưng đều có ý nghĩa trong nhiệm cục cứu độ của Thiên Chúa. Điều ta cần làm là kiên nhẫn và hy vọng trước kế hoạch của Người dành cho cuộc đời ta.

Sự kiên nhẫn và hy vọng ta đặt nơi Thiên Chúa luôn bao hàm sự kiên nhẫn và hy vọng ta đặt nơi tha nhân và chính mình. Trong phận người yếu đuối, tất cả chúng ta đều bất toàn. Đã bao lần ta cảm thấy thất vọng về chính mình khi liên tục sa ngã trước một loại cám dỗ duy nhất? Đã bao lần ta bức bối khi bị người khác liên tục xúc phạm, khiến ta cảm thấy không thể tiếp tục tha thứ cho họ? Ta nổi nóng và có khuynh hướng muốn gây ra những bạo lực về thể lý và tinh thần cho người khác và chính mình. Đó là lúc ta phải dừng lại để chiêm ngắm sự kiên nhẫn của Thiên Chúa trước bất toàn của ta. Người luôn hy vọng ta sám hối trở về với Người (x. Lc 15,7) và không bao giờ khước từ khi ta đến trước tòa giải tội đầu

chỉ để xưng thú một tội lỗi duy nhất. Người cũng dạy ta phải biết thông cảm, kiên nhẫn và tha thứ cho anh em không phải bảy lần hay bảy mươi lần bảy, mà là tha thứ luôn luôn (x. Mt 18,35). Điều này cũng có nghĩa là Người muốn ta phải đặt niềm hy vọng vào sự thiện tồn tại trong bản thân và nơi người khác. Khi biết sống hy vọng và kiên nhẫn như thế, ta sẽ không hành xử như một quan tòa khát khe bất khoan dung, nhưng biết mở rộng vòng tay để đón nhận mọi sự với tâm hồn bình thản.



CHƯƠNG III: NHỮNG CHỨNG NHÂN CỦA HY VỌNG

THÁNH TÊRÊSA HÀI ĐỒNG GIÊSU RA ĐI TRONG CHIÊM NIỆM

Thỉnh sinh Micae Hồ Sĩ Sang

Cuộc đời con người là những chuyến ra đi. Người ta ra đi để hy vọng; ra đi để kiếm tìm; ra đi để chuẩn bị cho một lý tưởng, ước mơ cao đẹp sắp thực hiện. Và có biết bao cuộc ra đi đã trở nên vĩ đại vì đem đến cho mình, cho người sự tự do, hạnh phúc, tình yêu thương, lòng bác ái, sự hiệp nhất... Nhưng có bao giờ bạn nghĩ rằng còn có những cuộc ra đi theo một con đường rất riêng, một cách thức rất riêng và một tinh thần rất riêng? Có đấy, một trong những cuộc ra đi ấy là: Thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu ra đi trong đời sống chiêm niệm.

Theo nghĩa thông thường, ra đi có nghĩa là xuất hành, là rời bỏ vị trí này để đến vị trí khác. Ra đi là gác lại, bỏ lại những gì thân quen để đến với những điều mới lạ. Vậy ra đi trong chiêm niệm là gì? Khi nghe đến “chiêm niệm”, ắt chúng ta sẽ nghĩ ngay đến đời sống khổ tu, một đời sống chỉ trong bốn bức tường. Ra đi trong chiêm niệm không giống việc xuất hành như đã nói. Sự ra đi này không bằng thể lý nhưng

bằng tinh thần. Dù thể xác ở một nơi cố định nhưng tinh thần vẫn luôn hướng về tha nhân, hướng về mọi hoạt động của Giáo hội. Tâm hồn ấy không chỉ dừng lại ở việc cầu nguyện và hiệp thông với Thiên Chúa mà còn dâng những hy sinh thầm lặng để cứu rỗi các linh hồn.

Ra đi trong chiêm niệm nghe có vẻ lạ lẫm với mỗi chúng ta. Phải chăng điều này là một sự lầm tưởng? Đã ra đi sao còn ở một chỗ được? Thực tế, người viết cũng thấy mới lạ vì lần đầu chọn chủ đề “ra đi trong chiêm niệm” để suy tư. Dù rằng sự ra đi này ít được suy tư nhưng hiệu năng nó đem lại thì rất lớn. Một chứng nhân đã chọn ra đi trên con đường chiêm niệm, con đường của thầm lặng ít ai biết đến đó là thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu. Thật đáng ngạc nhiên khi chính nhờ con đường có vẻ chật hẹp và hạn chế này mà chị thánh đã được nâng lên bậc tiến sĩ Hội thánh và là bốn mạng các xứ truyền giáo ngang với thánh Phanxicô Xaviê.

Trong lý tưởng ban đầu, thánh nữ đã có mong ước, khát khao mãnh liệt dẫn thân hoạt động tông đồ; khát khao đến với những phận đời bất hạnh, đến với những người chưa nhận biết Chúa và những người đang sống trong lầm lạc. Thực tế là, thánh Têrêsa không ra đi với đời, với người như bao thánh nhân khác. Ngài cũng không ra đi bằng sự nổi tiếng, bằng sự uyên bác nhưng bằng sự ẩn mình trong tu viện. Sự ra đi trong đời sống chiêm niệm của thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu chẳng mấy ai chú ý, chẳng mấy ai hưởng ứng.

Chỉ sau khi thánh nữ qua đời, ngài mới được nhìn nhận và được nhiều người biết tới.

Tại sao Têrêsa lại chọn con đường ngược với những khát mong ban đầu? Phải chăng là cảm xúc nhất thời, hay một cuộc trốn chạy? Thánh nữ đã yêu mến việc đến với những người nghèo khổ, những người chưa nhận biết Chúa và việc loan báo Tin mừng. Ngài muốn thực hiện những ý nguyện đó một cách sâu xa và trọn vẹn nhất trong đời sống chiêm niệm mà ngài tin là làm được nhờ ơn Chúa. Thánh nữ xác tín rằng: dù là việc nhỏ bé, tầm thường nhưng làm với tất cả lòng mến tin và để làm đẹp lòng Thiên Chúa thì mọi nguyện ước sẽ được Chúa chúc phúc. Trong Tự Thuật, thánh nhân nói rằng: *“Con không muốn nhật cộng rác để giảm bớt lửa luyện hình cho con, con chỉ có ý làm mọi việc để làm vui lòng Chúa và cứu vớt nhiều linh hồn cho Chúa”*. Thật vậy, thánh nữ không làm mọi việc chỉ để dành mọi ơn ích cho bản thân nhưng là dành những ơn ích đó cho các linh hồn và hằng muốn làm đẹp lòng Chúa. Ngài hướng đến một tình yêu cao cả và trọn hảo nơi Đức Giêsu nên ngài làm tất cả vì yêu, hy sinh tất cả để danh Chúa được loan truyền. Dầu rằng mang trong mình thao thức ra đi truyền giáo, ra đi đến với những phận đời bất hạnh, nhưng thánh Têrêsa đã đi đúng con đường, đi đúng ơn gọi mà Chúa muốn. Ơn gọi chiêm niệm là một ơn gọi đặc biệt và giờ đây thánh nữ nhận thấy Chúa muốn ngài ra đi trong ơn gọi này. Và thánh nữ tin rằng, Chúa

muốn ngài nên thánh, muốn ngài ra đi với mọi hoạt động của Giáo hội và cứu vớt các linh hồn trong ơn gọi chiêm niệm.

Thánh Têrêsa ra đi truyền giáo cách nhiệt thành bằng hiệp thông và cầu nguyện. Đọc cuốn Tự Thuật ta thấy Thánh nữ là một người khao khát việc truyền giáo hơn hết. Ngài cầu nguyện, viết thư để chia sẻ và động viên các nhà truyền giáo. Thánh nữ nói: Con không thể giảm cầu nguyện cho tất cả các vị thừa sai, không trừ một ai dù là linh mục không ra ngoại quốc truyền giáo. Vì sứ vụ của các linh mục đôi khi cũng khó khăn không kém gì sứ vụ các tông đồ dân ngoại. Giống như mẹ Têrêsa Avilla: là con cái trong Giáo hội, thánh nữ muốn cầu nguyện theo ý Đức Thánh cha, vì lời cầu nguyện đó bao trùm cả thế giới. Thánh nữ cũng xác tín mạnh mẽ sứ mạng của mình là trở thành tông đồ của các tông đồ bằng cách cầu nguyện, hy sinh cho các linh mục để các ngài dùng lời nói, nhất là gương sáng mà rao giảng Tin mừng.

Thánh Têrêsa ra đi bằng tình yêu. Nhờ suy niệm những lời của Chúa Giêsu: *“Thầy ban cho anh em một điều răn mới là anh em hãy thương nhau, anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em”* (Ga 13, 34); *“Mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy: là anh em hãy có lòng yêu thương nhau”* (Ga 13,35), mà Thánh Têrêsa hiểu được tình yêu của ngài đối với chị em còn thiếu sót, yếu đuối. Và giờ đây thánh nữ đã hiểu: điều căn bản của đức ái trọn hảo là biết chịu đựng khuyết điểm của người khác, là không lấy làm lạ khi thấy chị em yếu đuối, là thán phục khi thấy chị em

thi hành những nhân đức dù rất nhỏ mọn. Trong Tự Thuật, thánh Têrêsa cho biết: trong cộng đoàn có một vài chị thường hay làm cho thánh nữ phật ý, từ cách cư xử, lời ăn tiếng nói đến tính khí xem ra cái gì cũng khó chịu cả. Tuy nhiên, thánh nữ không muốn chiều theo tính ác cảm tự nhiên đối với các chị ấy nên ngài ra sức đối xử với các chị như đối với một người thân yêu nhất. Mỗi khi gặp các chị, thánh nữ lại cầu nguyện, dâng cho Chúa mọi nhân đức và công nghiệp của các chị ấy. Hơn thế nữa, thánh nữ còn cố gắng giúp đỡ các chị khi có thể và khi ngài thấy bức bối muốn đối chất với các chị một cách bất nhã, ngài lại nở một nụ cười hết sức âu yếm.

Thánh Têrêsa đã ra đi bằng việc vác thập giá. Trên những nẻo đường thiêng liêng đẹp như tuổi thơ, đẹp như ước mơ, thánh Têrêsa đã gặp không ít khó khăn. Song ngài đã chọn tiếp nhận thánh giá như một hành động gieo mầm cứu độ. Chín tháng đầu tiên trong nhà kín Lisieux, thánh nữ đã cảm nghiệm thật nhanh hương vị thánh giá. Đó là những chịu muộn phiền về cảnh cha già neo đơn; đó cũng là những chịu đựng trước ánh nhìn nghi kị xét đoán của người khác; và đó còn là những vật lộn nơi chính bản thân khi phải trút bỏ cái tôi cá nhân để thích ứng được với cuộc sống chung. Về giai đoạn này, thánh nữ tâm sự là ngài đã gặp nhiều gai nhọn hơn hoa hồng. Ngài viết: đau khổ đang dang tay đón tôi và tôi đã gieo mình vào khổ đau với lòng yêu mến.

Những thánh giá thường xuyên hơn cả trong suốt chín năm tu trì của ngài chính là những nỗi đau âm ỉ trong tâm hồn, khi thấy mình bất toàn theo kiểu: *“Tinh thần thì mau lẹ nhưng xác thịt lại yếu đuối”* (Mt 26,41); khi thấy mình bị bỏ rơi không niềm an ủi theo kiểu “con tim vô tình”; khi thấy mình bị mỗi một nản lòng theo kiểu “hai môn đệ trên đường Emmaus”. Song cũng khởi đi từ những thánh giá trong lòng vốn nhiều thao thức ấy, thánh nữ khám phá ra tâm tình phó thác làm thành ý tưởng chủ đạo giúp ngài nên thánh, đó là “muốn những gì Chúa muốn”.

Sự ra đi trong đời sống chiêm niệm của thánh Têrêsa tưởng chừng như quá nhỏ bé, như hạt cát giữa sa mạc, như giọt nước giữa đại dương, nhưng lại mang một giá trị thiêng, một niềm hy vọng vô cùng lớn lao. Thánh nữ không ra đi bằng thể lý nhưng ra đi liên lý bằng con tim. Thánh nữ không ra đi một mình nhưng luôn kết hợp với Chúa Giêsu trong mọi sự. Thật vậy, vì hoàn toàn kết hợp với Chúa Giêsu nên sự ra đi trong đời chiêm niệm của thánh nữ đã mang lại nhiều hoa trái. Ngoài những ơn ích cho các linh hồn, các tội nhân, công cuộc truyền giáo của Giáo hội, thì việc ra đi này cũng đem lại cho thánh nữ và những ai đi trên con đường này được nhiều ơn lành khác. Đó là nhận biết Đức Giêsu như là Đấng cùng đích của cuộc đời. Đó là tìm thấy bình an, niềm vui trong khó khăn thử thách. Đó là cảm nếm niềm hạnh phúc khi được phục vụ anh chị em của mình. Đó là sự quan phòng của Chúa trong mọi biến cố của cuộc đời. Và đó là nhận ra thánh ý Chúa

trong mọi biến cố được diễn tả qua mẫu gương của Đức Giêsu, Mẹ Maria và thánh Giuse.

Ngày nay, con người đang sống trong văn minh, của khoa học kỹ thuật và chủ nghĩa cá nhân. Con người ta thích sống thực dụng, thích tin vào thực tế hơn là vào những gì chưa thấy. Họ thích những cuộc ra đi về thể lý hơn. Họ thích những thành quả đạt được là những con số. Nhưng chính điều đó làm họ không thỏa mãn, làm họ trở nên trống vắng. Qua đó cho thấy rằng, cuộc sống hôm nay rất cần những cuộc ra đi trong đời chiêm niệm. Có thể nói được rằng: sự ra đi trong đời chiêm niệm như là gốc rễ của cây cổ thụ Giáo hội, giúp cho cây Giáo hội luôn đứng vững trước mọi phong ba bão táp, đồng thời hút dưỡng chất để cây phát triển và sinh nhiều hoa trái.

Ước gì ngày càng có nhiều người ý thức được tầm quan trọng của việc ra đi trong đời chiêm niệm và dẫn bước trên con đường mà thánh Têrêsa đã đi. Sự ra đi này dành cho tất cả mọi người chứ không riêng gì cho các Đan sinh. Và để hành trình ra đi đem lại nhiều hoa trái thì chúng ta cũng cần từ bỏ những điều cản trở, những gánh nặng khiến chúng ta chậm bước, đó là cái tôi ích kỷ, ý riêng... Hơn hết, chúng ta phải luôn kết hợp với Chúa, làm mọi sự theo thánh ý Chúa thì việc ra đi của chúng ta mới thực sự trọn vẹn và mang lại nhiều ơn ích. Như thế, mỗi phút giây trong cuộc đời chúng ta là một cuộc ra đi đích thực hướng về Chúa và tha nhân.

MẸ TÊRÊSA CALCUTTA DẤU CHỈ HY VỌNG GẶP GỠ CHÚA TRONG NGƯỜI NGHÈO

Thỉnh sinh Vinh Sơn Đặng Minh Dương

Năm Thánh 2025, với chủ đề "Người lữ hành của niềm hy vọng", Hội thánh mời gọi chúng ta chiêm ngắm và noi gương những chứng nhân đức tin, những người đã sống niềm hy vọng cách trọn vẹn trong hành trình trần thế. Một trong những chứng nhân sáng ngời ấy chính là Mẹ Têrêsa Calcutta, một biểu tượng của lòng bác ái và sự dẫn thân phục vụ người nghèo. Cuộc đời của Mẹ là một hành trình hy vọng không ngừng, một cuộc tìm kiếm Chúa Giêsu nơi những người nghèo khổ nhất, những người bị xã hội bỏ rơi.

1. Hy vọng trong hành trình phục vụ

Mẹ Têrêsa, tên thật là Agnes Gonxha Bojaxhiu, sinh ra tại Skopje, Macedonia. Năm 1928, Mẹ gia nhập Dòng Thừa Sai Đức Mẹ Loreto và được gửi đến Ấn Độ, nơi Mẹ bắt đầu sứ mệnh phục vụ người nghèo. Năm 1946, Mẹ Têrêsa Calcutta đã nhận được một hồng ân đặc biệt mà chính Mẹ gọi là "the call within the call" - "*tiếng gọi trong tiếng gọi*", một thôi thúc mạnh mẽ từ Chúa Giêsu, kêu gọi Mẹ dẫn thân phục vụ những người nghèo nhất trong số những người nghèo ở Ấn độ. Mẹ đã đáp lại lời mời gọi ấy bằng tất cả lòng nhiệt thành và tình yêu thương.

• **Gặp gỡ Chúa nơi người hấp hối:** Mẹ ân thầm phục vụ và năm 1950, Mẹ chính thức lập dòng Thừa Sai Bác Ái chuyên chăm sóc những người hấp hối trên đường phố Calcutta, những người bị bỏ rơi và không có ai quan tâm. Mẹ tin rằng, trong những người đau khổ ấy, có sự hiện diện của Chúa Giêsu. Mẹ nói: *"Khi nhìn thấy một người đau khổ, tôi thấy Chúa Giêsu trong họ. Đó là lý do tại sao tôi muốn giúp đỡ họ"*.

• **Chăm sóc những người bị ruồng bỏ:** Mẹ Têrêsa đã hiến trọn cuộc đời mình để chăm sóc những người nghèo khổ nhất, những người mà thế giới thường xem như vô hình. Mẹ không chỉ đáp ứng những nhu cầu vật chất thiết yếu mà còn trao trả cho họ sự tôn trọng, phẩm giá bị tước đoạt và tình yêu thương vô điều kiện, một thứ mà họ khao khát hơn bất cứ điều gì trên thế gian này. Mẹ nhìn thấy giá trị thiêng liêng, không thể phủ nhận trong mỗi con người, bất kể họ là ai, họ đến từ đâu, hay họ đang phải gánh chịu những khổ đau và bệnh tật nào.

• **Tìm kiếm Chúa trong những điều nhỏ bé:** Mẹ tin rằng, mỗi hành động yêu thương, dù nhỏ bé và âm thầm đến đâu, cũng là một cuộc gặp gỡ sâu sắc, đầy ý nghĩa với chính Chúa Giêsu - Đấng đã tự đồng hóa mình với những người bé nhỏ nhất, như lời Thánh Kinh đã chép một cách rõ ràng: *"Ta bảo thật các ngươi: mỗi lần các ngươi làm như thế cho một trong những anh em bé nhỏ nhất của Ta đây, là các ngươi đã làm cho chính Ta vậy"* (Mt 25,40). Hành động của Mẹ không chỉ

là sự bố thí vật chất mà còn là sự trao tặng chính bản thân, một sự đồng hành chân thành trong những khoảnh khắc đen tối nhất của cuộc đời họ. Mẹ nói: *"Đừng nghĩ rằng tình yêu, để được chân thực, phải là điều gì đó phi thường. Điều chúng ta cần là yêu thương mà không bao giờ cảm thấy mệt mỏi"*.

• Dấu chỉ hy vọng trong một thế giới đau khổ

Trong một thế giới chất chứa đầy rẫy đau khổ và bất công, Mẹ Têrêsa đã trở thành một dấu chỉ hy vọng. Mẹ đã chứng minh một cách hùng hồn và thuyết phục rằng, tình yêu thương không hề có biên giới, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, sắc tộc hay địa vị xã hội.

• Hy vọng trong hành động bác ái: Mẹ đã vén mở cho chúng ta thấy rằng, hy vọng không phải là một giấc mơ xa vời, một ảo ảnh hão huyền mà là một thực tại sống động, có thể được kiến tạo bằng chính những hành động cụ thể, bằng sự mở rộng trái tim và vòng tay đón nhận những người đang cần đến sự giúp đỡ của chúng ta. Mẹ từng khuyên nhủ với một sự chân thành sâu sắc: *"Hãy làm cho người khác cảm thấy tốt hơn khi bạn hiện diện"*. Lời dạy này không chỉ là một phương châm sống cao đẹp mà còn là một lời mời gọi hành động khẩn thiết, thôi thúc chúng ta trở thành những người mang hy vọng, những người gieo mầm yêu thương ở bất cứ nơi nào chúng ta đến, để mỗi cuộc gặp gỡ đều là một cơ hội để sẻ chia và nâng đỡ.

- **Hy vọng trong sự tin tưởng vào Chúa:** Mẹ Têrêsa luôn tin tưởng vào Chúa, ngay cả trong những lúc khó khăn nhất. Mẹ tin rằng, Chúa luôn ở bên cạnh những người đau khổ, và rằng, Ngài sẽ ban cho họ sức mạnh để vượt qua mọi thử thách.

- **Hy vọng trong sự chia sẻ tình yêu:** Mẹ Têrêsa đã lan tỏa tình yêu thương của Chúa đến với mọi người, bất kể họ là ai. Mẹ đã cho chúng ta thấy rằng, tình yêu thương là sức mạnh lớn nhất, và rằng, nó có thể thay đổi thế giới.

- **Noi gương Mẹ Têrêsa trong năm thánh hy vọng**

Trong Năm Thánh 2025 này, khi chúng ta cùng nhau bước trên hành trình thiêng liêng của “Những Người Hành Hương Hy Vọng”, chúng ta hãy dành trọn tâm hồn để suy ngẫm sâu sắc hơn về cuộc đời và di sản tinh thần cao quý mà Mẹ Têrêsa Calcutta đã để lại cho nhân loại. Hãy để tinh thần hy sinh vô bờ bến, lòng trắc ẩn không giới hạn và tình yêu thương vô điều kiện của Mẹ thấm nhuần vào trái tim chúng ta, truyền cảm hứng cho từng hành động của chúng ta. Để rồi qua đó, chúng ta cũng được mời gọi noi gương Mẹ Têrêsa, trở thành những người lữ hành của niềm hy vọng. Chúng ta có thể làm điều này bằng cách:

- **Tìm kiếm Chúa Giêsu trong những người nghèo khổ:** Khi đến gần những ai đang đau khổ, bị bỏ rơi hay túng thiếu, ta được mời gọi nhìn thấy chính Chúa Giêsu trong họ. Yêu thương họ như yêu Chúa, dù chỉ qua một

cái nhìn, một cái bắt tay, hay một lời hỏi han chân thành.

- **Thực hiện những hành động bác ái:** Chúng ta có thể làm những điều nhỏ bé để giúp đỡ những người xung quanh bằng cách chia sẻ thời gian, tài năng và của cải với những người đang cần giúp đỡ.
- **Tin tưởng vào Chúa:** Trong những lúc khó khăn và bế tắc, lời cầu nguyện âm thầm và lòng tín thác nơi Thiên Chúa chính là điểm tựa.
- **Lan tỏa tình yêu thương:** Trở nên dấu chỉ hy vọng cho người khác không đòi hỏi điều gì phi thường, chỉ cần để cho tình yêu của Chúa lan tỏa qua đời sống thường ngày của mình. Như Mẹ Têrêsa từng nói: *"Điều quan trọng nhất không phải là những gì bạn làm, mà là bạn đặt bao nhiêu tình yêu vào hành động đó"*.

Chính những hành động nhỏ bé, xuất phát từ một trái tim yêu thương chân thành và vô vị lợi, lại có thể trở thành những hạt giống hy vọng diệu kỳ, nảy mầm và lan tỏa khắp thế giới. Những hạt giống ấy mang đến sự an ủi, chữa lành và một tương lai tươi sáng hơn cho những mảnh đời bất hạnh.

Trong Năm Thánh đầy ân sủng này, ước mong mỗi người chúng ta biết bước theo dấu chân của Mẹ Têrêsa, trở thành những người hành hương hy vọng đích thực. Mang theo nơi mình tình yêu thương và ánh sáng của Chúa đến với những người đang cần được an ủi. Để rồi, giữa những hoàn

cảnh tượng chừng bế tắc, người ta vẫn tìm thấy một lý do để hy vọng, một niềm tin vào tương lai tràn đầy tình thương và lòng trắc ẩn, một thế giới nơi mà phẩm giá con người được tôn trọng và yêu thương ngự trị.



ĐỨC CỔ HỒNG Y PHANXICÔ XAVIÊ

BẢN TÌNH CA HY VỌNG

Thính sinh Giuse Vũ Huyền Lực

Có những con người sống âm thầm cả đời, nhưng ánh sáng từ họ đủ để soi lối cho biết bao tâm hồn. Họ không cần hô hào, không nắm quyền lực cũng chẳng vẽ vờ chiến lược để thay đổi thế giới. Nhưng từng bước chân, từng hơi thở, từng lời nguyện thầm lặng của họ lại trở thành bản tuyên xưng đức tin, một lời chứng cho niềm hy vọng sống động và bất diệt.

Đức cổ Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận là một con người như thế, một người lữ hành hy vọng. Ngài đã đi qua sa mạc của thử thách mà không để hy vọng chết đi, nhưng lại gieo vào lòng người một niềm tin không bao giờ tắt. Chính vì vậy, cuộc đời ngài trở thành một ngọn đèn soi rọi niềm hy vọng cho bao thế hệ.

1. Sống từng phút cho đẹp

Năm 1975, khi ngài bị bắt giam không hề có một cáo buộc chính thức, không có phiên tòa, không có lý do rõ ràng, không một lời biện minh chỉ một sự im lặng hoàn toàn. Ngài bị tước tự do ngay khi vừa được bổ nhiệm làm Tổng Giám mục phó - Tổng Giáo phận Sài Gòn. Bao chương trình, bao kế hoạch mục vụ chưa kịp bắt đầu đã bị đóng lại bằng song sắt. Với một người bình thường đó là một cú sốc, một thảm kịch,

một vực sâu nhưng với ngài đó là khởi đầu của một cuộc hành trình hy vọng.

Tôi đã nhiều lần tự hỏi: “Làm sao một con người có thể giữ vững đức tin hoàn toàn bị cô lập? Làm sao một tâm hồn không bị lụi tắt khi bị đối xử bất công và sống trong cảnh tù đầy suốt mười ba năm?” Nếu là tôi, tôi sẽ phản ứng thế nào? Có lẽ tôi sẽ cảm thấy cay đắng, oán trách, muốn buông xuôi tất cả. Nhưng ngài thì không. Ngài từng nói: *“Tôi sẽ không chờ đợi, tôi quyết sống phút hiện tại và làm cho nó đầy tình thương”*.¹⁵ Ngài không đợi một hoàn cảnh thuận tiện, không đòi hỏi điều kiện đặc biệt, không than phiền vì mất tự do hay không được mục vụ. Ngài chọn sống từng giây phút hiện tại cho đẹp.

Điều đó đánh động tôi mạnh mẽ. Bởi tôi và có lẽ nhiều người khác thường trì hoãn: khi nào rảnh hơn, khi hoàn cảnh dễ chịu hơn, khi thuận tiện hơn,... tôi sẽ sống tốt hơn, cầu nguyện nhiều hơn, yêu thương nhiều hơn. Nhưng ngài thì khác.

Giữa bốn bức tường ẩm thấp của ngục tù, không thánh lễ công khai, không được rao giảng, không có bạn bè thân thích, ngài vẫn sống từng phút một cách trọn vẹn. Ngài không đợi làm việc lớn cho Giáo hội, chỉ xin được làm việc nhỏ với tình yêu lớn. Từng phút của ngài, từ khi thức dậy, ăn uống,

¹⁵ Đức Cố Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, Năm chiếc bánh và Hai con cá.

bị hỏi cung, bị cô lập đều được lấp đầy bởi tình thương. Và điều kỳ diệu là: từ những “chấm” nhỏ bé ấy, Thiên Chúa đã vẽ nên một “Con đường hy vọng” - một cuộc đời nên thánh.

2. Hy vọng không phải là ảo mộng - đó là chọn lựa sống mỗi ngày

Ngài bị giam hơn mười ba năm, trong đó có chín năm biệt giam hoàn toàn. Không được ra ngoài, không ai trò chuyện. Những ngày tháng ấy dài đằng đẳng như sa mạc. Nhưng thay vì than trách hay tuyệt vọng, ngài đã chọn yêu, chọn hy vọng.

Hy vọng của ngài không phải là cảm giác nhẹ nhõm, không phải là một niềm tin mơ hồ rằng mọi chuyện sẽ ổn hay mơ tưởng về một ngày tự do rồi buông xuôi tất cả càng không phải hy vọng hão huyền rằng điều kỳ diệu sẽ xảy ra ngay mà hy vọng bằng cách chọn lựa thái độ sống. Ngài chọn tha thứ cho người canh tù, chọn mỉm cười dù lòng tan nát, chọn biến chốn lao tù thành nguyện đường, chọn sống từng ngày như thể hôm nay là ngày cuối và dâng từng giây phút ấy cho Chúa.

Tôi tự hỏi: “Liệu mình có sống được như thế không? Khi chỉ cần một chút bất tiện, tôi đã càu nhàu, chỉ gặp một người khó chịu, tôi đã khép lòng”. Còn ngài, trong bóng tối dày đặc nhất, vẫn không lên án bóng tối mà chọn trở nên ánh đèn nhỏ bé.

Tôi từng nghĩ sự thánh thiện là điều gì đó cao xa, chỉ dành cho những người đặc biệt. Nhưng nhờ Đức Hồng y, tôi hiểu rằng: nên thánh bắt đầu từ từng lựa chọn nhỏ bé, từng “chấm” trong đời sống thường ngày. Một nụ cười với người làm mình bức, một hành động phục vụ không ai thấy, một lần tha thứ không điều kiện, một phút cầu nguyện âm thầm trong đêm khuya. Những điều rất nhỏ ấy nhưng nếu sống bằng tình thương, chúng đủ sức làm nên một cuộc đời thánh thiện.

Ngài dạy tôi hiểu rằng: mỗi giây phút là một cơ hội. Không có phút nào vô ích, không có giây nào lạc lõng nếu ta sống nó trong tình thương của Chúa. Đó là một linh đạo của hiện tại - một lối sống giúp ta không bị giam giữ trong quá khứ nuối tiếc, cũng không chạy theo tương lai bất định, nhưng bám rễ thật sâu vào phút này, như thể đó là phút cuối cùng mình được sống.

3. Người mục tử có trái tim phổ quát

Ngay cả khi bị giam cầm, Đức Hồng y vẫn thi hành mục vụ bằng tình thương, bằng sự tha thứ, bằng một sự hiện diện dịu dàng. Ngài không để trái tim mình bị giới hạn bởi bốn bức tường. Và có lẽ điều đẹp nhất trong đời ngài, là cách ngài yêu chính những người canh tù.

Ngài không oán trách họ, không nhìn họ như kẻ thù, ngài nhìn họ như những người anh em cần được yêu thương. Ngài học tên họ, lắng nghe họ, kể chuyện đức tin cho họ, dạy

họ học, dạy họ cầu nguyện. Không một lời kết án, chỉ có ánh nhìn dịu hiền. Ai có thể ngờ: một người bị giam giữ lại trở thành người gieo hạt giống yêu thương trong lòng chính kẻ giam giữ mình?

Tôi xúc động khi biết chính những người canh tù ấy, sau này đã quý mến và thương nhớ ngài. Đó là chiến thắng của tình yêu - không bằng sức mạnh, nhưng bằng lòng kiên trì hiền lành và âm thầm của một trái tim giống Chúa.

Qua cung cách sống của Đức Hồng y tôi hiểu rằng: ngài không rao giảng bằng lời nói mà bằng đời sống. Đức ái của ngài không ồn ào nhưng chân thật, ngài không nói về Thiên Chúa cách công khai nhưng chính sự kiên nhẫn, hiền hậu và bao dung của ngài đã rao giảng về Thiên Chúa hùng hồn hơn mọi bài giảng.

4. Một đời nguyện thầm - một bản tình ca hy vọng

“Lạy Chúa, con không đợi chờ, con quyết sống phút hiện tại, và làm cho nó đầy tình thương. Vì chấm này nối tiếp chấm kia, ngàn vạn chấm thành một đường dài. Phút này nối tiếp phút kia, muôn triệu phút thành một đời sống. Chấm mỗi chấm cho đúng, đời sẽ đẹp. Sống mỗi phút cho tốt, đời sẽ thánh. Đường hy vọng do mỗi chấm hy vọng. Đời hy vọng do mỗi phút hy vọng. Như Chúa Giêsu, trọn đời đã làm những gì

*đẹp lòng Đức Chúa Cha. Mỗi phút giây con muốn làm lại với Chúa: một giao ước mới, một giao ước vĩnh cửu”.*¹⁶

Ngài đã sống như thế suốt 13 năm tù đầy. Mỗi phút, mỗi giây ấy chính là một lời nguyện tuyên xưng: “Lạy Chúa, con vẫn tin. Con vẫn yêu. Con vẫn hy vọng”.

Tôi đã nhiều lần lặp lại lời nguyện ấy: “*Lạy Chúa, con không đợi chờ...*” Và mỗi lần như thế, tôi cảm thấy mình được đỡ nâng, được kéo ra khỏi sự trì trệ, nản lòng hay ảo tưởng. Ngài dạy tôi hiểu rằng: không có cuộc đời nào thánh thiện nếu không sống tốt từng phút hiện tại. Không có con đường nào dài nếu không bắt đầu từ một bước nhỏ đầu tiên.

Đức Hồng y không phải là nhà thần học vĩ đại cũng không phải là nhà cải cách Giáo hội nổi bật. Ngài không để lại nhiều tác phẩm cũng chẳng có những bài giảng hùng hồn vang dội. Nhưng cuộc sống của ngài là một bản nhạc trầm lặng mà sâu xa - một bản tình ca hy vọng dâng tặng Chúa từ đáy vực tối nhất của cuộc đời.

Tôi gọi ngài là người lữ hành hy vọng, không phải ngài đi nhiều nơi mà vì ngài đã bước rất xa vào niềm hy vọng của Tin mừng. Ngài sống đúng như một người hành hương không mang nhiều hành lý, chỉ mang tình yêu, sự kiên nhẫn và đôi mắt luôn hướng về quê Trời.

¹⁶ Đức Cố Hồng Y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận, Năm chiếc bánh và hai con cá.

5. Bắt đầu từ một chấm nhỏ

“Còn tôi, tôi sẽ mang gì trên hành trình của mình?” Tôi không bị tù đầy như Đức Hồng y. Tôi không phải sống sau song sắt, không bị giam giữa bốn bức tường lạnh ngắt hay bóng tối dày đặc. Nhưng tôi cũng có những nhà tù của riêng mình: nhà tù của sợ hãi, ích kỷ, nghi ngờ, tự ti, vô cảm...

Và giờ đây, tôi muốn bắt đầu hành trình lữ hành hy vọng của chính mình. Tôi không chắc mình sẽ sống thánh thiện như ngài. Nhưng tôi biết: tôi có thể bắt đầu ngay hôm nay, bằng một phút hiện tại sống thật trọn vẹn. Tôi sẽ không chờ để yêu thương, không chờ lúc thuận tiện để làm điều tốt, không chờ hoàn cảnh lý tưởng để sống đức tin. Tôi sẽ bắt đầu bằng một “chấm” hy vọng, một lời cầu nguyện, một hành động âm thầm.

Và tôi tin: nếu tôi kiên trì, Chúa sẽ nối từng chấm ấy lại, để đời tôi cũng trở thành một Con đường Hy vọng như đời Đức cố Hồng y Thuận.

Cảm ơn ngài - người lữ hành hy vọng - vì đã để lại cho tôi một con đường, một ánh sáng, một lời nhắc dịu dàng: *“Đừng chờ. Hãy sống phút này và sống cho đẹp”*.

THÁNH TÊRÊSA HÀI ĐỒNG GIÊSU ĐÓA HỒNG HY VỌNG

Thánh sinh Giuse Đậu Anh Tuấn

Khi đọc lại những trang viết của Thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu, ta bắt gặp một ngọn lửa âm thầm nhưng rực sáng: ngọn lửa của hy vọng. Hy vọng ấy không đến từ sức mạnh, tài năng hay công trạng, nhưng phát sinh từ niềm tin tưởng phó thác tuyệt đối vào tình yêu Thiên Chúa. Chính trong sự bé nhỏ, Têrêsa đã tìm thấy chỗ đứng của mình, và từ đó mở ra cho Hội thánh một con đường mới - con đường “thơ ấu thiêng liêng”, nơi mọi tâm hồn yếu đuối đều có thể bước đi với niềm hy vọng.

1. Con đường thơ ấu - nền tảng hy vọng

Khi nhắc đến Thánh Têrêsa Hài Đồng Giêsu, người ta thường nhớ ngay đến “con đường thơ ấu”: sống tình yêu trong những việc nhỏ bé nhất, với một niềm tin tưởng phó thác vô bờ vào Thiên Chúa là Cha. Chính nơi con đường này, Têrêsa tìm thấy hy vọng, không dựa vào sức riêng hay công trạng bản thân, nhưng hoàn toàn dựa vào lòng thương xót của Thiên Chúa.

2. Hy vọng giữa bóng tối thử thách

Trong hành trình đức tin, Têrêsa cũng từng cảm nghiệm bóng tối dày đặc, nhất là những tháng cuối đời. Chị

không còn thấy “ánh sáng thiên đàng” như trước, mà nghe vang vọng những tiếng nhạo báng của kẻ vô tín. Tuy nhiên, thay vì ngã lòng, chị lại bám chặt hơn vào tình yêu: *“Con đã chọn tình yêu, và tình yêu ấy sẽ không bao giờ qua đi”*. Chính trong đêm tối ấy, Têrêsa đã biến thử thách thành cơ hội để hy vọng thêm sâu xa: tin rằng Thiên Chúa trung tín hơn mọi cảm xúc, và rằng tình yêu sẽ chiến thắng cả sự chết.

3. Ơn gọi tình yêu trong lòng Hội thánh

Suy niệm về Hội thánh, Têrêsa không tìm thấy mình ở hàng ngũ Tông đồ, Tiên tri hay các thánh làm phép lạ. Chị chỉ thấy mình là một tâm hồn nhỏ bé. Nhưng chính lúc ấy, chị đã khám phá một chân lý lớn: trong Thân Thể Nhiệm Mầu của Hội thánh, có một trái tim bơm máu để nuôi sống mọi chi thể. Và trái tim ấy chính là Tình Yêu.

Với niềm xác tín, chị thốt lên: *“Lạy Chúa Giêsu, con đã tìm được ơn gọi của con rồi: trong lòng Hội thánh, con sẽ là tình yêu”*. Từ đây, Têrêsa hiểu rằng tình yêu làm cho từng hơi thở, ánh nhìn, nụ cười, hay giọt nước mắt nhỏ bé của mình trở thành ân phúc cho toàn thể Hội thánh.

4. Niềm hy vọng từ sự nhỏ bé

Điều cốt lõi trong hy vọng của Têrêsa là: dù bé nhỏ, yếu đuối, ta vẫn có thể thuộc trọn về Thiên Chúa. Không sợ giới hạn, bởi trái tim Cha quá lớn để ôm lấy ta. Và khi sống yêu thương, từng việc nhỏ bé cũng có giá trị cứu độ. Hy vọng ấy

giải thoát Têrêsa khỏi mặc cảm yếu đuối, đem lại niềm vui lớn lao trong từng việc âm thầm hằng ngày.

5. Thông điệp cho hôm nay

Têrêsa đã sống và chết với niềm hy vọng đơn sơ nhưng mạnh mẽ ấy, để rồi Hội thánh tôn vinh chị là “Tiến sĩ tình yêu”. Con đường thơ ấu của chị mở ra cho mọi người, đặc biệt là những tâm hồn yếu đuối, nhận ra rằng hy vọng không chỉ dành cho anh hùng phi thường, mà cho tất cả những ai dám phó thác và yêu mến.

Niềm hy vọng của thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu chính là lời nhắc nhở dịu dàng cho mỗi Thỉnh sinh đang bước vào đời sống dâng hiến: Chúa không chờ chúng ta làm những việc vĩ đại, nhưng chờ ta dám yêu trong từng việc nhỏ. Chúa không tìm những anh hùng siêu phàm, nhưng tìm những tâm hồn biết tin tưởng và phó thác. Hy vọng đích thực không phải là mơ ước hảo huyền, nhưng là chắc chắn rằng tình yêu Thiên Chúa luôn mạnh hơn bóng tối. Ai sống cho tình yêu, người ấy đang viết tiếp bài ca hy vọng giữa lòng Hội thánh.



NHỮNG NGƯỜI LỮ HÀNH HY VỌNG

Thỉnh Sinh Giuse Lại Đức Tiến

Đường Lên Đỉnh Olympia là một cuộc thi trí tuệ dành cho các học sinh Trung học phổ thông do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức. Trong phần thi cuối cùng mang tên “Về Đích”, có một luật chơi rất lý thú: mỗi thí sinh sẽ được một lần đặt biểu tượng ngôi sao đối với một trong số những câu hỏi dành cho họ. Nếu trả lời đúng, họ sẽ dành được gấp đôi số điểm tương ứng với câu hỏi đó. Nhưng nếu trả lời sai, họ cũng có nguy cơ bị trừ gấp đôi điểm số ấy. Trong tình thế không còn gì để mất, ngôi sao này mang đến cho những thí sinh có điểm số đang bám sát người dẫn đầu cơ hội lội ngược dòng để dành chiến thắng ngoạn mục. Do đó, nó được gọi là “ngôi sao hy vọng”. Một ngôi sao khác đã xuất hiện cách đây hơn hai thiên niên kỷ mang theo một hy vọng khác cho những ai đã ngược lên, đã thấy và kiên tâm bước theo ánh sáng của vì tinh tú. Quả thực, đó là một niềm “*hy vọng không làm thất vọng*” (Rm 5,5).

1. Vì sao xuất hiện

“Khi Đức Giê-su ra đời tại Bêlem, miền Giuđê, thời vua Hêrôđê trị vì, có mấy nhà chiêm tinh từ phương Đông đến Giêrusalem, và hỏi: ‘Đức Vua dân Do thái mới sinh, hiện ở đâu? Chúng tôi đã thấy vì sao của Người xuất hiện bên phương Đông, nên chúng tôi đến bái lạy Người’” (Mt 2,1-2). Phải, đây là câu chuyện các nhà chiêm tinh đi tìm

một đế nhi. Thật hợp lý khi họ vào cung vua để hỏi về một vị hoàng tử mới sinh - người sẽ kế vị phụ vương. Song bấy giờ ba người con của vua Hêrôđê Cả đều đã trưởng thành.¹⁷ Thế nên vua ấy rất bối rối. Với một nền văn hóa mà chính trị và tôn giáo không thể tách rời như của dân Do thái ¹⁸ thì tin này cũng làm cả thành Giêrusalem phải xôn xao. Tất nhiên, các thủ lãnh tôn giáo là những người nhạy cảm hơn hết. Vốn am hiểu Kinh Thánh, họ liên tưởng ngay đến tiên báo trong sách ngôn sứ Mikha về sự xuất hiện của Đấng Kitô sẽ thống lãnh nhà Israel (x. Mk 5, 1-3). Hêrôđê không thể không hoang mang bởi bấy giờ miền Palettin đang bị Rôma đô hộ và y là chư hầu của đế quốc này. Một khi Đấng Kitô nào đó xuất hiện và đưa dân tộc mình khỏi ách thống trị ngoại bang, Hêrôđê và dòng dõi y sẽ mất đi vị thế. Vì vậy, ngay lúc ấy, ác vương đã manh nha một kế hoạch thâm hiểm là diệt trừ Vị Cứu Tinh. Ông mới bí mật vời các nhà chiêm tinh đến hỏi cặn kẽ về ngày giờ ngôi sao đã xuất hiện, mà sau này trong vụ thảm sát các thánh anh hài, khi Hêrôđê ra lệnh giết tất cả con trẻ ở Bêlem và toàn vùng lân cận từ hai tuổi trở xuống, ta mới biết rằng ngôi sao ấy đã xuất hiện cách đó hai năm.

• Lữ khách theo dấu vì sao

¹⁷ x. Nguyễn Hưng, *Môi Trường Kinh Thánh*, ĐCV. Thánh Giuse Xuân Lộc, 2011, tr.79.

¹⁸ x. Nguyễn Hưng, *Môi Trường Kinh Thánh*, ĐCV. Thánh Giuse Xuân Lộc, 2011, tr.47.

Bản dịch Anh ngữ gọi các chiêm tinh gia này bằng danh từ: the magi,¹⁹ số ít magus, nghĩa là tư tế của nước Ba Tư cổ, tức Iran ngày nay.²⁰ Phải chăng, sự việc đã xảy ra như thế này: từ đất Israel chạy ngược về miền viễn đông đến Ba Tư, vào một ngày của hai năm trước, khi mặt trời dần khuất bóng, người ta nhận thấy một ngôi sao lớn đột nhiên xuất hiện trên nền trời khiến ai nấy đều kinh ngạc. Song chỉ có các nhà chiêm tinh nọ - những người vẫn nhìn lên bầu trời hằng đêm để quan sát mới nhận ra đó là dấu chỉ một Đức Vua sắp chào đời trên trần gian. Nhưng sự đặc biệt của tinh cầu ấy - không chỉ lớn khác thường về kích thước, mà còn tỏa ra ánh sáng rực rỡ - như muốn biểu lộ đây sẽ là vị Vua vĩ đại nhất trong số vua chúa họ từng chứng kiến. Đó quả là một sức hút mãnh liệt đối với các chiêm tinh gia. Họ muốn được tận mắt mục kích vĩ nhân này. Nhưng không giống như chúng ta ngày nay có thể biết rõ các châu lục và từng quốc gia trên đó, thời ấy, tri thức về địa lý còn hạn chế. Chẳng vậy mà trong Tin mừng, đế quốc Rôma lúc bấy giờ chỉ gồm lãnh thổ các nước quanh biển Địa Trung Hải hiện thời như Ý, Hy Lạp, Thổ Nhĩ Kỳ, Siri, Israel, Ai Cập, Libi đã được coi như cả thiên hạ (x. Lc 2,1). Hơn nữa, miền Palettin của người Do thái quá nhỏ bé (chỉ tương đương diện tích của Bỉ Quốc)²¹, lại nằm dưới

¹⁹ Mt 2,1, The New Testament, Oxford University Press, 1986, p.9.

²⁰ Joanna Turnbull (Managing Editor), Oxford Advanced Learner's Dictionary (8th Edition), Oxford University Press, 2010, p.927.

²¹ x. Nguyễn Hưng, Môi Trường Kinh Thánh, ĐCV. Thánh Giuse Xuân Lộc, 2011, tr.82.

quyền đô hộ của “nền hòa bình Rôma” thời danh nên dân nằm ngoài vùng lòng chảo Địa Trung Hải không biết đến sự tồn tại của vùng đất này là điều dễ hiểu. Vậy, có thể các nhà chiêm tinh lúc ấy cũng không biết ngôi sao lạ họ trông thấy tiên báo sự chào đời của “Vua dân Do thái ” ngụ tại miền Palettin. Một bên là khát vọng dâng cao của lý trí muốn đôi mắt được một lần chiêm ngưỡng Vua của toàn cõi đất. Nhưng một bên lại là hoang mang nghi ngại khi cũng đôi mắt ấy nhận thấy thế giới mà Người thống trị quá đỗi thênh thang khiến cho việc tìm kiếm là bất khả thi. Mắt họ nhắm lại, đầu họ cúi xuống trong vô vọng. Nhưng khi ngọ kiên nhẫn ngược lên một lần nữa và mở mắt ra, lòng họ bỗng bừng sáng vì nhìn thấy hy vọng duy nhất của mình: ngôi sao lạ. “Phải rồi, ngôi sao đã tiên báo cho ta sự xuất hiện của vị Quân Vương, thì chính nó, nó sẽ dẫn ta đến gặp Người”, họ tự nhủ.

Hy vọng tràn đầy, mang theo những bảo vật quý giá nhất của mình, họ khăn gói lên đường ngay, thẳng tiến về phía tây theo hướng vì sao. Họ rảo bước thật nhanh trong đêm vì ngôi sao sẽ lặn mất một khi mặt trời ló rạng. Như thế, họ sẽ nghỉ lấy sức vào ban ngày và tiếp tục hành trình vào ban đêm. Đây là cuộc lữ hành đầy mạo hiểm bởi chính các lữ khách cũng không biết con đường phía trước sẽ thế nào. Đó có thể là những sa mạc khô khốc hay những đồng bằng màu mỡ, những đỉnh núi chon von hay những thung lũng thăm thẳm. Khi lần bước như thế, họ có nguy cơ gặp phải dã thú săn mồi hay thổ phỉ hung hãn. Có thể họ còn phải đi qua lãnh

thổ của các sắc dân chẳng chút thân thiện. Lý tưởng được diện kiến Đức Đại Vương rất cao đẹp, nhưng bấy nhiêu khó khăn khi đối diện với thực tế khiến những kẻ yếu lòng phải nhụt chí. Dầu vậy, ngôi sao hy vọng cho các chiêm tinh gia niềm hy vọng để kiên tâm vượt mọi trở ngại mà trung thành với con đường đang đi suốt hai năm ròng. Tinh cầu mỗi lúc một lớn hơn, tỏa ánh sáng rực rỡ hơn khiến họ càng hy vọng hơn.

Thế rồi, vào đêm ấy, khi họ linh cảm điểm đến đang ở rất gần và tưởng như mình sắp đến nơi thì trời tằng sáng, và một lần nữa ngôi sao biến mất. Lúc này, trước mặt họ hiện ra một con sông, chính là Giordan. Lấp lánh trên mặt sông một con thuyền của dân địa phương. Họ í ới gọi, và thuyền cập bến. Một ngư dân bước lên với khuôn mặt hớn hở bởi đã rất lâu rồi anh mới nghe lại thứ tiếng Farsi của dân tộc mình. “Đúng rồi, chính là làn da này, màu mắt này, sống mũi này và kiểu trang phục này” - anh reo lên - “Chào mừng các đồng bào của tôi!” Bờ sông tĩnh lặng buổi sớm bỗng trở nên huyền ảo bởi những tiếng nói cười của một cuộc gặp gỡ bất ngờ. Người chèo thuyền rời Ba Tư thời niên thiếu, và từ bấy nay anh gắn bó với nghiệp đánh cá nơi đất khách. Sau khi nghe biết mục đích cuộc lữ hành của các đồng hương mình, lại vốn thông thuộc địa hình, văn hóa và ngôn ngữ bản xứ, anh xin được làm người đồng hành và người dẫn đường cho họ, để chính anh cũng được yết kiến Đức Vua.

Ở bờ bên kia, cách sông Giordan ba mươi lăm cây số về phía Tây là thành Giêrusalem - thủ đô tôn giáo và chính trị quan trọng bậc nhất của người Do thái, cũng là nơi ở của vua Hêrôđê. Các nhà chiêm tinh đình ninh rằng: vương nhi họ đang tìm chính là hoàng tử con vua này. Thế là họ lập tức vượt sông, chẳng màng đến nghỉ ngơi. Rồi ngay trong ngày hôm đó, họ đã đến gặp ác vương và làm cho cả Giêrusalem dậy sóng. Nhưng rất cuộc, Đấng mà họ cần tìm không ở đó. Dầu vậy, thông qua giới lãnh đạo tôn giáo, họ nhận biết chính xác vị trí mà Đấng Kitô sinh ra: Bêlem, cách thành thánh hai mươi cây số về hướng tây nam. Bấy giờ, trời bắt đầu nhá nhem tối và ngôi sao lại xuất hiện đúng theo hướng về làng của vua Đavít. Với những con ngựa tốt nhất được Hêrôđê cung cấp, họ lập tức đăng trình, lòng đầy hy vọng.

Trên đường tới thành, họ gặp thấy một toán các mục đồng cũng đang hối hả bước. Đó là các người chăn chiên thức đêm canh giữ đàn vật, nhưng giờ đây tất cả họ bỏ súc vật lại ngoài đồng mà tiến về Bêlem. Họ thuật lại cho các nhà chiêm tinh việc sứ thần hiện ra và báo cho họ một Tin mừng trọng đại: *"Hôm nay, một Đấng Cứu Độ đã sinh ra cho anh em trong thành vua Đavít, Người là Đấng Kitô Đức Chúa. Anh em cứ dấu này mà nhận ra Người: anh em sẽ gặp thấy một trẻ sơ sinh bọc tã, nằm trong máng cỏ"*. (Lc 2,11-12) Còn các nhà chiêm tinh lại chỉ cho các người chăn chiên vì sao báo hiệu sự chào đời của Đấng ấy. Thế là tất cả họ theo hướng vì sao mà tiến bước vào thành.

Kìa phía xa xa trong cánh đồng, một ánh sáng lập lờ của ngọn đèn dầu như thể có người ở đấy. “Đó chẳng phải là hang dành cho súc vật sao?” - các mục đồng nói - “Máng cỏ chắc hẳn phải có ở đó”. Khi đến nơi, họ quả thực gặp thấy một đôi vợ chồng trẻ, cùng với một Hài Nhi đặt nằm trong máng cỏ. Các mục đồng kể lại điều đã được nói với họ về Hài Nhi này. Rồi các nhà chiêm tinh kể về ngôi sao lạ và hành trình của mình. Tất cả mọi người ai nấy đều ngạc nhiên và cùng sắp mình thờ lạy Đấng Kitô. Bấy giờ các nhà chiêm tinh mở bảo tráp, lấy vàng, nhũ hương và mộc dược mà dâng tiến. Sau đó, các người chăn chiên trở về với đàn vật của mình, vừa đi vừa tôn vinh ca tụng Thiên Chúa. Còn các nhà chiêm tinh nghỉ lại bên hang súc vật cùng với Hài Nhi. Đêm ấy, họ được thiên thần báo mộng là đừng trở lại gặp vua Hêrôđê nữa, nên người ngư dân đã dẫn họ qua bờ bên kia theo ngã Bêtania mà về xứ mình. Quả là ngôi sao hy vọng đã không làm họ phải thất vọng.

• Những người lữ hành hy vọng

Người ta thường gọi các chiêm tinh gia này bằng một cái tên khác: các ẩn sĩ. Theo từ điển tiếng Việt, ẩn sĩ là “những người có học, có tài nhưng thích sống ẩn dật, do thời thế hoặc do bản tính”.²² Trong tiếng Anh, từ này được gọi là recluse,

²² Nguyễn Như Ý (Chủ Biên), Đại Từ Điển Tiếng Việt, Nxb. Đại Học Quốc Gia TP. HCM, 2008, tr.47.

nghĩa là một người thích sống đơn độc, xa lánh thế sự.²³ Như vậy, ẩn sĩ có thể được hiểu là người yêu mến lối sống cô độc để rèn trí, tu thân. Việc này khiến ta liên tưởng đến hình ảnh người Đan sĩ với đời sống Đan tu - một hình thức tu trì đã thấm nhập vào Kitô giáo từ rất sớm. Như các ẩn sĩ lên đường tìm kiếm “Vua Dân Do thái”, những người theo đuổi lối sống Đan tu cũng đang trên hành trình kiếm tìm Thiên Chúa.

Các Đan sĩ, cũng giống như hết thảy thế nhân: vì đang ở trong trần gian nên có thể bị những lo toan về lợi lộc và tiền của, những hoang mang trước vấn đề sự dữ hay tội kéo trăm chiều của ma quỷ tác động (x. Mt 13,18-22). Đồng thời, các Đan sĩ cũng giống như tất cả mọi người: vì là những tạo vật đặc biệt của Thiên Chúa nên đã được Người phú vào trong linh hồn lòng khao khát nhận biết Người cách mãnh liệt.²⁴ Sự khác biệt nằm ở chỗ: giữa lúc nhân loại đang chìm đắm trong giấc ngủ của mê muội do những tác động trên ru đưa thì các Đan sĩ lại biết tỉnh thức để lắng nghe một giọng nói vang vọng nơi trái tim. Tiếng ấy không bon chen hối hả như hỗn âm của phố phường, không ồn ào khích động như âm thanh của mạng xã hội, nhưng ngân nga thình lạng và thông truyền một cảm thức an bình tĩnh tại mà chẳng một loại tiếng nói nào khác có thể mang lại. Đó quả là một sức hút âm thầm nhưng mạnh mẽ luôn mời gọi những ai đã nghe thấy hãy

²³ x. Joanna Turnbull (Managing Editor), Oxford Advanced Learner's Dictionary, 2010, p.1270

²⁴ x. GLHTCG, số 27.

khám phá và chìm sâu vào thực tại thánh thiêng này. Hành trình hướng về Thiên Chúa của những tâm hồn nhạy bén đó đã khởi đầu như thế với hy vọng được diện kiến Đấng phát ra tiếng ấy.

Đây không luôn luôn là một lộ trình suôn sẻ. Có lúc những người Đan sĩ ngây ngất trong hạnh phúc vì thấy mình đang ở trên một ngọn núi rất cao của sự sống sáng đạo đức ngõ như đã chạm tới Thiên Chúa. Có những chặng đường thuận lợi, thẳng tắp và bằng phẳng như bước đi trên một đồng bằng trải thảm cỏ êm dịu. Đó là khi Thiên Chúa đang nâng niu bước chân họ bằng ân sủng của Người. Nhưng cũng có lúc những người Đan sĩ rớt xuống một thung lũng thăm thẳm, u tối dày đặc tưởng như chẳng còn nghe thấy tiếng Chúa. Có những chặng đường chông chênh, mấp mô và gồ ghề tựa như leo qua các cồn cát lạnh lẽo khô khốc của đêm sa mạc. Đó là khi Thiên Chúa đang để họ ở đó, loay hoay xoay sở với những thử thách trước nhan Người, để cắt tĩa họ khỏi những dính bén của ham muốn vật chất và đam mê tội lỗi, cũng để khơi dậy khao khát của họ hướng về Người được trở dậy mãnh liệt hơn.

Đây là một lộ trình hướng đến Sự Thiện Tuyệt Đối (x. *1Pr 1,16*) nên chắc chắn sẽ phải chống chọi với những tên ghét bỏ thánh thiện, đó là ba thù. Thổ phỉ biểu trưng cho xác thịt. Đó là một tên hung hãn và đột kích cơ hội. Hẳn xuất hiện ngay khi người ta quyết định làm điều thiện, ra sức chiến đấu chống lại quyết định này và đã nhiều lần thắng thế (x. Rm

7,14-23), khiến vị Tông đồ dân ngoại đang khi bị tính xác thịt giam hãm đã phải kêu lên: *“Tôi thật là một người khốn nạn. Ai sẽ giải thoát tôi khỏi thân xác phải chết này?”* (Rm 7,24) Các sắc dân thiếu thân thiện biểu trưng cho thế gian. Vì đối nghịch với sự thật nên thế gian khước từ Ngôi Lời là Chân Lý (x. Ga 1,9-11) và cũng ghét bỏ, bách hại những ai vì bước theo Chân Lý mà tách khỏi nó (x. Ga 15,18-21). Dã thú sẵn mồi biểu trưng cho Satan - kẻ cầm đầu của bộ ba này, vì được trao quyền hành trên thế gian (x. Lc 4,6) và được tác động lên xác thịt con người (x. G 2,5-6). Chúng *“như sư tử gầm thét, rảo quanh tìm mồi cắn xé”*. (1Pr 5,8) Làm sao người phạm tội thân có thể đương đầu với những thế lực vô hình lớn mạnh như thế?

Có ba yếu tố luôn gắn liền với lộ trình của các nhà chiêm tinh, và do đó cũng gắn liền với các Đan sĩ, giúp họ chiến thắng ba thù, đó là: màn đêm thịnh lặng, cộng đoàn tính và ngôi sao hy vọng. Màn đêm thịnh lặng biểu trưng cho Chúa Thánh Thần - Đấng giải thoát ta khỏi tính xác thịt. Người hiện hữu từ khởi thủy và bao trùm “Vực Thẳm” khôn dò khôn thấu của Mầu Nhiệm Thiên Chúa bằng bóng tối thịnh lặng thần linh (x. St 1,2) hợp như lời thánh vương Đavít đã được mặc khải khi nói: *“Mây u ám bao phủ quanh người”* (Tv 97,2). Giờ đây, màn đêm Thần Khí cũng bao quanh các lễ khách để thánh hóa họ khỏi bị tính xác thịt chi phối và đổi mới họ (x. Rm 8, 9-11). Trong hành trình này, ta chỉ đơn giản

là mở lòng ra trước tác động của Thần Khí.²⁵ Các lữ khách không lên đường vào ban ngày vì họ không thể nhìn thấy ngôi sao. Cũng vậy, không có sự phủ bóng và dẫn dắt của Chúa Thánh Thần, con người không thể nhìn thấy ánh sáng của Đức Kitô. Chính Thánh Thần sẽ đưa người Đan sĩ nói riêng và tất cả những ai tìm kiếm Thiên Chúa nói chung đi vào sự khao khát thình lạng cả bên ngoài thể lý lẫn bên trong tâm hồn, vì chỉ trong thình lạng, họ mới gặp thấy Thiên Chúa.

Kể đến, khi quay trở lại để nhìn ngắm hình ảnh các nhà chiêm tinh - những ẩn sĩ, ta thấy điều đáng ngạc nhiên là dù nhấn mạnh khía cạnh cô tịch, song những người cùng chung chí hướng này lại sống thành tập thể, vì Kinh Thánh đề cập đến họ như một nhóm đi cùng nhau. Nhờ đó, họ có đủ sức mạnh đương đầu với các sắc dân hiếu chiến. Cũng vậy, trong tu trào Đan tu, mặc dù đan có nghĩa là đơn, là một, nhưng thánh phụ Biển Đức đặc biệt chú trọng việc quy tụ các Đan sĩ thành một cộng đoàn sống dưới một Tu luật và một Viện phụ, như thể một Hội Thánh thu nhỏ, hầu có thể lữ hành giữa thế gian đầy thù nghịch và chống đối.²⁶ Hội Thánh vì phát xuất từ kế hoạch của Chúa Cha, được thiết lập bởi Chúa Kitô, và được tỏ hiện bởi Chúa Thánh Thần²⁷, nghĩa là có nền tảng nơi Thiên Chúa Vĩnh Cửu, nên Hội Thánh không thể bị lay chuyển bởi bất cứ sức mạnh thế gian nào. Cũng vậy, tu trào

²⁵ Allan F. Wright (Lm. Montfort Phạm Quốc Huyền O.Cist chuyển ngữ), 25 Câu Hỏi Của Tin Mừng Làm Thay Đổi Cuộc Đời, Nxb. Đồng Nai, 2019, tr.99).

²⁶ x. CĐ Vaticanô II, Hiến chế mục vụ Gaudium et Spes, 20.

²⁷ x. GLHTCG, số 759-768.

Đan tu giữa lòng Hội Thánh vì được triển nở trong ý định của Thiên Chúa nên sẽ không bao giờ tàn lụi trước những vùi dập của thế gian. Do đó, trong hành trình này, người Đan sĩ vững vàng bởi biết mình không đơn độc, vì họ ở trong một cộng đoàn Đan tu, và cộng đoàn Đan tu lại ở trong Hội Thánh.

Sau cùng, vì sao lạ biểu trưng cho Đức Kitô. Trong toàn bộ lịch sử của mình, con người dù là một thụ tạo trời vượt về mọi mặt, nhưng xét cho cùng vẫn là những kẻ tội nghiệp vì luôn phải mò mẫm trong việc nhận biết Thiên Chúa. Họ khao khát một con đường cứu độ đưa họ đến sự sống vĩnh cửu sau khi vượt qua sự chết, nhưng chẳng tìm ra. Sự xuất hiện của Đức Kitô như ánh sáng rạng ngời chiếu dọi vào thế gian. Người mạc khải cho họ khuôn mặt đích thực của Thiên Chúa: một Thiên Chúa không phải chỉ thưởng phạt công minh như một quan tòa nghiêm khắc, nhưng còn đầy lòng xót thương; một Thiên Chúa không chỉ ở trên cao để phán xét, nhưng còn cúi xuống tận thân phận thấp hèn của con người để đồng cảm với họ về mọi mặt; một Thiên Chúa không chỉ một mình ẩn khuất sau mây mù, nhưng đã trở nên một Con Người sống công khai giữa con người. Qua các màu nhiệm trong cuộc đời mình, Người đã mạc khải cho thế gian con đường đưa tới ơn cứu độ. Người đã chết vì tội lỗi nhân loại nhưng đã phục sinh để đánh bại Satan. Nhờ chiến thắng của Người, quyền lực ác thần bị đẩy lui (x. Ep 2,1-6) để những ai đã ngược nhìn và bước theo ánh sáng của Người cũng được *“nhận lãnh niềm hy vọng sống động”* (1Pr 1,3). Vì *“đã được trao toàn quyền*

trên trời dưới đất” (Mt 28,18) nên Người có thể bảo vệ những ai đến nương ẩn nơi Người khỏi sự thống trị của ma quỷ, để họ cùng có thể hát lên bài ca chiến thắng sau đây:

*“Thiên Chúa chúng ta thờ
 giờ đây ban ơn cứu độ,
 giờ đây biểu dương uy lực với vương quyền,
 và Đức Kitô của Người
 giờ đây cũng biểu dương quyền bính,
 vì Satan kẻ tố cáo anh em của ta,
 ngày đêm tố cáo họ trước toà Thiên Chúa,
 nay bị tống ra ngoài.
 Họ đã thắng được nó nhờ máu Con Chiên
 và nhờ lời họ làm chứng về Đức Kitô:
 họ coi thường tính mạng,
 sẵn sàng chịu chết.
 Nào thiên quốc cùng chư vị ở chốn thiên đình,
 hãy vì đó mà mừng vui hoan hỷ!”* (Kh 12,10-12)

Nhờ Thần Khí hướng dẫn, với sự đồng hành của Giáo hội, trong niềm hy vọng đặt nơi Đức Kitô - Đấng đã đi trước mở đường, chúng ta có thể trung thành với con đường Người đã đi, hướng về cuộc hạnh ngộ với Thiên Chúa.

Sau khi đã chiêm ngưỡng và trải nghiệm một Thiên Chúa nhiệm mầu như thế thì chúng ta - những người lữ hành trên đường hy vọng - sẽ mở bảo tráp của mình ra để dâng lên Người ba báu vật quý giá nhất mà chính Người đã tặng ban cho ta, đó là lý trí, ý chí và tự do. Cả ba quy phục trước tình yêu Thiên Chúa và cả ba theo đuổi một mục tiêu duy nhất là đáp lại tình yêu đó. Từ đây chúng ta sẽ cảm nếm Thiên Chúa không phải bằng con đường cũ: con đường của những gì là khả giác, cảm xúc, nhất thời hay thay đổi, nhưng bằng con đường của một Đan sĩ đích thực - con đường của chiêm niệm.



SỐNG HY VỌNG BƯỚC THEO ĐỨC KITÔ LÀM CHỨNG GIỮA ĐỜI

Thính sinh Đaminh Vũ Văn Ánh

Ai cũng khao khát hạnh phúc. Thế nhưng, không ít lần người ta chỉ mãi mê đuổi theo những ảo ảnh của hạnh phúc. Ai cũng hiểu rằng tiền tài, danh vọng hay lạc thú trần thế tự nó không phải là hạnh phúc, và nhiều khi, chúng còn để lại những huyệt hắc sâu xa trong tâm hồn. Hạnh phúc không phải là một đích đến, nhưng là một hướng đi. Chỉ khi bước đi đúng hướng, con người mới thực sự cảm nếm được hạnh phúc đích thực.

Là Kitô hữu, chúng ta được mời gọi bước đi trên con đường ấy - con đường của Đức Giêsu Kitô, Đấng là Đường, là Sự Thật và là Sự Sống. Chính Người là nguồn hạnh phúc, là suối ngọt bình an cho những ai tin tưởng và bước theo Người. Trong Năm thánh 2025 này, Năm thánh Hy vọng chúng ta được mời gọi bước đi trong hướng ấy để dần dần được trở thành những chứng tá sống động của niềm hy vọng cho thế giới hôm nay.

1. Trở nên chứng tá qua đời sống cầu nguyện

Từ tận sâu thẳm tâm hồn, con người luôn khát khao và không ngừng đi tìm Thiên Chúa. Cầu nguyện dù dưới bất kỳ hình thức nào cũng chính là hơi thở của tâm hồn. Người ta có thể giam hãm thân xác, khóa chặt đôi môi, nhưng không

ai có thể ngăn cản con người cầu nguyện. Bởi lẽ, cầu nguyện là dòng nhựa sống nuôi dưỡng linh hồn. Dù thân xác có thể rã rời vì bệnh tật, đớn đau hay bạo lực, thì lời cầu nguyện vẫn là sợi dây nối kết tâm hồn với Thiên Chúa, mang lại sức mạnh để vượt qua mọi thử thách, thậm chí cả cái chết.

Cầu nguyện là tình yêu, là sức mạnh, là khí giới thiêng liêng giúp ta đứng vững trước cám dỗ và thử thách. Chính Đức Giêsu Kitô đã nhắn nhủ: *“Anh em hãy cầu nguyện kéo sa chước cám dỗ”* (Mt 26,41).

Đừng ai trong chúng ta xem nhẹ việc đọc kinh hằng ngày, đặc biệt là Kinh Lạy Cha, lời kinh mà chính Chúa Giêsu đã dạy các Tông Đồ khi các ngài thừa với Người: *“Thưa Thầy, xin dạy chúng con cầu nguyện”* (Lc 11,1). Và Chúa đáp: *“Khi anh em cầu nguyện, hãy nói: Lạy Cha chúng con ở trên trời...”* (Mt 6,9).

Chúa dạy chúng ta cầu nguyện để dẫn chúng ta vào một cuộc gặp gỡ, nơi con người được thổ lộ tâm tình với Thiên Chúa như một người con thân thưa với người Cha đầy yêu thương. Chúa Giêsu nói: *“Khi cầu nguyện, anh em hãy vào phòng, đóng cửa lại và cầu nguyện với Cha của anh em, Đấng hiện diện nơi kín đáo. Và Cha của anh em, Đấng thấu suốt những gì kín đáo, sẽ thưởng công cho anh em”* (Mt 6,6). Cầu nguyện không hệ tại ở hình thức, mà cốt ở tâm tình. Điều quan trọng không phải là chúng ta nói gì, mà là chúng ta dám mở lòng ra với Cha và để Người yêu thương chạm đến.

Chỉ khi chúng ta được kết hợp mật thiết với Chúa, đời sống chúng ta mới có một chỗ dựa thật sự vững chắc và an toàn. Và chính trong cầu nguyện, mối liên kết ấy được hình thành và nuôi dưỡng.

Chúa Giêsu là mẫu gương tuyệt vời nhất về đời sống cầu nguyện. Trong mọi hoàn cảnh, Người luôn hướng lòng cầu nguyện của mình về Chúa Cha, và luôn gắn liền với tình yêu dành cho nhân loại. Trong cơn hấp hối tại vườn Cây Dầu, Người thưa: *“Lạy Cha, nếu có thể, xin cất chén này khỏi con, nhưng xin đừng theo ý con, mà xin vâng theo ý Cha”* (Mt 26,39). Trên thập giá, Người vẫn không ngừng yêu thương: *“Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm”* (Lc 23,34).

Dù ở bất cứ nơi đâu, vào bất cứ lúc nào, chúng ta cũng được mời gọi cầu nguyện. Những lời cầu nguyện đơn sơ, ngắn gọn nhưng chân thành vẫn luôn có giá trị trước mặt Thiên Chúa. Chính Chúa Giêsu đã quả quyết: *“Thầy bảo thật anh em: cứ xin thì sẽ được, cứ tìm thì sẽ thấy, cứ gõ thì sẽ mở cho”* (Mt 7,7).

• Trở nên chứng tá bằng tình yêu hy sinh

Cái chết của Đức Kitô là cái chết của một người vì tất cả mọi người. Đó là tình yêu tự hiến trọn vẹn, là hy sinh cao cả của một người sống và chết vì phần rỗi của nhân loại.

Chiêm ngắm Đức Kitô chịu đóng đinh, chúng ta khám phá ra chân lý sâu xa về chính mình: Con người chỉ thực sự

là người khi biết sống cho tha nhân. Càng sống vì người khác, con người càng tìm lại được căn tính và phẩm giá sâu thẳm của mình. Càng mở lòng ra để chia sẻ, chúng ta càng trở nên phong phú và tự do.

Chia sẻ không chỉ là của cải, thời gian hay niềm vui, mà còn là những điều tưởng chừng nghịch lý: nỗi đau, sự mất mát, những hy sinh âm thầm không tên... Tất cả đều có thể trở thành quà tặng mang lại sự sống cho người khác, nếu được kết hợp với hy lễ của Đức Kitô.

Hy sinh âm thầm là khi ta đón nhận đau khổ mà không than trách, không phàn nàn, nhưng vẫn giữ được nét vui tươi trên gương mặt và tinh thần lạc quan trong tâm hồn. Mỗi hy sinh nhỏ bé, mỗi âm thầm phục vụ trong từng ngày sống, nếu được dâng lên như lời cầu nguyện cho chính mình và cho tha nhân, thì đó chính là một trong những hình thức chia sẻ cao quý nhất, bởi chỉ mình Thiên Chúa mới thấu suốt và trân trọng giá trị của sự hy sinh ấy.

Mẹ Têrêsa Calcutta từng nói: *“Khi tôi chia sẻ, khi tôi trao ban điều gì khiến tôi cảm thấy mất mát hay đau đớn, thì sự chia sẻ ấy mới có giá trị. Tôi không trao ban từ sự dư thừa, mà là trao ban chính con người tôi”*. Cũng vậy, khi tôi cố gắng mỉm cười chào hỏi người mà tôi không ưa, đó mới là hành động bác ái thực sự. Khi tôi đủ can đảm đưa tay ra giao hòa với người từng làm tổn thương tôi, khi tôi có thể tha thứ cho kẻ xúc phạm đến mình, thì lúc đó tôi thật sự đang sống bác ái.

Mỗi lần như thế, tôi đang “chết đi một phần” trong cái tôi ích kỷ, tự ái, và chính cái chết nhỏ bé ấy, nếu được dâng lên với tình yêu, sẽ được Thiên Chúa của lòng xót thương đón nhận như một lễ hy sinh tinh tuyền.

“Không có tình yêu nào cao cả hơn tình yêu của người hy sinh mạng sống vì bạn hữu mình” (Ga 15,13). Chúa Giêsu đã công bố điều ấy và chính Người đã đi đến tận cùng của lời cam kết ấy bằng cái chết trên thập giá.

Chúa Giêsu không muốn tình yêu tự hiến của Người chỉ dừng lại nơi thập giá, nhưng được tiếp nối và lan tỏa trong cuộc sống của mỗi Kitô hữu. Tình yêu hy sinh ấy vẫn tiếp tục được tái hiện qua từng hành vi dẫn thân, từng chọn lựa phục vụ, từng hy sinh thầm lặng trong đời thường của biết bao người con Chúa. Suốt dòng chảy lịch sử Giáo hội, đã có không biết bao nhiêu tâm hồn dám sống và chết để minh chứng cho tình yêu ấy.

Và hôm nay, ngay giữa lòng thế giới đang đầy dẫy ích kỷ và khép kín, vẫn có biết bao người lặng lẽ “tái diễn” cái chết của Đức Kitô qua những hy sinh nhỏ bé, những từ bỏ âm thầm, những chọn lựa vì tình yêu. Họ là chứng nhân sống động của một tình yêu không bao giờ tắt.

• Trở nên chứng tá qua các hoạt động

Hoạt động là một phần thiết yếu trong đời sống con người. Thế giới chỉ trở nên tốt đẹp hơn khi có những hoạt động hướng thiện. Thế nhưng, đáng buồn thay, cũng có biết

bao hoạt động bị lạm dụng cho những mục đích bất chính, phi nhân - nhằm thỏa mãn dục vọng, khoái lạc, và những ham muốn thấp hèn của tính xác thịt. Những hoạt động ấy khiến con người rơi vào bất an, đau khổ, chết chóc, chia rẽ và tuyệt vọng.

Thế giới không thiếu những hoạt động được nhắc đến thường xuyên như chiến tranh, khủng bố, bạo lực... Nhưng bên cạnh đó, còn biết bao hoạt động ngấm ngầm khác cũng đang góp phần đẩy nhân loại vào vòng xoáy của bất hạnh.

Giữa một thế giới như thế, chúng ta những người Kitô hữu, những người của niềm hy vọng được mời gọi sống trong hy vọng, cho hy vọng và vì hy vọng. Từng việc làm, từng nghĩa cử yêu thương, từng nỗ lực nhỏ bé của chúng ta đều có thể trở thành tia sáng hy vọng len lỏi vào mọi ngõ ngách của thế giới tối tăm.

Ước gì qua những hoạt động đầy yêu thương và chân thành, chúng ta góp phần biến đổi thế giới: để nỗi đau được chữa lành, tuyệt vọng được thay thế bằng niềm vui, chia rẽ được nối kết bằng sự hiệp nhất trong nguồn mạch hy vọng phát xuất từ Đức Kitô, Đấng đã chết và sống lại để trao ban cho nhân loại một tương lai không hề tàn lụi.

Hoạt động không nhất thiết đòi chúng ta phải làm những việc lớn lao hay phi thường, nhưng là sống trọn vẹn bốn phận được giao với tinh thần trách nhiệm và một tình

yêu lớn lao. Chính khi đó, chúng ta đang mang Đức Giêsu Kitô, nguồn mạch của niềm hy vọng đến cho mọi người.

Cha mẹ và con cái có thể mang hy vọng vào trong gia đình qua sự cảm thông, nâng đỡ và tha thứ. Các em học sinh mang hy vọng đến lớp học qua nỗ lực học hành và tấm lòng hiếu thảo. Người nông dân, công nhân đem hy vọng vào cánh đồng, xưởng máy bằng lao động lương thiện và tận tâm. Các Đan sĩ trao gửi hy vọng qua từng giờ kinh nguyện và đời sống thầm lặng hy sinh. Các linh mục, giám mục mang hy vọng đến các giáo xứ, giáo phận qua việc chăm sóc mục vụ, lắng nghe và dẫn thân phục vụ đoàn chiên.

Mỗi người, trong ơn gọi và hoàn cảnh sống riêng, đều có thể trở nên người gieo rắc hy vọng. Chúng ta hãy để cho chính niềm hy vọng ấy lôi cuốn và thúc đẩy chúng ta bước đi. Và khi chúng ta để cho hy vọng sống trong mình, nó sẽ tự nhiên lan tỏa đến những ai đang khao khát niềm hy vọng để tiếp tục bước tiếp trong cuộc đời.

• Trở nên chiếc phao hy vọng cho tha nhân

Giữa sa mạc cằn cỗi, một cụm cỏ xanh hay một cánh hoa dại nhỏ bé cũng đủ trở thành cả bầu trời hy vọng cho người lạc lối. Giữa sa mạc nắng cháy, tiếng róc rách của một dòng suối cũng có thể mang lại niềm vui sống cho những ai đang đói khát. Cũng vậy, giữa một xã hội đang khô héo tình người, nơi các giá trị đạo đức và tinh thần dần bị bóp nghẹt bởi ích

kỷ và hưởng thụ, thì chúng tá sống động của người Kitô hữu trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Giữa biển đời mịt mù, nơi có biết bao con người đang chới vói trong thất vọng và lầm lạc, họ đang cần một chiếc phao. Chiếc phao ấy có thể là một lời chân thành, một nghĩa cử tha thứ, một hành động hy sinh không toan tính, một tình yêu không điều kiện.

Chúng ta phải sống thế nào để người ta có thể nói: “Niềm tin vào cuộc sống và ý nghĩa của kiếp người vẫn còn cháy sáng giữa lòng xã hội hôm nay”.

Chúng ta phải sống thế nào để người ta có thể cảm nhận: “Thiên Chúa vẫn đang yêu thương con người qua từng ánh mắt, từng bàn tay, từng nghĩa cử nhỏ bé của chúng ta”.

Và hơn hết, chúng ta phải sống thế nào để người ta có thể thốt lên: “Con người vẫn có thể yêu thương nhau, và sống cho nhau như Đức Kitô đã sống và yêu thương chúng ta”.



CHƯƠNG IV: CÙNG ĐÍCH VINH QUANG CỦA NIỀM HY VỌNG

LỜI NGUYỆN CẬY TRÔNG

Châu Sơn

*Con quỳ bên Thánh Giá
Hồn thao thức nguyện cầu
Đời sao lắm lo âu
Xin giúp con tin thác*

*Điều con hằng khao khát
Nghịệm thấy Chúa kề bên
Ngay giữa biển ưu phiền
Ngay giữa trần dâu bể*

*Tình thế gian bạc tẻ
Lòng người cứ đổi thay
Đời gian kiếp sống này
Gieo đau thương cay nhọc*

*Biết nơi nao Hạnh Phúc?
Bình An mãi ở đâu?
Con đã thấm mệt sầu
Tựa như Ngài chết được*

*Lữ hành như chèo bước
Mồ hôi giọt xót xa
Đường nên thánh lệ nhòa
Nghe con tìm rướm máu*

*Chiều Canvê đau đầu
Vẹn toàn thánh ý Cha
Yêu thương nguyện thứ tha
Cho những ai lầm lỗi*

*Chấp đôi tay biến đổi
Tim rộn rã yêu người
Theo Tình Thánh mọi nơi
Nguyện một đời Trông Cậy.*



"Ta yêu con bằng tình yêu muôn thuở
nên Ta vẫn dành cho con lòng xót thương"

(Gr 31,3).

NIỀM HY VỌNG HƯỞNG VINH QUANG THIÊN CHÚA KHÔNG BAO GIỜ LÀ ẢO VỌNG

Giuse Vũ Hỷ

Có những thời điểm trong cuộc đời, tôi đã tự hỏi: Có đáng để hy vọng không? Khi thế giới này đầy dẫy bất công, khi tôi thấy lời cầu nguyện của mình tưởng như rơi vào khoảng không im lặng, khi bóng tối dường như bao trùm lấy tôi... Chính trong những giây phút đó, Lời Chúa trong thư Rôma lại vang vọng trong tâm hồn tôi như một lời đáp từ chắc nịch rằng: *“Niềm hy vọng sẽ không làm chúng ta thất vọng”*. Câu đó như một ánh sáng nhỏ nhưng kiên định, soi rọi qua những đám mây u ám nhất trong lòng tôi. Nó nhắc tôi rằng: niềm hy vọng nơi Thiên Chúa không bao giờ là điều hão huyền, không phải kiểu lạc quan mù quáng hay ảo tưởng để ru ngủ bản thân, mà là một bảo đảm thiêng liêng, *vì được đặt trên nền tảng của đức tin và được nuôi dưỡng bởi đức ái*²⁸.

1. Đức tin - nền móng vững chắc của niềm hy vọng

Khi tôi đối diện với những sóng gió cuộc đời, niềm hy vọng trong tôi rất dễ lung lay, có lẽ vì đức tin của tôi chưa vững. Tôi không thể hy vọng nếu tôi không tin, nếu tôi không tin rằng Chúa yêu tôi, rằng Chúa đã chết và sống lại vì tôi làm sao tôi có thể hy vọng vào sự sống đời đời? Chính nhờ đức

²⁸ x. Đức Giáo Hoàng Phanxicô, *Sắc chỉ Spes Non Confundit*, số 3.

tin mà tôi nhận ra Chúa là Đấng trung tín và tôi có thể phó thác mọi sự trong tay Ngài.

Tôi từng trải qua những giai đoạn tăm tối, tôi cảm thấy như mình mất phương hướng. Những dự định dang dở, những người thân lần lượt ra đi, những lời cầu nguyện của tôi dường như bị rơi vào quên lãng hay có lúc tôi cảm thấy mình không còn giá trị gì. Những lúc ấy tôi chỉ muốn buông xuôi. Tuy tôi vẫn đến nhà thờ, vẫn đọc kinh, nhưng lòng thì cạn kiệt. Có lẽ Thiên Chúa không để tôi mãi chìm đắm trong thất vọng nên Ngài âm thầm gửi đến tôi một ánh sáng nhỏ - có thể là một câu Lời Chúa, một người bạn đồng hành, một lời động viên bất ngờ, hay chỉ đơn giản là một khoảng tĩnh lặng sâu thẳm trong lúc cầu nguyện mà tôi cảm nhận được Ngài vẫn đang ở cạnh tôi. Chính trong những lúc đó, đức tin của tôi được củng cố và ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn. Chính đức tin giúp tôi kiên trì khi lời cầu nguyện chưa được đáp lại. Chính đức tin cho tôi sức mạnh để tiếp tục yêu thương, tha thứ, và bước tới, dù tôi thấy mình chẳng có gì trong tay. Và chính nhờ đức tin ấy, niềm hy vọng của tôi vẫn đứng vững trước những giông bão cuộc đời.

Trải qua những thăng trầm cuộc sống, tôi hiểu ra rằng Đức tin lớn lên không phải trong những lúc dễ dàng mà trong những thử thách. Một khi đức tin lớn lên, hy vọng cũng lớn lên theo. Mỗi lần tôi chọn đứng vững giữa sóng gió là một lần tôi xây nền móng cho niềm hy vọng. Mỗi lần tôi không để cho thất vọng đánh gục mình mà chọn quay về với Chúa, là một

lần tôi đặt viên đá vững chắc vào Ngài - Đấng đã yêu tôi. Nhờ vậy mà đức tin của tôi cứ lớn dần lên từng ngày để ngay cả khi tôi không thấy tôi vẫn tin tưởng; để ngay cả khi tôi không hiểu tôi vẫn phó thác; để ngay cả khi tôi cảm thấy lạc lõng, tôi vẫn biết rằng Chúa đang nắm chặt tay tôi và dẫn tôi đi. Và tôi nhận ra rằng hy vọng của tôi không đặt trên những điều chóng qua, nhưng trên chính Thiên Chúa - Đấng Hằng Hữu.

• Đức ái - nuôi dưỡng hy vọng

Nếu đức tin là nền móng, thì đức ái chính là dưỡng chất nuôi lớn niềm hy vọng, là máu chảy trong mạch sống thiêng liêng của người Kitô hữu. Có những lúc tôi tin Chúa, nhưng vẫn thấy lạnh lẽo, cô đơn, trống vắng trong lòng. Và khi tôi bắt đầu mở lòng ra với người khác, bắt đầu yêu thương, tha thứ, giúp đỡ,... tôi mới thấy hy vọng như bừng sáng trở lại, không phải bằng lời rao giảng mà bằng những hành động âm thầm, nhỏ bé. Chính tình yêu đối với tha nhân, đặc biệt là những người khốn cùng, bị bỏ rơi, cô đơn sẽ giúp niềm hy vọng không trở nên trừu tượng, mà hiện diện một cách cụ thể, hữu hình giữa cuộc đời, là điều mà tôi có thể cảm nhận, trao tặng và nhận lấy mỗi ngày.

Mỗi việc bác ái tôi làm - một lời hỏi thăm, một lần tha thứ, một hành động giúp đỡ ai đó hay mỗi hy sinh âm thầm tôi dâng cho Chúa - chính là chất xúc tác làm cho niềm hy vọng trong tôi triển nở. Tôi không chỉ hy vọng cho riêng mình, mà còn gieo mầm hy vọng cho người khác. Và khi tôi

trao đi yêu thương, tôi cũng đang nhận về sức mạnh chữa lành cho chính mình.

Có những ngày tôi mệt mỏi, nhưng khi nhìn thấy một ánh mắt biết ơn, một nụ cười từ người mình giúp đỡ, tôi như được tiếp thêm sức mạnh. Khi tôi quên mình để yêu thương, tôi lại tìm thấy chính mình. Khi tôi chăm chú vào nỗi đau của người khác, nỗi đau của tôi cũng dịu lại.

Chính lúc đó tôi thấm thía lời Thánh Phaolô: *“Đức tin, đức cậy, và đức mến cả ba đều tồn tại. Nhưng cao trọng hơn cả là đức mến”* (1Cr 13,13). Vì chính trong đức mến, hy vọng không còn chỉ là điều tôi chờ đợi, mà trở thành điều tôi sống và chia sẻ từng ngày.

Niềm hy vọng hưởng vinh quang Thiên Chúa không phải là ảo ảnh của tâm trí yếu đuối. Đó là điều ta có thể nắm giữ ngay giữa đời thường, trong từng nghĩa cử bác ái. Chính trong từng cái ôm trao cho người đau khổ, trong từng giọt nước mắt chia sẻ với người cô đơn, trong từng nhịp tim dẫn thân vì tha nhân - tôi đã thấy vinh quang Thiên Chúa lộ rạng.

• Sống niềm hy vọng

Hôm nay, tôi được mời gọi trở thành chứng nhân của niềm hy vọng giữa thế giới này, không bằng lời rao giảng hùng hồn, mà bằng chính đời sống âm thầm, trung tín, và yêu thương. Khi tôi tha thứ thay vì oán trách, khi tôi trung thành dù không ai thấy, khi tôi tiếp tục phục vụ dù chẳng được công nhận, tôi đang tuyên xưng một niềm hy vọng: rằng Thiên

Chúa thấy, rằng Nước Trời thật sự hiện hữu, và rằng mỗi hy sinh nhỏ bé đều có giá trị đời đời.

Tôi chọn tiếp tục bước đi, dù đường có dài, dù tôi vẫn còn ngã quỵ, vì tôi biết ai đang chờ tôi ở cuối hành trình. Tôi học cách sống như người hành hương, biết mình chưa đến đích, nhưng không ngừng bước tới. Tôi tập sống với đôi mắt hướng về Trời, nhưng đôi tay luôn sẵn sàng để yêu thương trên mặt đất.

Nếu hôm nay có ai hỏi tôi: *“Bạn còn hy vọng không, trong một thế giới hỗn loạn và đầy đau thương thế này?”*. Tôi sẽ mỉm cười và nói: *“Có, tôi sẽ luôn hy vọng”*.

Tôi hy vọng - không phải vì tôi mạnh, mà vì tôi biết tôi thuộc về Đấng không bao giờ bỏ rơi tôi.

Tôi hy vọng - vì tôi biết vinh quang Thiên Chúa vượt quá mọi nỗi đau tạm thời.

Tôi hy vọng - vì tình yêu Thiên Chúa vẫn đang sống và hành động trong lòng tôi.

Tôi hy vọng - vì có quá nhiều người ngoài kia cần một lời khích lệ, một bàn tay nắm lấy, và tôi có thể là người mang hy vọng đó đến cho họ.

Và tôi tin Chắc rằng: Niềm hy vọng hưởng vinh quang Thiên Chúa sẽ không làm tôi thất vọng, vì đặt nền tảng trên đức tin, và được nuôi dưỡng bởi đức ái. Vì thế, niềm hy vọng tôi mang không phải là ảo ảnh, mà là ánh sáng vững chắc soi

bước tôi đi - giữa đêm tối, giữa thung lũng lệ sầu, cho đến khi
tôi được diện kiến Thiên Chúa trong vinh quang của Người.



HẠNH PHÚC ĐƯỢC HIỆP THÔNG VỚI THIÊN CHÚA TÌNH YÊU

Thính sinh Antôn Nguyễn Phi Hiếu

Chắc hắc mỗi con người sinh ra và lớn lên đều mang trong mình đầy ước mơ, hoài bão và hy vọng. Hy vọng đó là gì tùy thuộc vào việc đối với họ, điều gì là quan trọng nhất. Có bao giờ bạn tự hỏi: là một Kitô hữu, đâu là niềm hy vọng cao cả và lớn lao nhất định hướng toàn bộ cuộc sống của tôi?

1. Ôn gọi và hy vọng của Kitô hữu

Theo sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo: *“Con người có khả năng nhận biết Thiên Chúa. Sự ao ước Thiên Chúa đã được ghi sâu trong tâm hồn con người vốn được sáng tạo bởi Thiên Chúa và cho Thiên Chúa. Thiên Chúa không ngừng lôi kéo con người đến với Ngài, vì chỉ nơi Thiên Chúa, con người mới tìm thấy chân lý và hạnh phúc”*.²⁹ Bằng cách đặt vào bên trong con người khao khát này, Thiên Chúa đã quy hướng con người về phía Ngài là nguồn chân lý và hạnh phúc đích thực. Sách Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo còn thêm rằng: *“Vi được tạo thành giống hình ảnh Thiên Chúa, được kêu gọi nhận biết và yêu mến Ngài, con người khi kiếm tìm Thiên Chúa đã khám phá ra một số con đường đi đến nhận biết*

²⁹ x. GLHTCG, Số 27.

*Ngài. Nhưng không có con đường nào thiết thân với con người cho bằng chính bản thân họ. Với sự cởi mở trước chân lý và cái đẹp, với cảm thức về sự thiện, với sự tự do và tiếng nói lương tâm cũng như với niềm khát vọng về cõi vô biên, con người không thể không đặt ra vấn đề về Thiên Chúa”.*³⁰

Vì vậy, việc kết hợp với Thiên Chúa luôn là ơn gọi chung cho mọi người. Ngay cả khi họ không biết và không nhận ra Ngài là ai thì đó vẫn là khao khát và hy vọng sâu xa trong tiềm thức của mỗi người. Cách riêng đối với chúng ta là những người đã nhận biết Ngài, chúng ta phải xác tín rằng: được hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa - Suối Nguồn của tình yêu và hạnh phúc phải luôn là niềm hy vọng và mục đích sau cùng của ơn gọi làm người, làm Kitô hữu.

2. Từ viễn tượng xa vời đến hiện thực trong tầm tay

Trong sắc chỉ *Spes Non Confundit*, số 21, Đức Thánh Cha Phanxicô cho biết: sự hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa sẽ xảy ra sau khi ta qua đời. Sau cái chết, ta sẽ đến một nơi mà ở đó ta được cùng với Thiên Chúa “diện đối diện”, được chiêm ngưỡng và tham dự vào tình yêu vô biên của Ngài. Những điều ta đang hy vọng trong giây phút này, ngày đó sẽ được nhìn thấy bằng chính đôi mắt của mình, như lời thánh Augustine đã viết: *“Khi con hoàn toàn nên một với Chúa thì sẽ chẳng còn đau đớn, chẳng còn vất vả nữa; đời con sẽ hoàn toàn sống động, hoàn toàn tràn ngập Chúa”.*

³⁰ x. GLHTCG, số 31-33.

Tuy nhiên, lý tưởng “hiệp thông trọn vẹn trong tình yêu với Thiên Chúa sau khi chết” đôi khi khiến ta rơi vào tình trạng hoang mang và thất vọng, bởi vì điều đó đồng nghĩa với việc: khi còn tại thế, ta sẽ không thể thực hiện được điều đó. Quả vậy, vì đang sống giữa thế gian nên thân xác và cả tâm hồn ta nữa, sẽ bị phân tán bởi những nghĩa vụ bình thường của một con người. Về phần xác: khi còn là học sinh, ta cố gắng trau dồi kiến thức cho bản thân làm hành trang bước vào tương lai. Học xong, ta lo làm việc để nuôi thân. Lập gia đình, ta phải chăm lo cho tổ ấm nhỏ của mình. Trong xã hội, ta tìm cách sống hài hòa với mọi người, và còn biết bao mối bận tâm khác mà ta phải chu toàn. Về phần hồn: người Kitô hữu phải đối diện với một thế giới càng đi lên về mọi mặt: kinh tế, công nghệ, quân sự...thì càng đi xuống về đạo đức. Bị điều hướng bởi đầy dẫy những tư tưởng vô thần, con người chạy theo những khoái lạc, tận hưởng những phù phiếm thế gian và bị cuốn vào những vòng xoáy vô độ của đam mê tội lỗi, bởi vì đối với họ: chết là hết. Trong thế giới ấy, các Kitô hữu phải luôn ý thức rằng: những gì mình làm nơi trần thế này, một ngày nào đó sẽ phải trả lễ trước Thiên Chúa. Vì thế, họ phải cố gắng để gìn giữ đức tin của mình, thậm chí chấp nhận chịu thiệt thòi đối với người đời để xa tránh tội lỗi. Tất cả những lo lắng nói trên nhiều khi khiến ta cảm thấy khó khăn trong việc kết hiệp với Thiên Chúa. Hơn nữa, ai có thể chắc chắn rằng sau khi chết ta sẽ được hiệp thông trọn vẹn với Ngài? Bởi lẽ ta còn phải trải qua cuộc Phán xét sau cùng, khi Thiên Chúa tính sổ với các tội tớ Ngài.

Nếu ta là đầy tớ tốt lành thì Thiên Chúa sẽ nói: hãy vào mà hưởng niềm vui của chủ anh. Nhưng nếu ta là tôi tớ xấu xa và lười biếng thì thật bất hạnh: ta sẽ bị ném vào hỏa ngục, nơi mà lửa không hề tắt, nơi mà người ta sẽ phải khóc lóc nguyền rủa.

Những phân tích trên dường như cho ta thấy “hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa” là một viễn tưởng xa vời với thực tế cuộc sống. Nhưng Đức Thánh cha Phanxicô đã đưa điều có vẻ bất khả thi này thành một hiện thực ở ngay trước mắt, trong tầm tay khi ngài chỉ cho ta thấy: đặc điểm chính yếu của sự hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa là hạnh phúc. Thật vậy, như đã nói ở trên: ý của Thiên Chúa là muốn cho con người được thông phần trọn vẹn vào hạnh phúc của Ngài. Do đó, hạnh phúc là ơn gọi, là đích đến cần thiết cho mỗi con người. Hạnh phúc dù là một khái niệm khó định nghĩa nhưng ai ai cũng có thể cảm nhận được trong cuộc sống hằng ngày.

3. Đức ái - hạnh phúc đích thực

Vì sự mê lầm của khái niệm hạnh phúc nên nhiều người có ý nghĩ sai lệch về nó. Trong một xã hội phủ đầy tính thực dụng, người ta cho rằng: càng có nhiều tiền thì càng hạnh phúc, càng sống xa hoa thì càng hạnh phúc. Trong một xã hội ham chuộng hư vinh, người ta tưởng rằng: càng có địa vị cao trong xã hội thì càng hạnh phúc, càng nổi tiếng thì càng hạnh phúc. Và trong một xã hội đề cao chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa khoái lạc, người ta nghĩ rằng: càng chiều theo bản

năng thú tính và thỏa mãn các đam mê dục vọng vô độ của bản thân thì càng hạnh phúc. Có đúng như vậy chẳng? Thưa: thật lầm lạc, vì những tư tưởng và lối sống đó sẽ như một hố đen vũ trụ hút con người vào một vòng xoáy không lối thoát, không điểm dừng, luôn muốn có nhiều thêm nữa, nhưng chẳng những không bao giờ được thỏa mãn mà ngày cảm thấy trống rỗng. Hạnh phúc như thế chỉ là nhất thời, dễ có cũng dễ mất, mau đến cũng chóng đi. Đó không phải là hạnh phúc đích thực và vĩnh cửu.

Ông chủ Làng Mai - Thiền Sư Thích Nhất Hạnh nói về cách để có được hạnh phúc như sau: *“Một người biết nắm chắc chìa khóa niềm vui và hạnh phúc thì họ không chờ đợi người khác làm cho mình vui. Ngược lại, họ có khả năng đem niềm vui đến cho người khác”*. Đức Thánh cha Phanxicô diễn tả tròn đầy ý niệm đó khi cho thấy: hạnh phúc thực sự hiện hữu trong tình yêu. Bạn hãy tưởng tượng: một buổi sáng, sau khi đã ghé vào một cửa hàng mua một chiếc bánh làm bữa điểm tâm, bạn đang trên đường đến công sở. Nhưng đi được một đoạn, bạn gặp một người xin ăn bên lề. Động lòng trắc ẩn, bạn trao cho người ấy bữa sáng của mình. Anh ta nhận lấy, không ngớt lời cảm ơn và ăn một cách ngon lành trước mặt bạn. Tôi tin chắc rằng, ngay lúc ấy, một niềm vui và hạnh phúc đang trào dâng trong bạn và nó sẽ lắng lại trong trái tim bạn suốt cả ngày hôm ấy. Tình yêu chính là hạnh phúc đích thực. Con người cần lương để sống, và họ càng cần tình yêu để hiện hữu. Cả người đón nhận và cho đi tình yêu đều

có được hạnh phúc. Tất cả những ai đang sống đức ái như thế đều ở trong một mối dây liên kết với Thiên Chúa bởi Thánh Gioan đã định nghĩa: *“Thiên Chúa là Tình Yêu”* (1Ga 4,8). Ngài là Suối Nguồn Tình Yêu tuôn đổ xuống từng người trong chúng ta. Khi chúng ta đón nhận và sống tình yêu ấy thì ta nhận lại được cái mà ta gọi là hạnh phúc - thứ hạnh phúc đích thực và vĩnh cửu vì Đấng trao ban tình yêu cho chúng ta là Thiên Chúa đích thực và vĩnh cửu. *“Ai sống trong tình yêu, người ấy sống trong Thiên Chúa”*. (1Ga 4,16). Như vậy, khi sống yêu thương là chúng ta đang sống trong Thiên Chúa, đang hiệp thông với Ngài và sự hiệp thông ấy mang tính trọn vẹn.

Giờ đây, ta có thể mượn lời thánh Tông đồ Phaolô mà nói: *“Tôi tin chắc rằng: cho dù là sự chết hay sự sống, thiên thần hay ma vương quỷ lực, hiện tại hay tương lai, hoặc bất cứ sức mạnh nào, trời cao hay vực thẳm hay bất cứ một loài thọ tạo nào khác, không có gì tách được chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa thể hiện nơi Đức Kitô Giêsu, Chúa chúng ta”*. (Rm 8,38-39). Không có gì có thể tách chúng ta ra khỏi tình yêu của Thiên Chúa. Đúng vậy, qua đời sống yêu thương chia sẻ với tha nhân, chúng ta hạnh phúc vì được “hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa tình yêu” trong từng ngày sống của mình.

PHẦN II: TÂM SỰ CHIẾC ÁO DÒNG

AI BẢO ĐI TU LÀ KHỔ?

Fr. M. Basiliô Nguyễn Phúc Bình, O.Cist.

Giữa dòng đời hối hả, khi dừng lại ngẫm nghĩ về cuộc sống, ta sẽ thấy: mỗi người đều có cách sống của riêng mình. Ta không cần phải giống hay rập khuôn cuộc sống của ai. Bên ngoài, người ta có thể tươi cười rạng rỡ nhưng ẩn sâu bên trong có khi lại là những giọt nước mắt. Bên ngoài, người ta có vẻ phải bon chen cơ cực nhưng bên trong lại an bình thanh thoi. Về phần mình, tôi vừa mới là một Đan sĩ của Đan viện Xitô Thánh Mẫu Châu Sơn Đơn Dương. Ở đây, tôi cũng có cuộc đời của riêng mình: một không gian tĩnh mịch, một thời gian êm đềm, một cuộc sống quân bình giữa cầu nguyện và lao động với các huynh đệ.

Nhịp sống rất vội vã của nền kinh tế thị trường thời hiện đại khiến cho đời sống đức tin của Kitô hữu chưa bao giờ gặp nhiều thử thách đến thế. Một khoảng thời gian lắng đọng để chìm vào nội tâm sâu kín của lòng mình, để cầu nguyện là điều kiện thiết yếu cho những ai muốn khám phá tình yêu Thiên Chúa. Thế nhưng, không chỉ ở thành phố mà ngay cả ở nông thôn, khi còn chưa kịp mở mắt thức giấc, ta

đã bị bao phủ bởi biết bao tiếng ồn ào náo động của phương tiện giao thông, của truyền hình, ca nhạc... thì thử hỏi làm sao ta có thể hướng lòng lên Thiên Chúa được?

Nhưng Đan viện tôi đang ở thì khác, nơi đây rất thanh vắng, thích hợp cho những tâm hồn đang khát khao gặp và yêu mến Thiên Chúa trong thinh lặng. Người đã chẳng đưa dân Israel vào sa mạc nhằm xa lánh thế gian ồn ào để gặp gỡ thân tình và để bày tỏ tình yêu của Người cho họ sao? Chẳng phải ngôi sao lạ báo hiệu Đấng Cứu Thế xuất hiện cũng mọc lên từ chốn khiêm hạ giữa đêm thinh lặng đó sao? Chẳng phải Ngôn sứ Isaia đã gặp Đức Chúa của ông trong ngọn gió hiu hiu chứ không phải trong gió bão, lốc xoáy, động đất đó sao? Nơi đây, Đan viện chính là sa mạc, là tiếng gió hiu hiu thổi qua “ngọn thông Đan sĩ” khiến chúng reo vui.

Cha Henri Denis - Biển Đức Thuận - Tổ Phụ của chúng tôi đã dạy rằng: *“Muốn nên thánh hãy giữ Luật Dòng”*,³¹ mà muốn giữ luật dòng, muốn sống bác ái với anh em thì không gì bằng giữ luật thinh lặng. Ngài cảm nghiệm thinh lặng như một phương thế quan trọng giúp ta nên thánh và đưa ta vào sa mạc của cõi lòng. Tuy nhiên, “tự bản chất thinh lặng không có giá trị gì”. Thinh lặng chỉ có giá trị khi nó trở thành môi trường và trung gian dẫn đến cầu nguyện gắn bó với Thiên Chúa và tha nhân. Thật vô ích khi ta đi làm cỏ, bón phân hằng ngày mà không gieo hạt giống, vì không gieo thì cũng chẳng

³¹ Lời Giáo huấn của cha Tổ phụ Biển Đức Thuận, số 31.

có gì để gạt. Cũng vậy, thỉnh lặng chỉ là việc thừa thãi nếu ta không dùng nó để mở đường tiến vào đời sống cầu nguyện. Thỉnh lặng luôn đi trước và đi đôi với cầu nguyện; nhìn vào đời sống của các Đan sĩ, ta sẽ thấy rõ điều đó. Cuộc sống của chúng tôi luôn bao gồm những khoảng lặng cả trong phụng vụ cũng như trong sinh hoạt. Trong đó, khoảng lặng quan trọng nhất là sau Kinh Tối và Kinh Đêm được xem là thỉnh lặng thánh vì cần thỉnh lặng nghiêm ngặt để hồi tâm xét mình, sám hối và tạ ơn Thiên Chúa tình yêu.

Thực tế, không muốn thỉnh lặng, không tha thiết cầu nguyện thì ngay cả những Kitô hữu nhiệt thành cũng sẽ dần dần xa cách Chúa. Vì gánh nặng cơm áo gạo tiền khiến họ rơi vào vòng xoáy mà ở đó thỉnh lặng là xa xỉ và cầu nguyện là nhảm nhí mất thời giờ. Từ đó, họ không còn đặt niềm tin nơi Chúa nhưng chạy theo của cải, tiền bạc để hưởng thụ. Thiên Chúa chỉ là giải pháp sau cùng khi người ta gặp khốn khó, bệnh tật hiểm nghèo vô phương cứu chữa.

Nhưng đối với người Đan sĩ, nhờ môi trường thỉnh lặng cầu nguyện, họ dễ dàng kết hiệp liên lý với Thiên Chúa suốt cả ngày sống, ở bất cứ đâu, trong bất cứ công việc nào. Đời sống cầu nguyện ấy như một bộ rễ giúp họ bám sâu, bám chặt vào Chúa hầu hút lấy dưỡng chất là ân sủng dồi dào phong phú Người ban tặng, không chỉ để nuôi dưỡng linh hồn và đời sống tâm linh của họ, nhưng còn để chuyển thông và sinh ích cho Hội thánh và toàn thể thế giới.

Bên cạnh đời sống cầu nguyện thì đời sống cộng đoàn cũng là một yếu tố rất quan trọng của đời Đan tu. Quả thật, “không ai là một hòn đảo”. Chúng tôi có được sự nâng đỡ và khích lệ rất lớn từ tình huynh đệ trong cộng đoàn. Đời sống của mỗi Đan sĩ được ví như một cây thánh giá không chỉ mở ra theo chiều dọc hướng lên Thiên Chúa, nhưng còn mở ra theo chiều ngang hướng về những huynh đệ cùng tu, mà theo lời thánh phụ Biển Đức: *“Đời sống cộng tu là đời sống anh dũng nhất”*³². Vì ở đó ta học cách đón nhận những khác biệt của anh em, cảm thông và nâng đỡ yếu đuối của anh em, bao dung cho những lầm lỗi của anh em, và nhờ đó ta đạt đến đức ái hoàn hảo.

Trong bốn bức tường của Đan viện, chúng tôi nỗ lực để họa lại đời sống của cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi ở Giêrusalem, xây nên một trường học yêu thương, cùng tuân giữ một Tu Luật, chung một bầu khí thinh lặng, chung lời cầu nguyện, chung một nếp sống, chung một lý tưởng, chung một tình yêu, hợp như lời cha Tổ phụ Biển Đức Thuận rằng: *“Chúng ta ai nấy cùng là anh em với nhau, đang đi cùng nhau một đường, tiến về cùng một Cha chúng ta trên trời và lãnh nhận cùng một ân huệ như nhau”*. Nếu bạn thắc mắc về đời sống của người Đan sĩ Kitô thì như bạn đã thấy rồi đấy, đó là cuộc sống của chúng tôi.

³² Tu Luật, Lời mở.

XIN DÂNG LỜI CẢM TẠ*Fr. M. Michael Nguyễn Văn Lượng, O.Cist.*

Bốn năm trôi qua nhanh như một giấc mơ. Hôm nay, khi quỳ dưới chân bàn thờ, tôi lắng nghe tiếng lòng mình ngân vang cùng bài thánh ca dâng hiến. Một chặng đường dài đã đi qua, mở ra một chặng đường mới. Giai đoạn Tập viện tưởng chừng dài, nhưng lại đông đầy biết bao kỷ niệm. Ngày đầu tiên bước vào, tôi thấy con đường trước mặt dài đằng đẵng; nay nhìn lại, tất cả chỉ như thoáng mây bay, để lại trong tôi những ký ức sâu đậm - như hạt giống âm thầm nảy mầm dưới đất, chuẩn bị cho ngày trở bông trong đời thánh hiến Đan tu.

Những kỷ niệm vui hiện về rõ ràng như mới hôm qua: đó là những buổi sớm tinh sương, khi tiếng chuông ngân mời gọi Cộng đoàn thức dậy, rời giường giữa cái se lạnh của vùng cao nguyên Langbiang. Chúng tôi lặng lẽ bước vào nhà nguyện, mang theo sự thình lặng và chờ mong. Những bài Thánh vịnh được hát chung hòa quyện như dòng suối tinh khôi chảy qua tâm hồn, thanh luyện mọi vương bận, mở ra một ngày mới đầy ân sủng.

Tôi nhớ những mùa hè, khi chúng tôi lao động ngoài vườn: người cuốc, người trồng, người tưới. Mồ hôi chảy ròng, nhưng nụ cười vẫn nở. Tiếng cười rộn rã át cả tiếng ve, khiến mệt nhọc trở thành niềm vui. Tôi nhớ những buổi

chiều, khi cộng đoàn tập trung trên sân banh hay sân bóng chuyền, khi quả bóng được tung lên cao, cùng bay theo là tiếng hò reo náo nhiệt. Rồi những dịp hiếm hoi được cùng nhau dã ngoại, đi thăm các Đan viện khác, hay picnic giữa đồi thông - ca hát, hay lắng đọng để nghe những nỗi niềm tâm sự của nhau. Những khoảng thời gian ấy đã làm nên một gia đình nhỏ, nơi tôi cảm nhận sâu xa tình huynh đệ thiêng liêng: thứ tình yêu vừa đơn sơ vừa vững bền, gắn bó những con người rất khác nhau thành một Cộng đoàn hiệp nhất.

Tuy nhiên, đời sống Cộng đoàn cũng không thiếu những lúc thử thách. Có những ngày tôi thấy mình và anh em không hiểu nhau; lời nói vô tình gây tổn thương, hay thái độ nóng nảy khiến lòng trùng xuống. Đã có những đêm tôi nằm thao thức, cảm thấy cô đơn và mệt mỏi, tự hỏi: *Liệu mình có thực sự được gọi vào đời sống này không?*

Nhưng chính những giây phút đó lại trở thành “lửa thử vàng”, giúp tôi nhận ra sự mỏng dòn của mình, từ đó học cách thính lặng, lắng nghe và tha thứ. Tôi dần hiểu rằng: rạn nứt không phải để chia rẽ, mà để gắn bó hơn. Vì qua những va chạm ấy, tôi mới thực sự học yêu thương anh em bằng trái tim của Đức Kitô - một trái tim bao dung, kiên nhẫn và không tìm lợi ích riêng. Mỗi lần vượt qua một thử thách, tôi cảm thấy mình trưởng thành thêm một chút, vững vàng thêm một chút, sẵn sàng và xác tín hơn trong ơn gọi.

Còn nữa, cha Tập sư là người đã đồng hành sát cánh với chúng tôi trong hành trình ơn gọi. Một điều rất đặc biệt là

trong bốn năm ở Tập viện, tôi đã trải qua ba lần thay đổi cha Tập sư. Mỗi vị đến như mở ra một giai đoạn mới trong hành trình thiêng liêng của tôi, với phong cách riêng và ân sủng riêng. Có vị hiền từ, bao dung như người cha trong dụ ngôn “Người cha nhân hậu” - luôn mở rộng vòng tay đón nhận, để chúng tôi cảm thấy an toàn và được yêu thương. Có vị nghiêm nghị và sâu sắc như ông chủ trong dụ ngôn “Cỏ lùng và lúa tốt” - dạy chúng tôi kiên nhẫn với chính mình và với anh em, biết chờ đợi để hoa trái trưởng thành, không vội vội bỏ yếu đuối, nhưng để ơn Chúa biến đổi. Và có vị dịu dàng như người mẹ hiền - “ấp ủ đàn con dưới cánh”, chăm chút từng ly từng tí, giúp chúng tôi vững vàng bước thêm một đoạn đường, chuẩn bị cho ngày khải dòng.

Nhờ được dẫn dắt bởi ba vị Tập sư với ba phong cách khác nhau, tôi cảm thấy mình như được huấn luyện qua nhiều “lò luyện”, mỗi lò nung tôi theo cách riêng, để dần dần trở nên tinh ròng hơn.

Bốn năm Tập viện là bốn năm được đào tạo trong khuôn khổ Tu luật cha thánh Biển Đức, nơi tôi học từng bước để trở nên *người cầu nguyện và người lao động đích thực* - ora et labora. “Cầu nguyện và lao động” không còn chỉ là châm ngôn, mà đã trở thành nhịp sống thấm vào máu thịt. Tôi học được niềm vui trong tĩnh lặng, bình an trong học hành và lao tác, khôn ngoan khi đối diện với yếu đuối bản thân.

Giờ đây, khi đã khấn hứa trước mặt Chúa và Cộng đoàn, tôi biết rằng bốn năm ấy không hề uổng phí. Đó là quãng thời gian gieo hạt và vun trồng, để hôm nay hạt giống có thể đâm chồi nảy lộc. Cuộc sống nơi Tập viện - dù có nhiều vui buồn, thăng trầm - đã dạy tôi bài học quý giá nhất: theo Chúa không phải để tìm kiếm sự thoải mái, nhưng là học biết yêu thương, và để được yêu thương trong mọi hoàn cảnh.

Tôi cảm tạ Chúa vì hồng ân được bước vào, được sống dưới ngọn cờ của Tu luật Thánh phụ Biển Đức, trong mái nhà Đan viện Xitô Thánh Mẫu Châu Sơn Đơn Dương thân yêu này. Và tôi xin dâng lại tất cả những gì đã sống trong bốn năm qua như một lễ vật cảm tạ, như một lời hứa bước tiếp trên con đường Đan tu với một trái tim trung thành và bình an.



HÀNH TRÌNH ÂN PHÚC

Fr. M. Oscar Romero Đỗ Văn Trình, O.Cist.

Mới ngày nào tôi còn chập chững bước vào Tập viện, thế mà hôm nay tôi đã phải xa cách. Thời gian trôi qua thật là nhanh. Bốn năm trôi mà tôi cứ tưởng như bốn tuần vừa trôi qua vậy. Dù thời gian trôi qua thật nhanh, nhưng nó đã để lại trong tôi nhiều cảm xúc và cho tôi có nhiều bài học thật quý giá. Sau đây là một vài cảm nhận của tôi về giai đoạn sống và học tập tại Tập viện thân yêu.

Trước tiên, tôi đã được Chúa thương yêu gọi vào Đan viện Xitô Thánh Mẫu Châu Sơn Đơn Dương để được sống với Chúa và anh em nơi Tập viện. Tôi đã ngỡ ngàng tự hỏi: Có biết bao nhiêu chàng trai trẻ đẹp, thông minh, và nhanh nhẹn hơn tôi mà sao Chúa không gọi. Chúa lại gọi tôi, một đứa xấu xí, cao lều nghều như cây sào, cổ như cổ cò, mắt mũi thì hốc hác, má còm hóp lại, tóc muối nhiều hơn tiêu... nhìn tôi chắc chẳng có hy vọng gì vào tương lai.

Thứ đến, khi được vào và sống dưới mái Nhà Tập, Chúa đã ban cho tôi có nhiều thì giờ để sống với Chúa. Ngoài bảy giờ kinh Phụng vụ, tôi còn có thời gian khác để kết hiệp với Chúa như là: thời gian đọc và suy niệm Lời Chúa, thời gian để cầu nguyện, chia sẻ niềm vui nỗi buồn với Chúa. Mỗi lần ở bên Chúa tôi đã kể cho Chúa nghe những niềm vui, đặc biệt là những khó khăn vất vả, những cơn thử thách gian nan của

mình. Sau đó tôi được bình an và thêm sức mạnh để có thể bền đỗ theo Chúa trong giai đoạn này.

Tiếp theo, khi được sống trong Đan viện, tôi cảm nhận rằng Chúa đã gọi tôi ra khỏi Ai Cập là thế gian tội lỗi để cho tôi sống trong miền đất hứa của Ngài là Đan viện này. Đan viện là gia đình thánh của Chúa, vì ở đây toàn là những người khao khát nên thánh. Cho nên, tôi có cơ hội được “cắt tỉa” những “sần sùi, gai nhọn”, những yếu đuối và khuyết điểm nơi bản thân.

Giai đoạn Nhà Tập có thể nói là thời gian tôi được Chúa thanh luyện nhiều nhất. Người ta nói mọi sự khởi đầu nan. Đúng thực là như vậy! Một cây tre đã già rồi thì rất khó uốn. Tôi chính là cây tre già đó, vào dòng khi tuổi đã lớn, mà như thể cây tre càng lớn lên thì xung quanh nó càng nhiều gai nhọn. Ai chạm vào nó chắc sẽ bị nó làm tổn thương. Nhưng Chúa có cách của Ngài. Chúa sẽ cắt đi từng cái gai đó của tôi. Đó là cái gai kiêu căng, cái gai ích kỷ, cái gai lười biếng... Chúa cắt tôi bằng cách cho tôi nhiều đau khổ để rồi tôi bớt kiêu căng, bớt ích kỷ, và bớt lười biếng. Khi đó tôi mới biết tin tưởng, cậy trông và phó thác vào Chúa và anh em hơn. Cuộc sống của tôi, bên cạnh những niềm vui và hạnh phúc thì bao giờ cũng có lẫn những nỗi đau và phiền muộn, những chiến đấu âm thầm với ba thù hung hãn.

Đầu tiên, tôi phải chiến đấu với chính cái tôi ích kỷ và tật xấu của mình một cách vất vả. Theo con người tự nhiên, tôi thích sự dễ dãi, thích tự do, thích làm gì làm..., nhưng

trong Nhà Dòng thì tất cả đều trật tự. Tôi phải tập giữ Luật Dòng, phải vâng lời bề trên. Nhiều khi ý bề trên thì không giống ý mình, thậm chí trái ngược nữa. Mỗi lần như vậy, tôi phải chiến đấu với bản thân để từ bỏ ý riêng của mình. Thà tôi không biết gì thì có lẽ tôi sẽ vâng phục dễ dàng hơn. Nhưng tôi lại là kẻ “dở dở ương ương” cùng với cái đầu thích lý sự, nên tôi gặp phải nhiều khó khăn khi thực hành đức vâng phục. Nếu điều gì tôi thấy trái ý, tôi rất khó vâng theo. Nhiều khi muốn nói ra nhưng vẫn sợ: sợ bề trên ghét bỏ mình, sợ anh em hiểu lầm. Có nhiều nỗi sợ nhưng tôi vẫn làm thinh, mà trong lòng thì không vui tí nào.

Khi tôi vâng phục bề trên trong những điều mình thấy vô lý, tôi đã học được một bài học quý giá: đối với Chúa, chuyện đúng sai không thành vấn đề, nhưng Chúa muốn tôi tập từ bỏ chính mình. Đó mới là điều quan trọng. Chúa muốn tôi yêu mến Người ngang qua việc từ bỏ ý riêng để làm theo ý Chúa (x. Lc 9,23), tức là ý của người hướng dẫn tôi. Dần dần tôi đã nhận ra việc từ bỏ ý mình là điều đẹp lòng Chúa. Tôi tin rằng Chúa có thể biến đổi một điều không tốt trở nên tốt lành cho tôi.

Một sự thử thách khác tôi phải chấp nhận, đó là tôi không ăn uống như người bình thường được. Có thể đường ruột của tôi không được tốt. Nếu tôi ăn uống không cẩn thận thì “tào tháo” lại đến hỏi thăm. Nhiều hôm đi làm về mệt mà tôi chỉ ăn được một món canh, còn món mặn thì không thể ăn được vì cay quá. Hôm nào mà món canh có ớt, có tiêu thì

hôm đó tôi chỉ ăn cơm với nước mắm thôi. Nếu điều đó tái diễn một ngày hay một tuần thì không sao, nhưng thực sự điều ấy đã xảy ra suốt bốn năm trời.

Nhiều lần tôi tự hỏi: mình có ơn gọi này hay không? Sao Chúa để cho con phải vác thập giá nặng nề đến thế? Nhưng ơn Chúa vẫn đủ cho tôi (x. 2 Cr 12,9), cụ thể là cho đến nay tôi vẫn ổn. Mặc dù không được khỏe mạnh như các anh em, nhưng tôi cũng không quá ốm yếu. Qua thập giá này, tôi đã học được nhiều điều bổ ích cho chính mình. Tôi không thể bắt Cộng đoàn theo ý mình được, mình phải thích nghi thôi. Bây giờ, đối với tôi, đồ ăn thức uống không còn là điều quan trọng nữa! Ăn ngon cũng được, mà ăn khổ cũng không sao. Tôi chịu được hết (x. Pl 4,13). Tôi tin rằng Chúa không bao giờ để tôi chết đói đâu! Chẳng qua Chúa muốn tôi biết làm chủ bản thân, làm chủ đồ ăn thức uống, không phải lệ thuộc vào nó quá đáng.

Thêm một thử thách nặng nề nữa làm tôi đau đớn, đó là Chúa đã gọi bố tôi về với Người. Từ nay, tôi có gọi điện về cho bố thì bố cũng không thể nghe. Tôi có muốn được nhìn thấy bố ăn, uống, nói, cười thì cũng chẳng thể được nữa. Bố đã rời xa tôi! Đó là một sự thật không thể hoài nghi. Dù tôi có nguy bệnh thế nào đi nữa thì cũng không thể thay đổi được sự thật này. Sự thật đau lòng mà tôi buộc phải chấp nhận. Đó là một chân lý, dù muốn hay không, tôi vẫn phải chấp nhận.

Sự thật này đã giúp cho mắt linh hồn tôi có thể mở ra để nhìn rõ hơn về thân phận con người, cụ thể là chính cuộc

đời tôi. Là con người thì không ai có thể sống mãi trên cõi đời này. Chúng ta ai rồi cũng chết. Tôi cũng vậy, một ngày nào đó tôi cũng phải từ giã cuộc đời này. Dù tôi có yêu quý cuộc đời đến đâu, dù nó có đem lại cho tôi bao nhiêu niềm vui đi nữa, thì rồi tôi cũng phải rời xa, cũng phải nói lời chia tay. Mỗi người chỉ có một cuộc đời để sống, cho nên tôi phải sống sao để khi nhắm mắt lìa đời, tôi sẽ ra đi trong bình an, hoan lạc. Ấy là những điều tôi đã được trải nghiệm nơi Tập viện.

Thật vậy, thời gian được sống trong Tập viện là một món quà quý giá Chúa đã ban tặng cho tôi. Chỉ với thời gian ngắn ngủi, nhưng tôi đã có được nhiều cảm xúc và bài học quý giá, nhiều điều tốt lành và nhiều điều cần thiết cho hành trình ơn gọi Đan tu. Những điều đó thực sự là hành trang để tôi có thể tiến xa và bay cao hơn nữa trên con đường bước theo chân Chúa. Tôi chẳng biết phải nói gì thêm, chỉ biết cảm tạ Thiên Chúa, cảm ơn quý cha và quý anh em mà tôi có cơ hội được sống trong gia đình Tập viện thân yêu này.



Đi Tu

Châu Sơn

Đi tu đâu có dễ dàng chi
Xót lòng đành dứt mối tình si
Cô đơn một cõi mùa đông lạnh
Đôi khi lại nhớ... tí tí ti

Đi tu đâu có dễ dàng chi
Nản lòng nhụt chí cũng nhiều khi
Yêu Chúa mỗi ngày thêm chút nữa
Tình yêu say đắm cần kiên trì

Đi tu đâu có dễ dàng chi
Song thân phụ mẫu ai lo gì
Đêm ngày khắc khoải chưa tròn hiếu
Ý Chúa phó dâng việc diệp kì

Đi tu đâu có dễ dàng chi
Vinh nhục đa đoan cũng lắm khi
Gia đình bạn hữu chung một vạ
Giữa cõi vô thường dạy bước đi

Đi tu đâu có dễ dàng chi
Gian nan rũ bỏ thói kiêu kì
Kiên tâm bám chặt vào Thần Khí
Cát bụi thân đây cứ phải lìa

Đi tu đâu có dễ dàng chi
Sức người yếu đuối đáng là gì
Tin ơn Chúa giúp lòng vui bước
Đi tu dễ lắm khó khăn chi!

PHẦN III: KHOẢNH KHẮC ĐẸP



Viện Phụ M. Đaminh Trần Tiến Thiệu

- Sinh năm 1972, tại Giáo xứ Thánh Mẫu, Giáo phận Bùi Chu.
- Năm 1988, gia nhập Đan Viện Xitô Thánh Mẫu Châu Sơn Đơn Dương.
- Năm 2005, thụ phong Linh mục.
- Ngày 15/05/2025, cha Đaminh được bầu làm Viện phụ thứ VIII của Đan Viện Xitô Thánh Mẫu Châu Sơn Đơn Dương.
- Theo Thối Lệ, số 211: "Viện phụ đích thân đảm nhận chức vụ trưởng ban Huấn luyện".

BAN HUẤN LUYỆN



Cha Tập sự
M. Gioan Lasan Ngô Văn Vỹ



Thầy Phụ tá
M. Addolorata Trương Văn Hiền



Cha Phụ giúp
M. Luygonzaga Vũ Đức Tú



Cha Giáo
M. Matthia Đinh Văn Bôn



Cha Giáo
M. Galgano Trần Quốc Toàn



Cha Giáo
M. Giacobe Trần Văn Văn



Cha Giáo
M. Phanxico Nguyễn Hoài Lâm

TẬP VIỆN THÁNH BÊNĂĐÔ 2025



Lớp Thỉnh sinh I

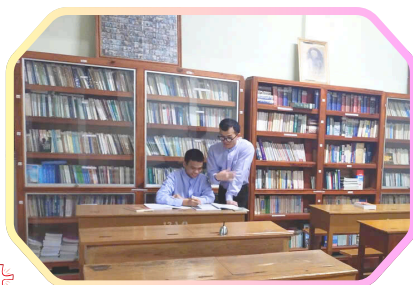


Lớp Thỉnh sinh II

ĐỜI SỐNG THIÊNG LIÊNG



HỌC TẬP



LAO TÁC



ĐỜI SỐNG CỘNG ĐOÀN



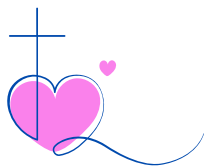
ĐÓN NHẬN THÌNH SINH



08/2024



12/2024

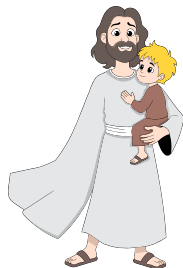


04/2025



KHẨN SƠ KHỞI

15/08/2025





KHẨN SƠ KHỞI

26/01/2025





Merry Christmas



NĂM MƠI BÌNH AN



Hành hương Năm Thánh Hy Vọng

Đan
viện
Xitô
Châu
Lâm



Nhà
thờ
Kađon



Nhà thờ
Chính Tòa Đà Lạt



Hành hương Năm Thánh Hy Vọng

Nhà thờ
Domaine de Marie



TTMV
Giáo phận Đà Lạt

Đại chủng viện
Minh Hoà - Đà Lạt





VỀ BÊN MẸ



HUẤN LUYỆN NGOẠI KHÓA



Đan viện Xitô Phước Sơn



Đan viện Xitô Thiên Phước



Đan viện Xitô Phước Thiên



Đồi Thông Châu Sơn



Hang Rải - Ninh Thuận



TẬP VIỆN MỪNG BỔN MẠNG